PHƯƠNG PHÁP SOẠN BÀI GIẢNG

(Phần II: Giảng Giải Kinh)

Harold E. Knott

Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam

Phương Pháp Soạn Bài Giảng (II)

Ấn bản 2007

Viện Thần Học Tin Lành Việt Nam giữ bản quyền

Mục Lục

Lời Tựa 5

1. Giá trị của công tác giải kinh 7
2. Bố cục bài giảng 21
3. Kinh Thánh 30
4. Đề tài 40
5. Nhập đề 52
6. Các phần chính 64
7. Phần khai triển 79
8. Phần kết luận 99
9. Các điều kiện thành công 105
10. Ảnh hưởng của phương pháp giải kinh trên giọng nói 111
11. Các bài giảng minh hoạ cách sử dụng Kinh Thánh khác nhau 117
12. Các bài giảng minh hoạ phương pháp khai triển khác nhau 135

Tựa

Có ba sự kiện đã tạo ấn tượng trên tác giả suốt mười lăm năm dạy môn Tuyên đạo pháp cho các thanh niên đang chuẩn bị cho chức vụ.

Đầu tiên trong số đó, là các tác giả viết về chủ đề Tuyên đạo đều nhất trí với nhau về giá trị của công tác giảng giải kinh. Mọi người đều đồng ý rằng đây là dạng thức hữu hiệu nhất của hùng biện trên tòa giảng.

Điều thứ hai bắt buộc tác giả phải lưu ý, ấy là trong khi mọi người đều nhất trí như thế, thì lại có rất ít các nhà truyền đạo hiện đại sử dụng phương pháp này. Lý do của tình hình này dường như, hoặc do thiếu kiến thức về giá trị của các bài giảng giải kinh, hoặc là do thiếu khả năng để soạn thảo chung.

Trong khi cố tìm hiểu điều khác thường kỳ lạ này, tác giả lại có một ấn tượng khác nữa về sư kiện là trên thực tế đã chẳng có quyển sách nào được xuất bản đặt được vào tay các nhà truyền đạo những phương tiện để khai triển thật hữu hiệu về phương diện này.

Sự khiếm khuyết bất hạnh của nền văn hóa về tôn giáo của chúng ta đó là nguyên nhân của quyển sách này và nếu nó không hoàn tất được tất cả những gì tác giả mơ ước, tác giả mong rằng ít nhất nó cũng chứng tỏ được là có gợi ý về một số trợ giúp

để mọi người tập trung chú ý vào lãnh vực quan trọng nhưng đã bị lãng quên này trong công tác nghiên cứu thần học.

H.E.Knott

Chương I

GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TÁC GIẢNG GIẢI KINH

Giảng giải kinh là một nổ lực nhằm giải thích minh họa và ứng dụng Kinh Thánh vào đời sống. Theo lời của F.B.Meyer "giảng giải kinh là cách nghiên cứu liên tiếp nhau một quyển sách hay đoạn sách dài nào đó trong Kinh Thánh mà nhà truyền đạo đã tập trung cả tấm lòng, trí não và sức lực của mình vào đó. Và ông ta đã từng suy tư, khóc lóc và cầu nguyện về nó, cho đến khi nó chịu phơi bày ra điều bí mật bên trong, và tinh thần của nó đã chuyển thành tinh thần của ông ta.

Chủ đích của giải kinh là giúp người nghe tìm thấy trong Kinh Thánh cách lý giải thật sự, đúng đắn về cuộc đời. Nó vừa là một lý tưởng cao đẹp, vừa là một công tác thích thú nhất, nhen nhúm trong lòng diễn giả tia lửa thiên đàng để bừng sáng lên thành sự phấn khởi hăng say và niềm tin quyết.

Tất cả các nhà truyền đạo nổi tiếng cũng như toàn thể các tác giả viết về chủ đề Tuyên đạo pháp đều xem công tác giảng giải kinh là một phương pháp lý tưởng. Như Phelps trong tác phẩm *Theory of Preaching* của mình, nói "Nhờ bắt đầu bằng việc giải

kinh, tòa giảng đã phân phát sự trợ giúp và sức kích thích quan trọng nhất và đủ loại." Chẳng hề có điều gì khác lại dành cho công tác giảng dạy phạm vi rộng rãi của tư tưởng tôn giáo cho bằng công tác giải kinh khi nó nổi bật hẳn lên như thành quả của một tâm trí phong phú, hoàn chỉnh - phong phú về các nguồn tài nguyên bác học, và hoàn chỉnh về các mục tiêu mãnh liệt và thực tiễn.

Khoa trưởng Brown của Phân khoa Thần học Đại học đường Yale, trong tác phẩm *Art of Preaching* tuyên bố rằng Ông rất tâm đắc với phương pháp này bằng những lời lẽ như sau: "Tôi là người tin tưởng chắc chắn vào phương pháp giảng giải kinh." Ngoài nhiều lý do khác nhằm giải thích thái độ đó của mình, Ông khẳng định rằng: "có sự bảo đảm của lịch sử rằng nó vốn là phương pháp của các sứ đồ." Nó "bảo đảm bản thân nhà truyền đạo có một kiến thức thấu đáo hơn về Kinh Thánh."

Ông cũng nói: "Phương pháp truyền giảng này cũng làm phát triển một kiến thức thấu đáo hơn về Kinh Thánh về phía các tín hữu." "Hình thức giảng giải kinh dần dần làm phát triển cả trên tòa giảng lẫn dưới các hàng ghế dành cho cử tọa một quan điểm theo Kinh Thánh, mà chẳng một phương pháp nào có thể tốt hơn".

Trong quyển *The Preacher and His Sermon*, Giáo sư Smyth của Đại học đường Dublin, nói: "Lời truyền dạy của chúng ta sẽ có hệ thống hơn nhiều nếu chúng ta có càng nhiều bài giảng giải kinh hơn. Đây là một nhu cầu quan trọng. Mọi người không

học Kinh Thánh, họ không biết rằng khi được hiểu một cách đúng đắn thì một sách trong Kinh Thánh sẽ vô cùng lý thú như thế nào" Nhiều tác giả khác viết về chủ đề này cũng bày tỏ ý kiến rõ ràng và nhấn mạnh như thế về phương pháp giảng giải kinh.

Thường xuyên sử dụng các bài giảng giải kinh là một thói quen tốt của người truyền đạo. Nó khiến ta càng chú ý nghiên cứu Kinh Thánh sâu rộng và sinh động hơn. Nó khích lệ ta that sự tìm kiếm tài liệu cho bài giảng, chớ không phải chỉ đơn thuần tìm trong các bài báo hay các tác phẩm khoa học hoặc triết học. Khái niệm cho rằng Kinh Thánh không đáng chú ý hoặc thiếu tài liệu cho các bài giảng, kém hẳn nhiều lãnh vực khác, là một sai lầm to lớn. Lý do duy nhất để mọi người tưởng rằng Kinh Thánh không đáng quan tâm, chính vì họ vốn không biết nó. Có thể F.B.Meyer đã không nhấn mạnh quá đáng khi bảo rằng người thật sự thấu triệt Kinh Thánh vốn ít hơn số người am hiểu các tác phẩm tiêu chuẩn của tiểu thuyết hoặc thi ca.

Phương pháp giải kinh cũng dẫn tới một phương pháp mới mẻ để nghiên cứu Kinh Thánh. Chủ đích được thay đổi từ chỗ đi tìm nền tảng cho các bài giảng trong những đoạn Kinh Thánh riêng lẻ, sang việc đi tìm ý nghĩa cho một sách hay một chương sách.

Phương pháp mới mẻ để tiếp cận Kinh Thánh này cũng tạo chiều rộng cho tâm trí người ta, và vừa giữ được nhà truyền đạo cứ tiếp tục làm một sinh

viên, mà đồng thời cũng giữ cho cách suy tư của nhà truyền đạo hài hoà với chân lý của Đức Chúa Trời. Bộ sách duy nhất mà nhà truyền đạo phải biết rõ, là bộ Kinh Thánh của mình; và biết đây không phải chỉ là một ý thức về việc tích lũy nhiều câu Kinh Thánh, nhưng là biết rõ ý nghĩa mặc khải của nhiều câu khác nhau trong văn mạch. Một người càng biết rõ Kinh Thánh và cố gắng sống áp dụng Kinh Thánh trong chính đời sống mình, thì sẽ càng trở thành người tốt đẹp hơn sẽ tạo được ảnh hưởng sâu rộng hơn trên hội chúng và cộng đồng của mình.

Hội thánh ngày nay đang khổ sở vì sự phục vụ của hai loại người đứng trên tòa giảng - những người quá rộng rãi am hiểu và những người quá thiển cận, nghèo nàn. Nhóm đầu học biết nhiều về Kinh Thánh nhưng không thấu triệt những gì ở trong đó, hoặc đã mất lòng tin vào đó, và đang cố gắng tiếp cận tâm trí quần chúng bằng những bài thuyết trình nho nhỏ về các biến cố trong quá khứ, nói thao thao bất tuyệt về mối liên hệ giữa khoa học với tôn giáo, nhu cầu của tâm trí hiện đại và những chủ đề tương tự như thế. Nhóm kia gồm những người truyền giảng hoàn toàn theo đường lối chính thống và thành thật, nhưng lại có tâm trí được trang bị quá nghèo nàn, và chỉ có một sự hiểu biết mơ hồ về toàn bộ Kinh Thánh. Lẽ tự nhiên là các bài giảng của nhóm người này thiếu mất chiều sâu của tư tưởng, và ngoài việc biểu hiện lòng chân thành, đức tin và hy vọng, họ thiếu hiệu quả vì không kết hợp được chân lý của Kinh Thánh với từng trải cá nhân.

Nếu số người am tường chịu đặt các bài giảng của họ trên nền tảng là Kinh Thánh, còn nhóm người sau biết rõ Kinh Thánh hơn, chắc chắn cả hai sẽ giảng thật lý thú, được mọi người quan tâm chú ý hơn, và sẽ giúp ích được nhiều hơn cho những người nghe.

Một trong nhiều nguy cơ mà bất kỳ một nhà truyền đạo nào cũng có thể biến thành nạn nhân là "đều đều đơn điệu." Có thể rằng lối giảng của ông ta vốn chịu ảnh hưởng bởi tình trạng tính khí của mình. Phần đông mọi người, nếu không phải là tất cả đều như thế, do đó họ có thể cứ giảng theo những chiều hướng đặc biệt của tính khí, của sự được đào tạo và từng trải. Nếu một người có khuynh hướng cẩn trọng, thì rất có thể ông ta sẽ phơi bày trong công tác đứng trên tòa giảng của mình một mối quan tâm chú ý đến một khu vực cá biệt nào đó. Nếu người ấy có xu hướng về thần bí học, rất có thể ông ta sẽ dành nhiều thì giờ cho những chuyện ở trên chín tầng mây. Còn nếu ông ta bị một căn bệnh hoặc đang có khó khăn về tài chính, các bài giảng của ông có thể sẽ rất mờ tối âm u. Mọi người đều thích sự thay đổi. Chúa đã không tạo ra chỉ độc nhất một loài hoa, cũng không đặt định để tất cả các trái cây đều có cùng một hình dáng, độ lớn, màu sắc, hoặc hương vị. Tuy nhiên mọi nguy cơ của tính khí, của sự đào tạo huấn luyện và từng trải đều có thể chỉ là bên ngoài đến một chừng mực nào đó, khi mà bằng phương pháp giải kinh, chúng ta khiến cho kinh nghiệm phù hợp với các chân lý của Kinh

Thánh, chớ không phải là dùng Kinh Thánh để minh họa cho chính từng trải của riêng ta, như điều rất có thể xảy ra trong trường hợp của phương pháp theo đề mục.

Tuy nhiên, không phải phương pháp giải kinh chỉ kiểm soát quan điểm tôn giáo của nhà truyền đạo mà thôi, nhưng nó còn loại trừ được việc phung phí thì giờ và tiêu hao sinh lực do nóng lòng muốn lao đầu vào để giải quyết vấn đề "Chúa Nhật tới, tôi sẽ giảng gì đây? " Brown đưa ra việc ấy như là từng trải của ông, ấy là sau khi dành một hoặc hai tiếng đồng hồ mỗi ngày để nghiên cứu kỹ lưỡng từng quyển sách trong Kinh Thánh và sau bốn tháng đầu tiên thi hành chức vụ, ông đã không phải dành ra mươi lăm phút để săn tìm một câu gốc hay một đề tài nào cả. Người ta có thể nghi ngờ chẳng hay tất cả các nhà truyền đạo giải kinh đều gặp vận may hay không, nhưng mọi người đều phải thừa nhận các quan điểm của ông liên hệ đến giá trị tuyên đạo của việc nghiên cứu với phương pháp giải kinh được ghi khắc vào tâm trí. CũƯng chính tác giả ấy tuyên bố: "Chẳng hề có cách nghiên cứu nào khác lại phong phú về phẩm chất tế vi nhất và về số tài liệu tuyên đạo đa dạng cho bằng nghiên cứu Kinh Thánh. Chẳng hề có những tài liệu nào lại tác động vào các thực tại của sinh hoạt con người và những đòi hỏi cấp thiết của linh hồn người ta mà khéo léo cho bằng các tài liệu thu thập được theo cách đó. Một khi đã có đầy đủ tài liệu rồi, và bằng một tâm trí biết đồng hóa các phẩm chất của chúng, bằng một tài ăn nói

biết đưa chúng ra ngoài đầu lưỡi, một nhà truyền đạo sẽ chẳng bao giờ cảm thấy mình bị suy kiệt. Ông ta sẽ chẳng bao giờ phải vò đầu bứt tai hay đi lang thang ngoài đường phố để tìm một điều gì đó để nói hoặc để chỉ ra. Dòng suối ở đây là vĩnh cửu. Nó là con sông chứa nước hằng sống." Chúng ta cũng chẳng ngạc nhiên chút nào khi nghe ông chứng thực cho giá trị tuyên đạo của phương pháp này, hay điều còn sinh động hơn là việc nâng cao tâm trí "vào bầu không khí của Kinh Thánh, đặc biệt là bầu không khí của đức tin vào Đức Chúa Trời và vào tương lai của thế giới này."

Muốn giải quyết vấn đề bài giảng cho Chúa Nhật sau, ta phải có một lãnh địa để nuôi dưỡng các đề tài mới, và điều vốn chẳng còn gì để thắc mắc rằng Kinh Thánh chính là vùng đất màu mỡ nhất cũng như đáng mơ ước nhất. Hột giống phải nẩy mầm tại đó, bằng không, chúng ta sẽ thất bại trong mục tiêu ứng dụng chân lý do Đức Chúa Trời mặc khải vào trong kinh nghiệm của từng cá nhân. Kinh Thánh chẳng những cung cấp hột giống cho tư tưởng mà còn trợ giúp để khiến nó phát triển nữa. Thí dụ như phương pháp giảng theo đề mục đòi hỏi người giảng phải triển khai mục tiêu bài giảng của mình từ các nguồn tài liệu bên ngoài. Trong khi phương pháp giảng giải kinh tập trung vào việc nghiên cứu sâu phân đoạn Kinh Thánh muốn giảng và chú tâm vào ý tưởng của tác giả đoạn Kinh Thánh. Phương pháp giảng giải kinh không bỏ qua

phần kinh nghiệm, trái lại còn làm hài hòa việc giảng giải kinh với nền tảng lời Chúa.

Một nét đặc trưng khác nữa của bài giảng giải kinh là nó giúp ta dễ nhập giới thiệu các đề mục không mấy được mọi người hoan nghênh. Nhiều nhà truyền đạo cảm thấy khó giảng những bài có liên quan đến tài chánh, công tác truyền giáo, những lời truyền dạy về hôn nhân của Chúa Giê-xu, và những đề tài tương tự. Giảng một bài theo đề mục về bất luận một chủ đề nào trong số vừa kể đôi khi hơi khó khăn và e ngại, nhưng nếu ta đang giải nghĩa Kinh Thánh trong đó các chủ đề ấy là một thành phần chính thức, thì ta có thể đưa chúng vào như một bước triển khai đề tài của mình, và tùy theo ý muốn, phần bị "phản đối" có thể hoặc bị loại bỏ hoặc giảm đi nhiều.

Tuy nhiên, các lợi điểm của cách giảng giải kinh không chỉ giới hạn nơi những truyền đạo mà thôi. Hội chúng cũng nhận được lợi ích từ phương pháp này nữa. Niềm ham thích học Kinh Thánh sẽ được đánh thức khi mọi người thấy rằng Kinh Thánh có thể soi sáng và lý giải những vấn đề của đời sống. Trong thời đại của chúng ta ngày nay, chẳng có gì cần thiết hơn là đánh thức sự quan tâm chú ý của mọi người đối với Kinh Thánh. Đó là niềm hy vọng của nền văn minh của chúng ta. Khoa học và văn học có giá trị về các phương diện trí thức và thẩm mỹ, nhưng về các phương diện luân lý đạo đức và thuộc linh, là những phương diện tối quan trọng, chỉ được khơi nguồn nhờ tiếp xúc với chân lý

của Đức Chúa Trời mà thôi. Điều đáng buồn đối với thời đại giáo dục ngày nay là mọi người không biết gì tới bộ sách hữu ích và đáng quan tâm nhất trên đời. Về mối quan tâm đến con người và giá trị thực tiễn thì ngay đến Shakespeare, Milton và Tennyson, Long Fellow và Lowell đều không phải là những nhân vật có thể so sánh nổi Kinh Thánh. Thậ là một cảm thức thỏa lòng và thích thú biết bao khi có người, sau khi nghe một bài giảng nói rằng: "Tôi chưa hề nghe có ai giải thích như thế trước đây." Từng trải này là khởi điểm cho một mối quan tâm chú ý được làm mới lại trong vấn đề học hỏi nghiên cứu Kinh Thánh.

Với ý kiến nhất trí như thế giữa các giáo sư và nhà văn về chủ đề tuyên đạo và các sự kiện liên quan đến giá trị của nó, dường như tất cả các nhà truyền đạo đều phải giảng những bài giảng giải kinh trong phần lớn các buổi giảng. Tuy nhiên, sự thật lại không phải như thế, trên thực tế giải kinh là một trong những sản phẩm hiếm hoi nhất của tòa giảng. Tại sao lại có điều nghịch lý lạ lùng này? Có lẽ có một số nguyên nhân đã góp phần vào việc bất thường này.

Trước hết, lời giải kinh nghèo nàn là một phần đưa tới ý niệm rằng những bài giảng như thế đều khô khan, chẳng lý thú gì. Harry Emerson Fosdick đã từng chê lối giảng dựa trên sự tự cho rằng tín đồ đến nhà thờ đều quan tâm đến việc giải thích các dữ kiện lịch sử, kết thúc bằng một ứng dụng thực tiễn nào đó cho những người nghe. Ông

đã có lý khi bảo rằng mọi người không đến nhà thờ để nóng lòng muốn khám phá ra điều gì đã xảy ra cho dân Giê-bu-sít. Tuy nhiên, ông không đề nghị loại trừ phương pháp giảng giải kinh, mà trái lại, là nhà truyền đạo cần "bắt đầu với nhu cầu tối cần của người nghe, rồi tập trung hết ý tưởng giảng giải của mình vào đó." Như sẽ được chứng minh về sau, điểm yếu được nêu trên có thể được khắc phục bằng cách chọn một mục tiêu thích hợp, trong đó phần thảo luận được đưa ra trong một bối cảnh sinh động.

Một lý do khác tạo ác cảm đối với các bài giảng giải kinh là quan niệm sai lầm thế nào là một bài giảng giải kinh thật sự. Bài giảng giải kinh không phải là "một bài chia sẻ trôi chảy, ngắn gọn, thích hợp cho một lớp học Trường Chúa Nhật." Nó cũng không phải là một "loại bình bài luận trong buổi nhóm cầu nguyện, đầy dẫy những lời giảng về cách sống tin kính, với một số lời giải nghĩa Kinh Thánh rất lỏng lẻo." Hơn nữa, có cũng không phải là "một bài tóm tắt đầy đủ và tận lực tổng quát hết tất cả những sách giải kinh mà một người đã đọc. Trái lại, trong bài giảng phải có sự nhất quán, diễn biến tiệm tiến, săp xếp tài liệu và một mục tiêu rõ ràng.

Ngoài nhiều lý do khác, có một cảm thức rằng sự đòi hỏi phải giảng cho quảng đại quần chúng và phải ứng dụng bài giảng cho các vấn đề trong thời đại ngày nay, khiến cho việc giảng giải kinh trở thành khó khăn. Như chúng tôi từng vạch rõ, đây là một sai lầm thảm hại. Điều chúng ta tin và mong tỏ bày, ấy là Kinh Thánh vốn sôi động, vẫn giục giã và

tạo phấn khởi như tự bao giờ, nếu được ứng dụng thích đáng. Chẳng có lãnh vực nào của tư tưởng hoặc hoạt động của con người mà Kinh Thánh không thể ứng dụng vào. Trong doanh nghiệp, Kinh Thánh đã giới thiệu buộc "Luật vàng" (Math 7:12) ta phải chăm chỉ cần mẫn, dạy ta "chớ gian dối," và khuyên răn ta "Chớ lường gạt." Chúng ta lại được bảo phải "Chia cơm xẻ áo cho các tín hữu," "làm việc lành cho mọi người," và "hãy tha thứ nếu muốn được tha thứ." Những điều ấy có thực tiễn và thức thời không? Trong mấy năm gần đây, đã chẳng có chủ đề nào cấp thiết hơn là tôn trọng luật pháp. Ở đây, một lần nữa, Kinh Thánh lại lên tiếng và dạy rằng: "Mọi người phải vâng phục chính quyền." Lệnh truyền này đã được ban ra trong lúc chính quyền đang bắt bớ bách hại những người được răn dạy là phải vâng phục họ. Đối với chủ nghĩa lý tưởng, hiện nay rất cần cho thời đại duy vật này, chúng ta được khuyên "Trước hết, phải tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công bình của Ngài để được Ngài tha tội và ngự trị trong lòng" và theo đuổi những điều trong sạch, chân thật đáng yêu chuộng và được tiếng tốt. Với mọi mối quan hệ trong đời sống như trong phạm vi gia đình, phạm vi quốc gia, tại trường học, nơi công sở hay vui chơi đùa, Kinh Thánh đều quy định các nguyên tắc nhằm đáp ứng mọi nhu cầu và giải quyết mọi vấn đề.

Lý do cuối cùng đáng lưu ý của sự hiếm hoi của các bài giảng giải kinh là sự khó khăn mà nhiều người gặp phải trong việc soạn thảo và giảng những

bài giảng thuộc loại này. Muốn thành công trong công tác giải kinh, người ta cần phải có một tâm trí phân giải tỉ mỉ hay óc phân tích, với khả năng tiếp cận tâm thức của thế giới Kinh Thánh để có thể tin quyết và hăng say diễn tả những gì mà các phần Kinh Thánh muốn ứng dụng. Sự kết hợp cả trí óc và tấm lòng, trí tuệ và tình cảm này không phải là điều thường thấy, nhưng nơi nào có sự kết hợp của những yếu tố đó, thì ở đó có năng lực giải kinh. Chẳng hề có năng lực nào sinh động hơn, sức thúc đẩy nào đánh thức được tâm hồn người ta nhanh chóng hơn là việc khám phá ra ngay trong Kinh Thánh cách lý giải và ý nghĩa của đời sống. Nói ra được những khám phá ấy cho một thế giới bao giờ cũng đang chờ đợi là một trong những từng trải phong phú nhất của tâm hồn con người. Bất luận một nhà truyền đạo nào cũng đều hành động đúng khi tìm cách đạt cho kỳ được mục đích đó.

Chẳng bao lâu trước ngày qua đời, Tiến sĩ F. B.Meyer, nhân cơ hội đến thăm Liverpool đã có nhắc lại một biến cố đã đánh dấu cho một điểm chú ý sinh động và quan trọng đã khiến ông trở thành nhà truyền đạo. Đề cập những ngày khi mới bắt đầu chức vụ tại thành phố ấy, ông nói: "Tôi chẳng bao giờ quên chỗ mà chúng tôi cùng đứng với nhau một tối Chúa Nhật sau khi ông Birrell nghe tôi giảng tại nhà thờ Pembroke. Ông nói "thật là một bài giảng hay, nhưng ông giảng về một chủ đề mà các nhà báo có thể giải quyết tốt hơn chúng ta. Nếu ông cứ tiếp tục theo cách đó, ông sẽ phải đi đến chỗ bị cạn

nguồn. Hãy nghe lời khuyên của tôi, và hãy nên hài lòng với các kho vàng của Kinh Thánh, và Ông sẽ chẳng bao giờ bị thiếu, hoặc là chủ đề của một bài giảng hoặc là hội chúng." Tiến sĩ Meyer tiếp: "Câu nói đó làm thay đổi cả cuộc đời tôi. Tôi đã bằng lòng với việc khai quật kho tàng trong Kinh Thánh. Tất cả những quyển sách tôi đã viết và năm mươi bảy năm làm truyền đạo của tôi sở dĩ có được chỉ vì ngay từ đầu, tôi đã nhận thức được vẻ đẹp văn chương, sử tính kỳ thú, sức quyến rũ đạo đức và thuộc linh sâu nhiệm của bộ Kinh Thánh cũ kỹ."

Lời nhận xét của một nhân vật có tâm trí thuộc tầm cỡ ấy thật không phải là điều để chúng ta xem nhẹ và bỏ qua. Điều đó phải được tôn trọng.

Câu Hỏi Chương 1

1. Hãy định nghĩa thế nào là một bài giảng giải kinh và cho biết nó khác biệt với các loại bài giảng khác như thế nào?

2. Theo bạn những lý do nào tác giả viết tuyên đạo pháp cho là quan trọng nhất để chứng minh rằng giảng giải kinh là phương pháp tốt nhất?

3. Đâu là một số kết quả giúp ích được nhiều nhất cho nhà truyền đạo nhờ áp dụng phương pháp giải kinh ?

4. Kế hoạch này giúp giải quyết vấn đề "Chúa Nhật sau, tôi sẽ giảng gì" như thế nào?

5. Trong lãnh vực giảng hiện đại, cần phải cố gắng đến mức độ nào để khơi dậy sự chú ý quan tâm đến việc học hỏi nghiên cứu Kinh Thánh?

6. Chúng ta có thể khẳng định đến chừng mực nào rằng hiện nay mọi người vẫn rất quan tâm chú ý đến Kinh Thánh?

7. Mục tiêu có vai trò gì khiến cho bài giảng giải kinh trở thành lý thú, đáng quan tâm?

8. Theo những gì bạn được biết về các nhà truyền đạo nổi tiếng trong thế hệ của chúng ta và thế hệ trước, bạn biện minh như thế nào cho ý kiến bảo rằng "cách giảng giải kinh đã được hoan nghênh hơn bất kỳ một cách giảng nào khác?"

9. Bạn hãy mô tả mặt tinh thần và tín ngưỡng của người có thể sẽ tạo nên thành công lớn trong tư cách một nhà truyền đạo giải kinh.

Chương 2

BỐ CỤC BÀI GIẢNG

Chúng tôi xin dành mấy chương tiếp theo đây để giải thích và minh họa tiến trình soạn thảo một bài giảng giải kinh bằng cách áp dụng nhiều bước khác nhau đã được sử dụng trong mọi loại bài giảng. Do nhiều tác giả khác nhau chia các bố cục bài giảng theo nhiều cách khác nhau thiết tưởng trước hết, nên quyết định các thành phần cơ bản của một bố cục.

Trong hình thức ngắn gọn nhất nó bao gồm một nhập đề, phần khai triển và phần kết luận. Tuy nhiên, bố cục này quá tổng quát. Dàn bài của Phelps chia một bài thuyết giảng ra thành các phần câu gốc, giải thích, dẫn nhập, đề án, các phần chính, triển khai và kết luận là một hình thức trau chuốt hơn, và rất đúng kỹ thuật. Tuy nhiên nó thiếu tính cách đơn giản cần thiết khi đem ra thực hành. Giữa hai đối cực trên có một chi nhánh bố cục có thể được áp dụng và tin là phù hợp, gần gũi hơn với phương pháp xây dựng một bài giảng nói chung. Nó gồm có: 1. đề tài, 2, Kinh Thánh, 3, nhập đề, 4, các phần chính, 5, phần khai triển và 6, Kết luận. Trong hình thức này, phần giải thích, dẫn nhập và mục tiêu của

dàn bài của Phelps được nhập chung dưới từ ngữ "nhập đề" trong khi phần luận đề (Theme) được thêm vào vì trong bài giảng giải kinh, nó đặc biệt được xem như điều quyết định một phần chính cho phần Kinh Thánh được dùng làm nền tảng cho bài giảng. Để làm sáng tỏ hơn hình thức này, chúng tôi xin đưa ra một thí dụ minh họa cho sáu phần ấy, một bố cục mẫu của ông hoàng của các nhà giải kinh, Tiến sĩ Maclaren.

HÌNH THỨC MỚI CHO LUẬT PHÁP CŨ (MÃ 5: 17-26)

Nhập đề, đoạn Kinh Thánh này bản thân tự chia thành hai phần rõ ràng 17-20, 21-26. Trong phần đầu, Chúa Giê-xu trình bày các nguyên tắc tổng quát. Trong phần sau, Ngài nêu các thí dụ để minh họa cho các nguyên tắc ấy.

I. Nhà Vua Ban Bố Luật Của Vương Quốc Mình Liên Hệ Giữa Nó Với Luật Pháp Của Đức Chúa Trời (17-20)

1. Giọng nói đầy uy quyền của Chúa Giê-xu (c.17): "Đừng tưởng," "Ta không đến để hủy bỏ.... mà để hoàn thành."
2. Lời chứng của Chúa Giê-xu cho sự tồn tại vĩnh viễn của luật pháp (c.18) "không một chi tiết nào bị xóa bỏ."
3. Chúa Giê-xu xây dựng uy quyền đưa ra quyết lệnh cho vương quốc của Ngài trên yếu tố tồn tại

vĩnh viễn của luật pháp (c.19) "Người nào vâng giữ.... và dạy người khác làm theo, là người quan trọng."

4. Như Chúa Giê-xu đã giữ trọn luật pháp thế nào, các thần dân của Ngài cũng phải hoàn thành ý nghĩa thuộc linh của nó thể ấy (c.20) "Nếu đức hạnh các con không khá hơn các thầy dạy luật và Biệt lập, các con sẽ không được vào nước Trời."

II. Một Thí Dụ Minh Họa Về Trường Hợp Điều Răn Cũ Cấm Giết Người (21 - 26)

1. Điều răn ấy được đào sâu và mở rộng thêm (cc. 21-22) "Môi-se dạy," "nhưng ta bảo."
2. Thí dụ được tăng cường bằng cách đặt sự vâng lời trước hành động thờ phượng bề ngoài (cc. 22-24) "Vậy khi các con đứng trước bàn thờ dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời, chợt nhớ có điều bất hòa nào với anh em, các con cứ để lễ vật trên bàn thờ, đi làm hòa với anh em, rồi sẽ trở lại dâng lễ vật cho Đức Chúa Trời."
3. Lời khuyên răn nên nhanh chóng vứt bỏ sự giận dữ ra khỏi tấm lòng "nên tìm cách thỏa thuận (nhanh chóng) với đối phương."

Kết luận: Chúa Giê-xu "đào sâu và làm trọn một điều khoản của luật pháp xưa bằng cách mở rộng phạm vi cấm đoán của nó từ hành động đến tận các ý nghĩ, bằng cách đặt việc vâng lời trên việc dâng tế lễ và thờ phượng, và bằng cách tả vẽ bằng giọng nói

nghiêm khắc lời cảnh cáo bằng ẩn dụ các hậu quả do việc không tuân thủ điều răn, như một kẻ thù chưa được giải hòa của chúng ta vậy."

Bố cục trên đây minh họa sáu phần của một bài giảng đã được đề cập trước đây, là cách chia phần thực tiễn nhất cho bất kỳ loại bài giảng nào. Trong thí dụ này ta chỉ áp dụng cho một bài giảng giải kinh. Để giải thích và minh họa các nguyên tắc của bài giảng giải kinh, các phần của bố cục được tách riêng ra, sao cho phương pháp ấy trở thành rõ ràng. Làm như thế, phương thức này sẽ trở nên đơn giản và đặc thù, các nguyên tắc được lãnh hội dễ dàng, và chúng tôi mong rằng kết quả sẽ tốt đẹp.

Hình thức của bố cục nêu ra trên đây vốn giống nhau cho mọi bài giảng, tuy nhiên loại bài giảng giải kinh khác với các bài giảng khác ở hai điểm đặc thù sau: trước nhất, nó thường dùng một đoạn Kinh Thánh dài làm nền tảng, và thứ hai là phần triển khai bài giảng bao giờ cũng là giải nghĩa và ứng dụng đoạn kinh điển đã chọn. Như thế, chỗ khác nhau không phải là ở phần hình thức mà đúng hơn là cách sử dụng các tài liệu để từ đó xây dựng thành bài giảng. Thí dụ trong bài giảng theo đề mục, phần Kinh Thánh chỉ đơn giản được dùng để giới thiệu hay gợi ý về chủ đề mà thôi. "Người không có đức tin không thể nào hài lòng Đức Chúa Trời" có thể được dùng khi giảng về đức tin, vì câu Kinh Thánh không có chủ đích nào khác hơn là giới thiệu cho mọi người đề tài sẽ được thảo luận. Bất kỳ một

câu gốc nào trong đó rất nhiều câu gốc khác cũng có thể dùng và cùng thích hợp ý như thế, như: "Hãy có đức tin nơi Đức Chúa Trời," "Đức tin là thực thể của những điều ta hy vọng, là bằng chứng của những việc ta chưa thấy." Sau khi chọn văn bản cho bài giảng theo đề mục, nhà truyền đạo thường tiến hành triển khai nó bằng các tài liệu ngoài Kinh Thánh, trừ phi khi có một chủ đề về giáo lý, và do những chủ đích hoàn toàn thực tiễn, ông ta sẽ thôi không dùng đến Kinh Thánh nữa. Tuy nhiên, với bài giảng giải kinh thì khác; người giảng bắt đầu phác thảo phần triển khai bài giảng của mình bằng cách giải nghĩa và ứng dụng câu gốc hay đoạn Kinh Thánh mình đã chọn. Nếu văn bản được chọn là "Người không có đức tin không thể nào hài lòng Đức Chúa Trời" chẳng hạn, một bài giảng giải kinh cần phải được giải quyết đại khái như sau đây: Đức tin là gì, bản tính Đức Chúa Trời như thế nào, và nếu không có đức tin thì không thể nào làm hài lòng Đức Chúa Trời. Cùng một phương pháp tiếp cận như thế cũng cần thiết cho các phần Kinh Thánh khác. Cả bài giảng đều phải là việc giải nghĩa, trình bày và ứng dụng phần Kinh Thánh.

Sau khi đã nói nhiều về các phần khác nhau của một bài giảng như thế rồi, bây giờ, tôi xin lồng nó vào một hình thức khác để làm sáng tỏ hơn các yếu tố có ý nghĩa của một bài giảng giải kinh và giá trị của chúng. Chẳng hạn như phần hình thức có thể được thay đổi thành bố cục sau đây:

1. Nắm vững ý niệm theo Kinh Thánh
2. Tạo một tiếp điểm giữa đề tài với các nhu cầu hoặc những điều mà mọi người quan tâm chú ý
3. Giải nghĩa đoạn Kinh Thánh được dùng
4. Ứng dụng.

Thật ra thì đó chỉ là một cách khác hơn để nhấn mạnh các điểm đã được thảo luận. Nắm vững ý niệm gồm có việc chọn đề tài và quyết định đề án. Tạo một tiếp điểm với những gì mọi người quan tâm chỉ là một phần chức năng của phần nhập đề, còn giải nghĩa và ứng dụng chỉ là các yếu tố phải có trong việc triển khai luận đề rồi kết luận.

Tuy nhiên, ở đây chúng đã được tái lập theo hình thức này là nhằm vạch rõ trong một bài giảng giải kinh thì điểm nào đòi hỏi phải được đặc biệt chú ý. Nguy cơ thường gặp nhất là ở phần thứ hai - tạo một tiếp điểm và ở phần thứ tư - đưa ra cách ứng dụng.

Khi quyết định đề tài của một bài giảng giải kinh, ta cần hết sức cẩn thận để đề mục hay mục tiêu phải có liên hệ sinh động với các mối bận tâm của mọi người. Nếu không, đó sẽ có thể là một bài giảng hay về mặt bình giải hoặc về kiến thức Kinh Thánh trong việc triển khai, nhưng nếu trong phần thảo luận mà chẳng có gì lý thú, lợi ích, được người nghe quan tâm thì rõ ràng bài giảng ấy là một thất bại.

Mặt khác, ta có thể khuyến khích, kích thích để mọi người phải quan tâm, chú ý đến đề tài và

phần thảo luận về nó, và một lần nữa, với tư cách là một bài giảng giải nghĩa Kinh Thánh, nó có thể là một nỗ lực phi thường, nhưng nếu không có cách để ứng dụng tư tưởng trong đó vào sinh hoạt của mọi người, thì đó cũng lại là một thất bại nữa. Vì muốn cho một bài giảng giải kinh thành công, luận đề được chọn phải gần gũi với đời sống mọi người, đoạn Kinh Thánh được giải nghĩa phải chứng tỏ một công trình nghiên cứu sâu rộng và thấu đáo, và ứng dụng phải làm thế nào để chẳng những người nghe hiểu được các ý nghĩa có tính cách lý thuyết mà cũng phải có liên hệ thực tiễn với sinh hoạt hiện đại nữa. Nếu các nguyên tắc trên đây được áp dụng, thì sẽ không có một bài giảng nào mà không được mọi người chăm chú lắng nghe, và công tác soạn thảo cũng như trình bày các bài giảng sẽ ngày càng tăng thêm niềm vui.

Phương pháp thuyết giảng tại tòa giảng này dĩ nhiên là một phương thức đầy thích thú đối với một người có ý thức thuộc linh và có tâm trí được rèn luyện. Nó giữ được người ấy trong công tác bận rộn luôn để lặn sâu vào Kinh Thánh, và khiến người ấy trở thành một chuyên gia trong lãnh vực mà người ấy phải đạt đến tột đỉnh - là thấu triệt Lời Đức Chúa Trời. Bất chấp tất cả những gì một số người có thể nghĩ ngược lại, Kinh Thánh vẫn là một bộ sách lý thú đáng quan tâm, và người nào lý giải ý nghĩa của nó bằng từng trải hiện đại, sẽ chẳng bao giờ thiếu thính giả, và người ấy lại còn được sự hài lòng phụ trội nữa, là đem đến cho mọi người được càng nhiều

kiến thức hơn về Bộ sách vốn là "ngọn đèn" cho chân họ, và là "ánh sáng" cho đường lối họ, lại còn có thể khiến họ "trở thành khôn ngoan để được cứu rỗi nhờ đức tin đặt nơi Chúa Cứu Thế Giê-xu." Bộ sách xưa cũ ấy vẫn phong phú về các giá trị vĩnh cửu.

Câu Hỏi Chương 2

1. Theo ý bạn đâu là kiểu mẫu tốt nhất về một bố cục bài giảng? Hãy biện minh cho câu hỏi trả lời của bạn.

2. Bạn giải thích thế nào về chỗ khác nhau giữa các bố cục của bài giảng giải kinh với các bố cục của các loại bài giảng khác?

3. Bạn có cho rằng soạn bố cục cho một bài giảng giải kinh thì khó hơn là soạn bố cục cho một bài giảng theo đề mục hay không?

4. Giải thích tại sao cần phải đặc biệt thận trọng khi quyết định mục tiêu cho một bài giảng giải kinh?

5. Có thể nào đưa ra một cách ứng dụng sinh động cho tất cả các đề tài của Kinh Thánh không?

6. Theo ý bạn, thì có nên giảng về một đề tài khó đưa ra cách ứng dụng không?

7. Bố cục của một bài giảng giải kinh có cần phải rõ ràng đối với thính giả như những loại bài giảng khác không?

Chương 3

KINH THÁNH

Có người bảo rằng trong bài giảng giải kinh, Kinh Thánh vốn được dùng khác hẳn với bất kỳ loại bài giảng nào khác, ở chỗ nó vừa gợi ý về đề tài, mà cũng vừa tạo ra tài liệu để từ đó bài giảng được triển khai. Vì chức năng của câu gốc Kinh Thánh trong một bài giảng theo đề mục chỉ là gợi ý cho chủ đề, một câu Kinh Thánh thường đã đủ, và thường thường thì chủ đích ấy vẫn có thể đạt được với những gì ít hơn thế nữa. Với bài giảng giải kinh thì khác. Vì các chất liệu được dùng trong phần khai triển phải đặt trên cơ sở là đoạn Kinh Thánh đã được chọn, thỉnh thoảng và nói chung thì cần phải và tốt nhất là nên dùng nhiều hơn là một câu Kinh Thánh. Bố cục của tiến sĩ Maclaren đã được nêu trong chương trước sẽ giúp minh họa điểm này. Như khoa trưởng Brown nói, nhà giải kinh "xử lý Kinh Thánh với số lượng lớn hơn nhà truyền đạo giảng theo câu gốc."

Nhưng ta có thể hỏi: "Phải chăng phương pháp giải kinh luôn luôn đòi hỏi nhiều câu Kinh Thánh để xây dựng một bài giảng?" Thưa không. Nó thừa nhận một sự linh động không thấy có trong bất

luận một loại bài giảng nào khác. Chẳng hạn như đoạn Kinh Thánh được chọn có thể chỉ là một hoặc hai câu, hoặc có thể gồm nhiều câu, thậm chí cả một chương, hoặc cũng có thể cả một sách. Điều duy nhất quyết định giới hạn là bài giảng phải là một đơn vị tư tưởng và là một công trình có trật tự, hoàn toàn được tác tạo từ một mục tiêu từ đó nêu ra một chủ điểm mà phần triển khai được tập trung vào.

Có thể dùng sách Phi-lê-môn làm thí dụ minh họa cho một bài giảng đặt cơ sở trên cả một sách. Nó vạch rõ phương pháp của Phao-lô đề cập đến vấn đề nô lệ, và có thể có một phần ứng dụng hết sức thực tiễn. Phi-lê-môn rõ ràng là một người giàu có, sống tại Cô-lô-se, có một nô lệ tên là Ô-nê-sim. Người nô lệ này bỏ nhà chủ, chạy trốn sang Rô-ma. Trong lúc ở Rô-ma, anh ta được sứ đồ Phao-lô đem đến với Chúa Cứu Thế, nên tự nguyện gắn bó với người đã đưa mình từ bóng tối sang ánh sáng, và phục vụ ông như một tôi tớ. Sau đó, Ô-nê-sim tiết lộ quá khứ của mình cho Phao-lô, và thú nhận rằng mình đã bỏ Phi-lê-môn mà chạy trốn thế là Phao-lô phải đối đầu với một nan đề là phải quyết định giữa việc giữ lòng trung thành với bạn mình là Phi-lê-môn, với nguyên tắc về nô lệ. Lúc ấy, Ty-chi-cơ sắp rời Rô-ma để đến Cô-lô-se, nên Phao-lô khuyên Ô-nê-sim cùng đi để trở về với chủ cũ, ông cũng giao cho Ô-nê-sim một bức thư để giới thiệu với Phi-lê-môn, là sách Phi-lê-môn của chúng ta. Trong bức thư ấy, Ông yêu cầu Phi-lê-môn tiếp nhận Ônêsim "không phải (để) làm nô lệ như ngày trước nhưng .... lại càng thân yêu

hơn nữa theo cả tình người lẫn tình huynh đệ trong Chúa," tiếp nhận Ô-nê-sim như tiếp chính Phao-lô vậy. Ông thăm rằng nếu có vấn đề tài chánh ràng buộc nào liên quan đến việc giải phóng cho người nô lệ ấy, hãy "cứ tính cho tôi.... Tôi sẽ trừ lại cho anh đủ số." Nhưng vấn đề nô lệ là của quá khứ, còn vấn đề ở đây là: Phao-lô yêu cầu một người nên hy sinh quyền tự do cá nhân của mình khi đức tin đòi hỏi như thế để trở về với địa vị nô lệ của mình. Rồi với một người khác, ông yêu cầu nên từ bỏ các đặc quyền xã hội của mình để tiếp nhận người kia - một tên nô lệ - như một người anh em, vì cớ đức tin của anh ta. Ông đã yêu cầu mỗi người hãy căn cứ vào đức tin nơi Chúa Cứu Thế của mình để tiến tới một điểm giới hạn nào đó. Ông đặt trước mặt họ cái lý tưởng của tình huynh đệ, vốn cầm quyền thống trị trên mọi mối quan tâm xã hội và tài chính, và trong các nguyên tắc mà Phao-lô nêu ra ở đây, chúng ta có được phương thuốc đích thực cho mọi căn bệnh kỹ nghệ và xã hội hiện đại. Đây là một bài giảng giải kinh bao gồm cả một sách về chủ đề "Thay đổi trật tự xã hội."

Một lần nữa, tuy sẽ là khó khăn hơn do số tài liệu nhiều hơn, cả sách Phúc Âm của Giăng cũng có thể được dùng làm một bài giảng giải kinh với câu Kinh Thánh 20:31 làm nền tảng. Như thế, các chứng cứ hiển nhiên trong sách ấy sẽ được trưng ra nhằm chứng minh rằng những gì mà trước giả tin sẽ thuyết phục được bất cứ ai chịu mở tâm trí của mình ra trước thần tánh của Chúa Cứu Thế. Những khúc

sách như 5:36 "tôi còn có bằng chứng mạnh hơn. Tôi muốn nói đến những công tác Đức Chúa Trời giao cho tôi thực hiện. Các việc ấy chứng tỏ tôi là sứ giả của Đức Chúa Trời," sẽ là khởi điểm cho phần triển khai loại bài giảng này. Rồi trong 5:39 "các ngươi nghiên cứu Thánh Kinh, vì tưởng nhờ cố gắng học hỏi mà được sự sống vĩnh cửu. Chính Thánh Kinh cũng làm chứng về ta" sẽ là một khúc sách khác nữa hậu thuẫn cho mục tiêu đã được đưa ra trong 20:31.

Dàn bài việc nghiên cứu cả quyển sách để làm nền tảng cho một bài giảng là bất kỳ một đơn vị tư tưởng nào trong các giới hạn của một sách có thể cung cấp tài liệu cho việc triển khai một mục tiêu. Nhiều khi các chương là những phần lớn tự nhiên, như trường hợp nhiều chương của sách Hê-bơ-rơ, tuy thông thường hơn thì các chương không phân chia theo logic. Việc phân chia theo logic có thể là những phần nhỏ trong hai hoặc ba chương. Đôi khi nhiều bài giảng giải kinh có thể nằm trong các giới hạn của chỉ một chương mà thôi. Nhiều Thi thiên, vì giống như những bài thánh ca, chỉ diễn tả một mối xúc cảm duy nhất, có thể là những đề tài để giảng giải. Có lần tôi đã được nghe Tiến sĩ Champmen giải nghĩa Thi thiên 23. Ông dùng nó để nhấn mạnh ý niệm của tác giả về quyền sở hữu. Thí dụ: Đức Giê-hô-va là Đấng Chăn giữ tôi (theo bản dịch Anh văn là my shepherd: người chăn của tôi," "Ngài khiến tôi an nghỉ nơi đồng cỏ xanh tươi," "Ngài bổ lại linh hồn tôi" và vv... Phương cách được sử dụng là dùng cả một Thi Thiên làm nền tảng, nhưng chỉ khai triển

một dòng tư tưởng chạy xuyên suốt Thi Thiên ấy mà thôi.

Quyển sách nhỏ nổi tiếng của Tiến sĩ Henry Drummond nhan đề "The Greatest Thing in the World" là một thí dụ khác về một bài giảng đặt cơ sở trên một chương sách. Ông lấy I Cô-rinh-tô 13 và bình giải từng câu một phương pháp của ông để tổ chức việc triển khai đề tài sẽ được thảo luận trong một chương sau.

Tuy nhiên, nhiều khi bài giảng giải kinh có thể bị giới hạn chỉ trong vài ba câu, hoặc thậm chí dùng theo cách sau này một bài giảng giải kinh lại giống như giải nghĩa từng từ ngữ một với những ý nghĩa thật sâu sắc. Thí dụ "sự công chính của đức tin" trong đó thuật ngữ mà vị sứ đồ dùng trong nhóm từ này sẽ được giải nghĩa và ứng dụng; hoặc cũng có thể là bằng cách nhấn mạnh những từ ngữ quan trọng rồi sau dó vạch rõ mối liên hệ giữa chúng, như trong Rô-ma1:16 "Phúc Âm thể hiện quyền năng Đức Chúa Trời để cứu rỗi mọi người tin nhận." Ở đây chúng ta có từ ngữ "Phúc Âm" (Euaggelion) có nghĩa là "Tin Lành, Tin Mừng" tiếp theo là sức mạnh công phá của Đức Chúa Trời, hay " để cứu rỗi', mở ra cả một lãnh vực rộng lớn. Ở đây ta có thể bày tỏ thế nào sứ điệp về tình yêu thương của Đức Chúa Trời trong Chúa Cứu Thế là sức mạnh công phá có thể thực hiện trong lãnh vực thuộc linh những gì mà chất cốt mìn có thể thực hiện trong thế giới vật lý. Hoặc một lần nữa, một khúc sách có thể có nhiều câu hỏi có thể được đặt ra, thí dụ như khúc

sách đã được trích dẫn trong một thí dụ trước đây "không có đức tin không thể nào hài lòng Đức Chúa Trời'. Các câu hỏi là "đức tín là gì? " "bản tính của Đức Chúa Trời là gì?" và "làm thế nào để làm hài lòng Ngài nếu không có đức tin?" Tất cả đều đòi hỏi một lời giải thích hay diễn giải và ứng dụng câu Kinh Thánh ấy.

Theo phần thảo luận trên, có thể thấy rằng phương pháp giải kinh, do có thể ứng dựng cho một sách, một chương, một vài câu, hoặc chỉ một câu duy nhất mà thôi, tạo được nhiều dạng thức khác nhau cho Tuyên đạo pháp.

Tuy nhiên, thật là sai lầm nếu tưởng tượng rằng phương pháp giải kinh đòi hỏi phải thảo luận về tất cả các chủ đề hàm chứa trong một sách hoặc một chương, thậm chí phải nghiên cứu tất cả liên tiếp theo nhau nữa. Tiến sĩ F.B.Meyer nói: "Nhà truyền đạo có thể trung thực tuyệt đối với một khúc sách, và cách giải nghĩa của ông ta có thể tích cực theo sát Kinh Thánh, trong khi nhiều chi tiết có thể bị chừa lại mà chẳng đụng chạm đến." Mặt khác, nhà truyền đạo chỉ bị đòi hỏi chọn lựa chọn đoạn Kinh Thánh ấy theo những gì phù hợp với chủ đích của mình mà thôi. Ông ta phải chọn số tài liệu phù hợp với chủ đề của mình và từ chối phần còn lại. Xin đừng cho rằng nếu làm như vậy là xâm phạm thô bạo lời của Đức Chúa Trời. Nếu phải viết một bài (sách) chú giải (a commentary), ông ta bị bắt buộc không được phép bỏ qua bất cứ điều gì có trong một khúc sách. Nhưng ông ta không đang làm cái công

việc ấy, ông ta đang soạn một bài giảng về một chủ đề nhất định mà mình tìm thấy trong khúc sách đang được khảo sát, và để làm sáng tỏ và nhấn mạnh chủ đề, ông ta chỉ chọn những gì có liên hệ với nó.

F.B.Meyer cũng lưu ý một vấn đề khác liên hệ với công tác giảng giải kinh. Ông nói: "Một số các nhà truyền đạo tưởng rằng trong khi thực hiện các bài giảng giải kinh nhất thiết họ phải thảo luận về từng chương một liên tiếp theo nhau và nhiều khi lại soạn nhiều bài giảng trong cùng một chương sách nữa." Rồi ông thêm lời cảnh cáo này: "Trừ phi khi ông ta vốn thật có năng khiếu, và là một người nhận được quyền năng phi thường của Đức Thánh Linh, bằng không điều này sẽ tạo ra sự mỏi mệt khó bề đương nổi."

Như thế giải kinh chỉ có nghĩa là sử dụng Kinh Thánh thế nào để số tài liệu được chọn có lợi ích thực tiễn và sinh động, và có thể ứng dụng thật mạnh mẽ và đầy quyền năng. Hơn nữa, nó chỉ có nghĩa là chọn vừa đủ số Kinh Thánh cho mỗi bài thuyết giảng cũng như cần thiết cho việc triển khai đề tài mà thôi.

Do đó, phương pháp này khiến ta có thể tận dụng Kinh Thánh cả theo chiều sâu lẫn chiều rộng. Nó giúp nhà truyền đạo thảo luận những đề tài ít quan trọng nhất như những thành phần của một đơn vị rộng lớn. Nó cũng giúp ông ta mở rộng các đề mục sinh động, và đặt toàn bộ các chủ đề Kinh Thánh trong tầm nhìn để kết hợp chúng lại với

nhau. Như thế, ta có thể thấy rằng kế hoạch giải kinh "cứu" được cả nhà truyền đạo lẫn quần chúng thính giả khỏi các ý niệm rời tạc phiến diện và chẳng có liên hệ gì với nhau của tư tưởng trong Kinh Thánh. Nó giữ nhà truyền đạo trong lãnh vực mà ôỊng ta quan tâm thích thú nhất, và cung cấp cho hội chúng điều mà họ mong ước nhiều hơn bất cứ cái gì khác trừ tòa giảng tức là việc thích nghĩa, lý giải và ứng dụng cho sinh hoạt hằng ngày.

Một thí dụ minh họa rất hay về phương pháp theo đó các nhà truyền đạo giải kinh tài ba sử dụng phần Kinh Thánh có thể được thấy rõ bằng cách đối chiếu các bài giảng giải kinh của G. Campell Morgan về "Sách Phúc Âm theo Mác" với "các bài giảng giải nghĩa Thánh điển" của Tiến sĩ Maclaren, bao gồm cùng một phần Kinh Thánh ấy của Tân ước. Morgan giảng trọn sách Phúc Âm Mác bằng ba mươi bài giảng giải kinh, trong đó ông cô đọng hoặc mở rộng theo chủ đích và mục tiêu của mình trong từng bài thuyết giảng. Maclaren có tám mươi bài giảng cho cùng một sách ấy Nếu chúng ta lấy bốn bài đầu tiên từ mỗi tác giả, ta thu được kết quả sau đây liên hệ đến các đoạn Kinh Thánh được sử dụng.

G. Campbell Morgan

1. "Khởi điểm của Phúc Âm" Mác 1:1-3
2. "Chúa Giê-xu xuất hiện" Mác 1:4-13
3. "Chúa Giê-xu đến Galilê" Mác 1:14-35

4. "Chính nhằm mục đích này mà ta đã đến" Mác 1:35-2:12

Tiến Sĩ Maclaren

1. "Phúc Âm là gì" Mác 1:1
2. "Nhà tiền khu vững mạnh và Đức Chúa Con càng vững mạnh hơn" Mác 1;1-11
3. "Lời nói và việc làm đầy quyền năng" Mác 1:21-34
4. "Chữa bệnh và phuc vụ" Mác 1:30,31

Điều lý thú và đáng lưu ý ở đây là nguyên tắc khác nhau được dùng trong câu trình bày các đề tài. G. Campbell Morgan đưa ra một câu ngắn gọn từ khúc sách được chọn đặng khảo sát gợi ý về các điểm mà bài giảng của ông nhấn mạnh. Tiến sĩ Maclaren thì nói lên những gì mình muốn nhấn mạnh nhằm kích thích sự hiếu kỳ liên hệ tới chủ đề của ông.

Câu Hỏi Chương 3

1. Ta có thể tiến hành như thế nào để xây dựng một loạt các bài giảng từ những sách riêng rẽ của Kinh Thánh?

2. Các bài giảng thuộc loại như thế có giá trị gì?

3. Thảo luận về một sách trong Kinh Thánh có phải là làm công việc giải kinh (an expositon) hay không? Nêu ra các lý do cho câu trả lời của bạn.

4. Thường thường, bạn có cho rằng một chương sách là quá nhiều tài liệu cho một bài giảng giải kinh hay không?

5. Có thể xử lý cả một chương sách như thế nào để xây dựng một bài giảng giải kinh độc sáng từ đó?

6. Có thể sử dụng những phương pháp nào để biến một hoặc hai câu Kinh Thánh thành nền tảng cho một bài giảng giải kinh?

7. Theo những phương diện nào, các nguyên tắc sử dụng Kinh Thánh vốn giống nhau trong các thí dụ đã được đưa ra từ hai Ông Morgan và Maclaren?

Chương 4

ĐỀ TÀI

Các nhà truyền đạo áp dụng phương pháp giảng giải kinh thường nghiên cứu sâu rộng, thấu đáo một sách riêng rẽ nào đó trong Kinh Thánh. Do đó, những thành phần liên tiếp theo nhau của sách ấy trở thành tài liệu cho các bài giảng của họ. Khi một người cứ giảng những bài giảng giải kinh thật đều đặn, thường xuyên thì tốt nhất là chỉ nên theo đuổi kế hoạch này cho chỉ một suất nhóm lại vào ngày Chúa Nhật mà thôi, hầu dành suất nhóm kia cho việc tự do đưa vào các đề tài đặc biệt khác. Kế hoạch nhằm nghiên cứu sâu sắc các sách riêng rẽ của Kinh Thánh như thế rất đáng được khuyến khích. Theo từng trải của tác giả quyển sách này, nỗ lực ấy bao giờ cũng chỉ đem đến rất nhiều điều lợi ích chứ không có hại. Những ai kiên trì theo đuổi nó đều phải vô cùng kinh ngạc về số tài liệu phong phú mà nó gợi ý cho các bài giảng, và đều đồng thanh chứng thực bằng con số các đề tài hiện lên cho mình. Với người làm mục sư, thì chẳng có một kế hoạch nào lại đem được nhiều lợi ích cho bằng khảo sát đặc biệt một quyển sách nào đó trong Kinh Thánh, và mỗi Chúa Nhật giảng ít nhất là một bài căn cứ trên công

trình nghiên cứu đó của mình. Nó sẽ dẫn tới sự thống nhất tư tưởng càng hơn giữa ông ta với các tín đồ của mình.

Tuy nhiên, nếu công tác giảng giải kinh không hề đòi hỏi ta phải đặc biệt chú ý vào một sách cá biệt nào đó trong Kinh Thánh, thì điều cũng chẳng bao giờ cần thiết là chúng ta phải giảng về tất cả các chủ đề mình gặp trong khi nghiên cứu. Thí dụ, ta có thể nghiên cứu thư I Cô-rinh-tô của Phao-lô, vốn hàm chứa rất nhiều đề mục khác nhau, mà không cần cảm thấy mình bị bắt buộc phải thảo luận về từng đề mục một trong đó. Lẽ dĩ nhiên là nói chung thì ta sẽ làm như thế, và điều chắc chắn là ta sẽ dễ tìm được tài liệu để triển khai hơn, nếu bài giảng giải kinh thường là như thế, thì nó không phải là một việc làm không thể không có mà đúng hơn, thì nó chỉ liên quan với cách triển khai từng bài giảng riêng rẽ, bất chấp mối liên hệ giữa nó với cả loạt những gì nó có thể hoặc không thể là một thành phần. Nó chỉ liên quan tới việc trình bày của một phần Kinh Thánh nào đó vốn là một đơn vị tư tưởng, còn kế hoạch khai triển thì đặt nền trên câu phần Kinh Thánh đã chọn.

Nhưng sức thu hút của chính đề tài vốn do một trong nhiều yếu tố quyết định có thể là do tính khí của nhà truyền đạo, các nhu cầu của hội chúng theo như ông ta biết từng trải của ông ta, hay cách hiểu Kinh Thánh của ông ta. Điều hoàn toàn rõ ràng là không bao giờ có hai người hoàn toàn giống nhau, và hoàn cảnh của hai hội chúng cũng chẳng bao giờ

giống hệt nhau cả, cho nên cũng không bao giờ có hai người cùng khảo sát một đoạn Kinh Thánh lại dùng cùng một đề tài trừ phi đoạn sách ấy có cùng những yếu tố phổ biến cho mọi kinh nghiệm. Hơn nữa, nếu họ cùng chọn một đoạn Kinh Thánh hoặc đề tài, phần triển khai của mỗi người cũng sẽ khác nhau. Tuy nhiên, nếu tất cả những điều trên đây là đúng, thì cách tiến hành có thể giống nhau. Do dó trong những phân đoạn tiếp sau đây mà chúng tôi sẽ minh họa phương pháp để tìm đề tài, nên hiểu rằng tiến trình thực hiện mới là phần quan trọng, chớ không phải là việc quý độc giả có đồng ý hay không với những thành phần được chọn cho đề tài có phải là quan trọng nhất hay lý thú, đáng chú ý nhất trong đoạn Kinh Thánh đang được khảo xét, hay không.

Trước khi tiến hành việc minh họa cách tìm đề tài, tôi xin có một vài nhận xét liên hệ với vấn đề đọc trước khi bắt đầu nghiên cứu một sách nào đó trong Kinh Thánh. Thí dụ, giả sử chúng ta chọn việc nghiên cứu sách Phúc Âm Giăng. Có rất nhiều vấn đề tối quan trọng có thể phải duyệt xét lại. Nghiên cứu từ ngữ Ngôi Lời (theo bản dịch cũ) có thể là một "bài tập" lý thú cả về mặt Hy- văn (Greek) lẫn về mặt triết học, và nó có thể khiến ta quan tâm đến việc cần đọc những phần thảo luận có thể tìm thấy về chủ đề ấy trong tác phẩm của Fisher nhan đề "Grounds for Theistic and Christian Belief" hoặc chính phần dẫn nhập về sách ấy trong bất luận một sách bình giải nào. Tuy nhiên, sự phấn khởi của một

người khi truyền giảng theo phương pháp giải kinh chỉ có thể được tìm thấy ngay trong việc chính mình phải tự nghiên cứu lấy Kinh Thánh, cũng như người ta chỉ có thể đi tìm sự hứng khởi đối với Shakespeare, Milton, Tennyson hay bất luận một thi sĩ nào khác bằng cách trực tiếp đọc các tác phẩm của họ, chớ không phải là những bài bình luận do người khác viết về họ.

Khi chú ý đến một quyển sách nào đó, thì việc đầu tiên phải làm là nghiên cứu nó trong mối liên hệ với mục đích chủ yếu của nó. Tôi có ý muốn nói là trước hết, phải chú ý đến những gì mà chính tác giả đã nói; chẳng hạn như trong Giăng 20: 31, chúng ta được bảo cho biết: "Chỉ xin ghi lại một số phép lạ để giúp người đọc tin nhận Chúa Giê-xu là Chúa Cứu Thế, là Con Đức Chúa Trời. Nhờ niềm tin đó, chúng ta hưởng được sự sống vĩnh viễn trong danh Chúa." Tôi cũng muốn nói rằng chúng ta phải biết Giăng vốn là người rất thân cận với Chúa Giê-xu và thuộc vào nhóm người hiểu Ngài nhất. Rồi một phương tiện thứ hai nữa để đánh giá những gì ông nói, là phải biết rằng lúc Chúa Giê-xu trút hơi thở cuối cùng trên thập tự giá, Ngài đã giao cho Giăng nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ mẹ Ngài.

Có được mẹ Chúa Giê-xu trong nhà mình nhiều năm sau đó và luôn luôn được trò chuyện với bà về những điều thuộc linh đã đặt Giăng vào vị trí để có thể lý giải về đời sống của Chúa Giê-xu, có lẽ là đúng hơn, trung thực hơn bất luận một ai khác trong số các trước giả viết Phúc Âm. Dù sau, các học

giả đều tin rằng chính ông đã làm cái công việc ấy. Đây là một số trong những điều tôi muốn nói khi đề cập đến bối cảnh chung về điều cần phải biết trước khi bắt đầu đặc biệt nghiên cứu một quyển sách nào đó. Như bạn sẽ nhận thấy và như Kinh Thánh đã tiết lộ, chính việc ấy sẽ tự nhiên đào sâu thêm sự quan tâm chú ý của một người đối với phần thuật sự, chớ không phải bỏ mặc người ấy bơ vơ trong một thái độ phê bình lạnh lùng, như kết quả tự nhiên của việc chỉ nghiên cứu về quyển sách ấy mà thôi.

Bây giờ, chúng ta hãy đọc vài chương trong sách Phúc Âm Giăng để ghi nhận vài đề tài đã xuất hiện trong đó, sau đó, trong các chương về sau của sách ấy, có lẽ chúng ta có thể sử dụng chúng để minh họa cho rõ ràng hơn. Bắt đầu với chương1, tôi phải đọc mười sáu câu mới tìm được một gợi ý cho một bài giảng. Tôi bị lời lẽ trong câu 16: "Do ân phúc đầy dẫy của Chúa Cứu Thế, chúng tôi được hưởng hạnh phúc ngày càng dư dật" tạo ấn tượng mạnh mẽ. Ân phúc đầy dẫy đó là gì, tạo cơ hộ để duyệt xét lại phần đầu của chương sách, hầu nhờ đó, soạn một bài giảng giải kinh. Vậy đề tài có thể là: "Quyền năng của Chúa Cứu Thế trong chúng ta. Khi đọc chương tiếp theo, dường như tôi tập trung chú ý hai câu 23 và 24, qua đó tôi đi đến chỗ phải đặt câu hỏi: "Thấy có phải là tin không? "

Đọc sang chương 3, tâm trí tôi không thể không dừng lại ở các câu 14 -16, được giải thích bằng phân đoạn trong Dân-số-ký 21: 4-9 về đề tài "Tình yêu thương của Đức Chúa Trời." Xa hơn trong cùng

chương ấy, mấy câu 32-36 khiến tôi chú ý khi đọc thấy: 'Lời chứng cho chân lý." Trong chương tiếp theo chúng ta thấy Chúa Jêsus tự bày tỏ mình ra cho một người phụ nữ trong "Một bài giảng tại bên giếng." Ở chương năm, mấy câu 30 - 47 chép về "Bốn lý do để tin Chúa Giê-xu." Chương 6 bắt đầu bằng đoạn trần thuật việc hóa bánh cho đám dân đông ăn, hay "Những ổ bánh và những con cá." Ở phần cuối chương này, chúng ta thấy cuộc đàm thoại đáng ghi nhớ giữa Chúa Giê-xu với các môn đệ Ngài khi phải đương đầu với sự bội đạo chung, khi Chúa Giê-xu hỏi: "còn các con muốn bỏ ta không?" mà câu trả lời gợi ý cho chủ đề về một mối quan tâm chẳng bao giờ bị dập tắt, "Uy quyền tối hậu trong tôn giáo." Trong chương tiếp theo, nhiều lời phê bình và kết luận đã được đưa ra về nhân cách và cá tính của Chúa Giê-xu. Đó chính là những câu kết luận mà thế gian luôn luôn có về Ngài. Những điều đó gợi ý đề tài: "Thế gian đã luôn luôn nói gì về Chúa Giê-xu."

Trong chương 8, mấy câu 12-30, phần phản diện của bài giảng trước được đưa ra vì Chúa Giê-xu đang tự biện hộ chống lại lời phê bình chỉ trích của mấy thầy biệt lập và khẳng định những lời tự xưng của mình. Vậy đề tài ở đây là: "Mấy điều Chúa Giê-xu tự nói về mình." Cả chương 9 được dùng ghi lại cuộc tranh luận về việc phục hồi thị giác cho một người mù. "Phương thuốc chữa mù loà" được phần thuật sự này gợi ý để ứng dụng cho những kẻ chỉ trích chê bai Ngài. Để sắp xếp các đề tài và các đoạn

Kinh Thánh này theo một trật tự đúng hình thức, chúng ta sẽ dùng liệt kê các đề tài sau đây đồng thời cũng có các phần Kinh Thánh cặp theo:

"Quyền năng của Chúa Cứu Thế trong Cơ-đốc-nhân" (1:18)
"Thấy có phải là tin không?" (2: 23, 24)
"Tình yêu thương của Đức Chúa Trời" (3:14-16)
"Làm chứng cho chân lý" (3: 32-36)
"Bài giảng bên giếng" (4:7-26)
"Bốn lý do để tin Chúa Giê-xu" (5:30-47)
"Những ổ bánh và những con cá" (6:1-14)
"Uy quyền tối hậu trong tôn giáo" (6: 66 - 69)
"Thế gian nói gì về Chúa Giê-xu" (7: 1-36)
"Những gì Chúa Giê-xu nói về chính Ngài: (8: 12-30)
"Phương thuốc chữa đui mù." (9: 1-10)

Chúng ta có thể tiến hành như trên xuyên suốt quyển sách, nhưng những thí dụ trên đây chắc đã đủ để minh họa cho kế hoạch này. Như sẽ vạch rõ về sau, mỗi một đề tài trên đây đều nhằm đưa vào phần khai triển của rất nhiều phần trong Kinh Thánh.

Thiết tưởng điều đáng lưu ý ở đây là một lần nữa ta có thể đem phần trên để đối chiếu với hai nhà truyền đạo giải kinh nổi tiếng, là Maclaren và Cambell Morgan. Phương pháp của Maclaren cũng giống như phương pháp được gợi ý trên đây. Trong

các bài giảng giải kinh của Maclaren, không có mối liên hệ thiết yếu giữa bài giảng trước với bài giảng tiếp theo ngoại trừ khi cả loạt được chủ ý nhất quán như thế, như trong sách Phúc Âm Ma-thi-ơ, nơi mà cả một loạt các bài giảng có mối liên hệ với nhau hoặc ít hoặc nhiều. Như trong bài giảng trên núi hoặc khi một loạt bài giảng đặt nền tảng trên bài cầu nguyện của Chúa được công bố, trong đó mỗi một lời cầu xin được dùng làm cơ sở cho một bài giảng và mối liên hệ luân lý là thiết yếu để lãnh hội từng phần một. Tuy nhiên, chẳng những Maclaren chỉ lấy "những số lượng lớn" ấy cho các bài thuyết giảng của mình mà thôi mà ông còn dùng nhiều phần Kinh Thánh riêng lẽ để xây dựng các bài giảng của mình trên đó nữa. Cho nên ông sử dụng cả hai phương pháp và nhiều khi còn xây dựng bài giảng bằng cách kết hợp hai hoặc ba khúc sách riêng rẽ lại với nhau. Làm như vậy có thể giúp ông đạt được chủ đích của mình là hoàn chỉnh sứ điệp trung tâm của tư tưởng của ông. Tuy nhiên, không phải tất cả các bài giảng của Maclaren đều thuộc loại giải kinh.

Phương pháp của Campbell Morgan cho thấy một phương pháp tiếp cận Kinh Thánh có hơi khác. Trong các bài giảng giải nghĩa sách Phúc Âm Mác của ông đã được đề cập trong một chương trước, nhiều phần Kinh Thánh đã được sử dụng trước sau như một để làm nền tảng, và không có phần nào trong phần Kinh Thánh bị hoàn toàn bỏ qua, nhưng ông không hề cố gắng khai triển tất cả các thành phần đều sâu rộng, rốt ráo như nhau. Kế hoạch của

ông là dùng một hoặc hai câu có vẻ như chiếc chìa khóa của phần thuật sự hoặc tiêu biểu cho tư tưởng sinh động nhất của đoạn ấÔy. Tuy nhiên, ông cố gắng chẳng những xây dựng bài giảng chung quanh một phần Kinh Thánh, mà còn vạch rõ mối liên hệ giữa từng bài thuyết giảng một với bài đi trước nó, và kết hợp nó với cả quyển sách nữa. Các thí dụ minh họa vừa rút ra từ hai nhà giải kinh lỗi lạc trên đây tiêu biểu cho hai phương pháp được dùng. Một nhà truyền đạo giải kinh sẽ sớm tự học tập điều chỉnh lấy ở điểm này một khi đã quen thuộc với phương pháp nào mà mình áp dụng cho bài giảng của riêng mình. Còn phải tập thói quen riêng để tự soạn lấy một bài giảng giải kinh, là một điều hay.

Xin tóm tắt diễn trình ấy như sau: Ta đọc Kinh Thánh để tìm vấn đề, chủ đích và ý nghĩa của những câu phát biểu trong đó, bản Revised Verson (nhuận chánh Anh văn) giúp ích được nhiều để đạt cứu cánh này, hơn là bản Authorized Verson, vì các đề mục được xếp thành từng phân đoạn (paragraphs), và ta có thể nghiên cứu từng phân đoạn một để tìm đề tài của nó, hoặc có lẽ là kết hợp hai hoặc ba phân đoạn để có một phần thảo luận đầy đủ về một chủ đề.

Lẽ dĩ nhiên, việc khám phá ra điều hay nhất tốt nhất trong Kinh Thánh, cuối cùng sẽ là phần của mỗi người. Chúng ta là người thế nào, thì sẽ tìm thấy trong phần Kinh Thánh những điều tương ứng. Một người chân thành, tận hiến, có học thức rất có thể sẽ thấy được những gì mà một người không có cá đức

tính ấy bỏ qua hoặc không nhìn thấy. Có hai người cũng là thành viên của một đoàn du khách Âu Châu. Họ vừa cùng đi viếng tàn tích của một tòa lâu đài cổ. Trên đường về, một người nhận xét rằng ngày hôm ấy thật mệt mỏi, chán nản vì mình chẳng thấy gì khác hơn là một đống đá. Có lẽ, toà lâu đài cổ đối với người đó cũng chỉ có sức hấp dẫn ngang với một mỏ đá mà thôi. Còn người kia, nhân một cuộc diễn thuyết sau này đã tuyên bố với cử tọa của mình rằng hôm ấy là một trong những ngày lý thú nhất trong đời ông. Cả hai người đều cùng nhìn thấy tận mắt những vật giống nhau, nhưng trong khi chúng vực dậy được tâm hồn và óc tưởng tượng của người này, thì chúng lại chẳng gây được chút ấn tượng nào cho đời sống của người kia.

Cũng vậy, một người thuộc linh đọc Kinh Thánh sẽ nhận ra các lời phán dạy của Chúa Giê-xu là "Thần linh và sự sống," vì đức tin của người ấy nhờ nguồn linh cảm của nó sẽ tạo rung động cho mình, khi kiểm điểm lại các lời hứa trong đó, và ước ao cho người chưa được cứu cũng được như thế khi đọc những lời cảnh cáo ấy.

Người ấy sẽ càng được giúp ích thêm trong việc chọn lựa các đề tài nếu cứ duy trì mối liên hệ với các nhu cầu và những nhịp đập của trái tim nhân loại. Một bản tính cảm thông, sống trong mối liên hệ sống động với thế gian, nhưng vẫn sống gần gũi với Đức Chúa Trời sẽ sẵn sàng nhận thấy trong đời sống của những người mà mình đang cố gắng để giúp đỡ,

và tìm cách phơi bày ra cho họ các chân lý mặc khải của Đức Chúa Trời.

Câu Hỏi Chương 4

1. Dành thì giờ để tập trung vào một sách Kinh Thánh mỗi lần thì được những điều lợi ích nào về mặt tinh thần?

2. Nghiên cứu liên tục và thấu đáo một sách Kinh Thánh có thể làm phát triển mối quan tâm của một người trong việc giải kinh như thế nào?

3. Việc phát giác được chủ đích của một trước giả ban cho ta chiếc chìa khóa để lý giải các tác phẩm của ông ta như thế nào?

4. Điều gì hạn chế tài năng của một người trong việc tìm ra các đề tài khi nghiên cứu Kinh Thánh?

5. Tại sao nhiều người khác nhau lại tìm thấy nhiều chủ đề khác nhau trong cùng một đoạn Kinh Thánh?

6. Đức tin hay niềm tin quyết có vai trò gì trong công tác truyền giảng bằng phương pháp giải kinh?

7. Các phương pháp để soạn các bài giảng giải kinh giống nhau tới mức độ nào đối với những người có các mối quan tâm khác nhau?

Chương 5

NHẬP ĐỀ

Trong hình thức bố cục đã được dùng làm mẫu, phần giải thích dẫn nhập và mục tiêu như Phelps đã nêu ra đều được bao gồm trong từ ngữ "nhập đề." Nếu cầu phải biện minh cho cách dùng từ ngữ ấy, thì sự kiện là cả ba bước đó đều dẫn tới việc thảo đề tài, và đều được xem là tài liệu nhằm giới thiệu công tác thực tế.

Phần nhập đề được hiểu như thế vốn chẳng khác gì về căn bản với bất luận loại bài giảng nào khác, trừ ra điểm này: Chẳng hạn như trong bài giảng theo đề mục thì chủ đề là căn bản và thường thường được nêu ra trước, sau đó phần Kinh Thánh được đưa ra chỉ như một lời biện minh, hoặc nhằm chỉ mối liên hệ giữa đề tài với phần Kinh Thánh. Trong một bài giảng giải kinh thì nói chung, Kinh điển là phần nền tảng, và được đưa ra trước, tiếp theo là bối cảnh hoặc ý nghĩa của nó, và sau nữa là mối liên hệ của nó với quan điểm sẽ được thảo luận trong bài giảng hay của mục tiêu.

Giả sử trong khi xét đến việc soạn một bài giảng giải kinh gồm ba bước tiến nằm trong từ ngữ "nhập đề" như chúng ta đã quyết định, thì ba bước

ấy là giải nghĩa, dẫn nhập và mục tiêu. Trong phần giải nghĩa của một bài giảng giải kinh, Kinh Thánh sẽ dự phần nhiều hơn là khi giải nghĩa chỉ một câu duy nhất. Bây giờ, nó phải bao gồm mối liên hệ giữa một hoặc hai câu với một phân đoạn, một phân đoạn với một chương, hoặc một chương với những phần khác theo cách chia phần hợp lý của cả sách. Như chúng ta sẽ thấy, tầm hạn rộng lớn hơn của phần giải nghĩa này sẽ cho hội chúng một cái nhìn rộng rãi hơn về một mối quan tâm chú ý đến việc phải biết rõ về Kinh Thánh nhiều hơn.

Sau khi đã giải thích bối cảnh của khúc sách sắp đưa ra thảo luận như thế rồi, bước tiếp theo là kích thích sự chú ý quan tâm đến đề mục sắp được thảo luận. Cách tự nhiên để làm việc này là vạch rõ mối liên hệ giữa câu Kinh Thánh với đời sống hiện đại. Nếu có thể được hãy minh họa bằng các biến cố thông thường để thấy rằng nó rất đáng cho con người ngày nay quan tâm chú ý. Đây là cơ hội tốt mà cũng là nguy cơ của bài giảng giải kinh. Chỉ giải nghĩa suông Kinh Thánh sẽ chẳng khiến cho nó trở nên lý thú, đáng quan tâm chú ý; người ta không hề đến nhà thờ với thái độ "sốt ruột muốn khám phá xem đã có gì xảy đến cho dân Giê-bu-sít." Kinh Thánh phải được giải bày ở những điểm quan trọng mà bộ sách ấy có liên quan đến mọi người. Nếu ta thành công trong việc chứng minh rằng luận đề của chúng ta là một đề tài sống động hay nguyên tắc mà chúng ta đề cập có thể ứng dụng cả cho thời hiện đại nữa, thì chắc chắn sẽ khiến được mọi người chú ý

ngay đến phần khai triển, bằng không hội chúng cũng sẽ lập tức cho thấy chắc chắn một thái độ "Tôi chẳng quan tâm gì đến một chủ đề như thế."

Vậy, sau khi đã đưa ra mối liên hệ giữa đoạn Kinh văn với văn mạch của nó và nêu rõ mối liên hệ của đề mục với đời sống hiện đại, điều cần bổ túc cho phần này của bố cục là mục tiêu - hay giải đoạn cá biệt của đề mục hướng về việc triển khai bài giảng. Có thể đưa ra ba gợi ý để giúp cho việc quyết định này. Một là phải tìm một điểm của đề mục sẽ khiến cho hội chúng quan tâm chú ý. Điều này vốn tuyệt đối cần thiết. Làm thế nào để ta biết là nó lý thú, được mọi người quan tâm chú ý? Nhờ hiểu rõ các tín đồ của mình, một người càng trung tín trong chức vụ thăm viếng bao nhiêu, biết cùng chia xẻ vui buồn, hy vọng, sợ hãi với họ, sẽ càng biết rõ các mối bận tâm, những gì họ quan tâm chú ý bấy nhiêu, để tìm ra phương diện cá biệt của từng đề tài sẽ thu hút được họ. Điều thứ hai phải ghi khắc vào tâm trí khi quyết định một mục tiêu là phải tìm một đề án hữu ích. Thiên hạ có thể rất quan tâm muốn biết khoảng cách từ Giê-ru-sa-lem xuống Giê-ri-cô là bao xa, chiều ngang của Biển hồ Ga-li-lê là mấy cây số, hoặc có thể thậm chí họ còn quan tâm muốn biết có bao nhiêu cách giải thích khác nhau về sự sống lại của Chúa Giê-xu khác hơn cách lý giải của Kinh Thánh. Tuy nhiên, vấn đề quan trọng là chứng cứ của mục tiêu thành công đến mức độ nào để giúp hội chúng nhận thức được các lý tưởng thuộc linh đó vốn là yếu tính của đức tin (đạo) chúng ta trong đời sống

của họ. Một lần nữa, khi tìm mục tiêu, ta có thể thường tìm thấy một phần Kinh Thánh hay một câu có tính cách khẳng định trong Kinh Thánh sẽ phục vụ (đáp ứng được) cho chủ đích này. Trường hợp này sẽ tạo được một giá trị gấp đôi. Chẳng những nó hậu thuẫn được cho luận điểm của mục tiêu, mà còn buộc chặt được nó vào với Kinh Thánh, mà như thế là thêm được uy quyền cho nó. Điều này có thể lấy thí dụ trong các bài giảng giải kinh về sách Mác của Campbell Morgan mà chúng tôi từng đề cập trước đây. Ông đã dùng cách trích dẫn vắn tắt vài câu từ đoạn Kinh Thánh cần thảo luận để làm câu gốc (chìa khóa) cho bài giảng của mình. Tôi xin trích ra đây vài tiêu đề của vài bài giảng giải kinh cuối cùng về sách Mác của ông để minh họa cho luận điểm này.

"Nhưng (Ngài) chỉ thấy lá" (11:1-25; xem c.13)

"Bà góa nghèo này đã dâng nhiều hơn mọi người" (11:27-1244; xem 12:43)

"Phải cảnh giác" (13; xem 12:37)

"Một phòng rộng trên lầu, trang bị đầy đủ" (14:1-20; xem 14:15)

"Ta qua xứ Galilê trước để gặp các con" (14: 27-52; xem 14:53)

"Chúng giải Chúa Giê-xu đi" (14: 53-57 xem 14:53)

"Nó cứu mình không nổi" (15:1-32; xem 15:31)

"Tảng đá lớn chặn trước cửa mộ" (15:33-47 xem 15: 46)

"Tảng đá lớn đã được lăn đi rồi" (16; xem 16:4).

Những trích dẫn ngay trong phần Kinh Thánh này, vốn có thể được xem như nhan đề của các bài giảng hơn là những mục tiêu, được dùng để làm "chìa khóa" cho phần thảo luận các đoạn sách mà chúng đề cập. Nói khác đi, phần tài liệu vốn liên quan trực tiếp với câu được trích dẫn, và thật ra các câu trích dẫn ấy chính là các mục tiêu. Nhiều câu Kinh Thánh vốn là những mục tiêu sáng giá, nhưng khi khúc sách quá dài, đề cập quá nhiều điều, hoặc khó lãnh hội vì bất kỳ lý do nào, thì ta nên nói lại bằng những lời lẽ dễ hiểu.

Dầu sao thì một mục tiêu cũng chỉ là một danh từ để khẳng định hay phủ nhận một điều gì đó. Bất luận một mệnh đề nào cũng là một khẳng định, và khi một câu khẳng định được đưa ra về niềm tin của chính mình, thì nó trở thành một phán đoán, và khi một phán đoán đã được dùng làm một mục tiêu và được khai triển trong một bài giảng, thì bài thuyết giảng phải kết thúc thật hợp lý khi mục tiêu đã được chứng minh rồi, hoặc đã được minh họa và trình bày cho các thính giả sao cho phần ấn tượng đã đạt đến tuyệt đỉnh của nó.

Bây giờ, chúng ta hãy bắt đầu áp dụng các nguyên tắc của chúng ta cho vài luận đề đã được gợi ý trong chương trước. Luận đề đầu tiên của chúng ta được rút ra từ Giăng 1:1-18 "Quyền năng của Chúa Cứu Thế trong sinh hoạt Cơ-đốc nhân." Câu mà tâm trí tôi hướng vào trực tiếp nhất để rút nó ra là câu 16, đề cập sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế mà chúng ta, với tư cách các Cơ-đốc nhân đã nhận được. Vậy, khi

kết hợp bài thuyết giáo đầu tiên này với chủ đích của cả sách, chúng ta nhận thấy rằng các lý do đầu tiên để các môn đệ Chúa Giê-xu tin Ngài là ý thức về một điều gì đó mà họ đã nhận được. Phần này của đoạn "nhập đề" chỉ đơn giản nối liền đề tài với cả sách mà thôi. Ở đây ta có thể chứng minh rằng đây là cách tự nhiên nhất để Giăng dùng khởi điểm này vì chính đức tin Ông vốn có nền tảng là một từng trải thật dứt khoát.

Tuy nhiên, ở đây ta cũng có thể nhận thấy rằng không phải việc dùng một lời giải thích bao giờ cũng là cần thiết cả. Lẽ dĩ nhiên là nhiều khi ta không thể nào làm việc ấy, mà không tạo một sự nối liền hay liên tưởng điều mà tác giả không hề có ý định. Nhiều khi chẳng những việc giải thích một phần Kinh Thánh là không cần thiết trong một bài giảng theo đề tài thông thường, nhưng trong nhiều trường hợp khác, phần Kinh Thánh đã là mục tiêu rồi, thì một yếu tố này hoặc yếu tố kia hay cả hai yếu tố ấy có thể vắng mặt. Điều kiện này cũng có thể nghiệm đúng với một bài giảng giải kinh. Khi có nhiều câu Kinh Thánh dự phần nào, thì một mục tiêu là cần thiết cả khi nó có thể được tìm thấy trong chỉ một câu mà thôi, như ta có thể tìm thấy một mệnh đề làm chủ đề trong bất kỳ một phân đoạn nào được viết thật đúng văn phạm.

Nhưng, sau khi đã hoàn tất bước thứ nhất, tương hợp với phần giải thích rồi, chúng ta sẽ chuyển sang bước thứ hai là phần nhập đề chính thức. Nếu phần trên chủ đề không có phần Kinh

Thánh như đã được gợi ý trên, thì chính tại điểm này, nhà truyền đạo phải tận dụng mọi khả năng của mình để các thính giả phải chú ý vào cuộc thảo luận về đề tài. Trong ý nghĩa theo đó phần nhập đề được dùng khi ứng dụng vào bước thứ hai trong số ba bước này, thì chủ đích là khiến cho mọi người phải chú ý, để làm phát triển mối quan tâm, và để tạo ra một bầu không khí cho phần thảo luận. Vậy làm thế nào để chúng ta thực hiện việc giới thiệu đề tài của mình về Giăng 1:16? Ta có thể nói với cử tọa: "Có bao giờ quý vị ngưng thần để suy nghĩ rằng trong việc tin nhận Chúa Cứu Thế đã có một điều gì đó của nhân cách Ngài đã trở thành một phần của chúng ta hay không?" Sự chú ý được gợi lên ở điểm này, nhưng ta còn có thể đặt vấn đề xa hơn nữa: "Sự đầy dẫy mà câu Kinh Thánh đề cập là gì?" Đến đây thì sự chú ý được phát triển rồi chúng ta có thể nói và đây là mục tiêu - bước thứ ba sẽ cùng mang theo với nó một điều gì đó của bầu không khí: "Bây giờ, tôi xin vạch rõ cho quý vị thấy ngay trong chương sách đầu tiên này sự đầy dẫy đó là gì, chúng ta tiếp nhận được nó theo ý nghĩa nào, và nó tuôn chảy vào lòng chúng ta đến mức độ nào."

Một khi đã được kiểm điểm vắn tắt như thế rồi, diễn tiến của phần bố cục bao gồm trong từ ngữ "nhập đề" này gồm có văn mạch trong Kinh Thánh, gợi chú ý đối với phần thảo đề tài và giới thiệu mục tiêu hay luận điểm dứt khoát là chủ đích mà diễn giải phải bày tỏ.

Bây giờ, chúng ta hãy lấy đề tài tiếp theo đó, được tìm thấy trong chương hai. Đề mục dường như hội tụ trong tư tưởng về mối liên hệ giữa các phép lạ hay dấu lạ, với đức tin. Nhan đề đặt cho đề tài là "phải chăng thấy là tin? " chú trọng đặc biệt vào hai câu 23 và 24.

Ý định của riêng cá nhân tôi ở đây là muốn kích thích sự quan tâm chú ý đối với luận đề trước khi đề cập một câu Kinh Thánh nào ta có thể bắt đầu nói: "Chúng ta vẫn thường nghe nói "thấy là tin' thế thì có quả đúng như vậy không? Hay là có một ai đó quá mù quáng đến độ chẳng thấy gì hết, và nhiều người khác nữa lại có thiên kiến đến độ chẳng muốn nhìn thấy gì cả?" Sau đó, hãy nói tiếp: "Đây là một trường hợp lý thú, trong đó các dấu lạ đưa một số người đến chỗ tin Chúa, trong khi nhiều người khác cũng được thấy cùng những dấu lạ y như thế, nhưng lại chẳng chịu tin, và Chúa Giê-xu thì lại chẳng tin cậy cả đến những kẻ tự xưng là họ tin. Tại sao lại như thế?" Câu hỏi này dẫn diễn giả đến với luận đề: "Phải chẳng thấy là tin." Ở đây, mục tiêu sẽ không được vạch rõ, vì óc tò mò bị kích thích sẽ là một trong nhiều lý do chính khiến người ta chú ý đến luận đề. Tuy nhiên, dầu có thể là ta không luôn luôn nói trắng ra đề tài của mình, trong trường hợp này, luận điểm hay lời đáp cho câu hỏi vẫn phải rõ ràng trong chính tâm trí ta. Ta phải kết luận sứ điệp của mình với mọi nghi ngờ được cất khỏi tâm trí những người nghe mình. Nếu ta không có lời đáp cho câu hỏi, ta không nên nêu nó ra, vì làm như vậy,

thường chỉ là gieo một thắc mắc vào tâm trí những người rất có thể là chẳng hề có chút thắc mắc về điểm cá biệt ấy cả. Giảng tích cực là điều cần thiết. Những người ngồi dưới các hàng ghế thính giả vốn không muốn thêm cho bảng liệt kê những điều họ nghi ngờ được kéo dài thêm ra, điều họ muốn là nhà truyền đạo, khi có cơ hội sẽ giảm bớt đi con số ấy bằng cách lý giải cho họ về cuộc đời thế nào, để khiến cho nẻo đường đức tin được khai quang. Tòa giảng từng đưa ra nhiều điều có thể hủy hoại niềm tin tưởng rằng phơi bày sự nghi ngờ là chứng tỏ một thái độ trung thực về phương diện trí thức. Phần đông thiên hạ đã có đủ những hoài nghi của riêng họ rồi và sống trong thế giới đầy hoang mang và phức tạp này, họ cần tìm ra một chính đạo khoảng khoát. Người chỉ đưa họ vào rừng rậm rất có thể sẽ chỉ tìm thấy cho mình những hàng ghế trống mà thôi. Cho nên, nếu đề tài được đặt ra thành hình thức nghi vấn như nó có thể được đặt ra, thì phải giấu đề tài đi, và lời đáp chỉ được đưa ra khi bài giảng đã đi đến chỗ kết luận.

Chuyển sang chương tiếp theo, chúng ta nhận thấy trong Giăng 3: 14-16 đề tài: "Tình yêu thương của Đức Chúa Trời" hoặc "Đấng Cứu Thế được tôn cao." Trong văn mạch của đoạn Kinh Thánh này, Chúa Giê-xu đang trò chuyện với Ni-cô-đem về sự tái sinh. Ni-cô-đem đã không lãnh hội nổi vấn đề ấy. Cho nên Chúa Giê-xu bảo: "Ta nói những việc dưới đất, các ngươi còn không tin, làm sao các ngươi tin được những việc trên trời?" Rồi, dường

như để minh họa một chân lý để cho người nghe và qua mọi thời đại ai ai cũng có thể hiểu nó, Ngài phán "Như xưa Môi-se đã treo con rắn trong nơi đồng vắng thể nào thì con người cũng phải bị treo lên dường ấy, hầu cho hễ ai tin đến Ngài đều được sự sống đời đời."

Một biến cố đen tối trong lịch sử dân Y-sơ-ra-ên đã được đưa vào như thế để minh họa tình yêu thương của Đức Chúa Trời bằng lời tiên tri. Vậy, đâu là các luận điểm của chỗ giống nhau này? Đây sẽ là cơ sở để mọi người phải chú ý trong phần thảo luận. Chúa Giê-xu đã muốn cho thí dụ minh họa ấy có ý nghĩa gì? Và nó có ý nghĩa gì cho chúng ta.

Trong chương thứ ba, từ câu 11 cho đến hết, đề tài là: "làm chứng cho chân lý." Trong khi vạch rõ bối cảnh ở đây, có thể kêu gọi mọi người chú ý đến sự kiện Chúa Giê-xu và Giăng đều cùng nhắc lại một sự kiện giống nhau. Như ở câu 11, Chúa Giê-xu được kể là đã phán rằng: "Đây là sự thật, chúng tôi nói điều chúng tôi biết, làm chứng điều chúng tôi thấy, nhưng các ông không chấp nhận." Trong câu 32, Giăng cũng bộc lộ cùng một tình cảm ấy, khi ông nói "Chúa kể lại những điều Ngài nghe thấy, nhưng không ai tin lời chứng của Ngài.

Ở đây, có thể gợi sự chú ý vào phần thảo luận bằng cách gợi ý là có một vài định chuẩn để căn cứ vào đó mà phê phán bất cứ một lời chứng nào. Chúng ta hãy xem xét đó là gì, và chẳng hay thiên hạ thời Chúa Giê-xu chối bỏ sứ điệp của Ngài thì có hợp lý và phải lẽ hay không. Đến đây, có thể thúc

đẩy mọi người chú ý đến bài giảng bằng cách đặt ra câu hỏi ấy.

Vậy ta có thể tiếp tục với các đề tài khác đã gợi ý cho các chương sách tiếp theo. Phương pháp vẫn giống nhau cho tất cả các loại bài giảng; tuy nhiên bài giảng giải kinh đòi hỏi phải suy nghĩ nhiều hơn trong việc làm cho phần nhập đề được mọi người quan tâm chú ý. Trong bài giảng theo đề mục thông thường, đề tài được chọn theo điều được ta cho là lý thú đáng quan tâm chú ý, trong khi với bài giảng giải kinh, đặc biệt là khi các đề mục theo Kinh Thánh được lấy theo thứ tự nối tiếp nhau, có thể là cần phải có một nỗ lực lớn hơn để kích thích sự chú ý đến đề tài.

Tuy nhiên, điều luôn luôn được nghiệm đúng, ấy là mọi người đều chú ý hoặc nhiều hoặc ít đến các giáo lý căn bản của tôn giáo. Mỗi người chúng ta đều có một bản tính thuộc linh, và khi đề cập vấn đề chiếm được sự chú ý đến đề tài của mình, thì điều đó chỉ đơn giản có nghĩa là nối liền nó với những vấn đề lớn của đời sống và số phận của con người điều đụng chạm đến tấm lòng và thúc đẩy tính này hành động.

Câu Hỏi Chương 5

1. Tại sao phần nhập đề cho bất cứ bài giảng nào cũng là tối quan trọng?

2. Tại sao nó đặc biệt quan trọng trong một bài giảng giải kinh?

3. Có gì để biện minh cho việc đưa cả mục tiêu vào trong từ ngữ "nhập đề"

4. Có thể nào viết ra phần nhập đề sau khi đã lập xong bố cục, cũng như trước khi hoàn tất nó, hay không?

5. *Tại sao trong một bài giảng giải kinh, việc tiếp cận phần nhập đề có vẻ như khó khăn hơn là trong một bài giảng theo đề mục?*

Chương 6

CÁC PHẦN CHÍNH

Khi thảo luận về các phần chính của một bài giảng là chúng ta tập trung chú ý vào một phần tối quan trọng của bài giảng. Trong phần này, các tài liệu được phân loại, tập họp thành từng nhóm và sắp xếp lại sao cho chỉ cần nhớ các phần lớn, là người nghe sẽ có thể nhớ lại cả các tài liệu đã được sử dụng. Thí dụ như nếu có người giảng về "câu chuyện của một phú ông" như được chép trong Luca 12: 13-30, ông ta có thể thảo luận chủ đề dưới ba tiêu đề là tài sản, sự dại dột và số phận của người giàu. Ở đây tính cách giản dị, diễn tiến và sự đầy đủ của mỗi phần chính khiến mọi người rất dễ nhớ lại cả bài thuyết giảng.

Như thế, chủ đích của các phần chính là giúp cho mọi người dễ nhớ lại những gì đã được nói ra, và các tài liệu càng được sắp xếp chặt chẽ, phần tư tưởng càng được gói ghém đơn giản và hợp lý bao nhiêu, thì chủ đích này sẽ càng được hoàn chỉnh bấy nhiêu. Trong khi chia các phần chính, vạch được chúng thật rõ ràng và có liên hệ thật chặt chẽ với nhau sao cho phần này gợi ý để nghĩ ra phần kế tiếp là một đức tính. Đây chính là lý do đã khiến cho

những bài giảng đặt nền móng trên sự so sánh những điểm tương đồng (analogy: loại suy) phương pháp mà Chúa Giê-xu sử dụng nhiều nhất, tỏ ra rất kiến hiệu. Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là ngụ ý bảo rằng tất cả các phần chính đều phải liên hệ thật chặt chẽ với nhau đến độ phần này có thể gợi ý để người ta nhớ lại phần tiếp theo. Thí dụ có một loại bài giảng theo đề mục trong đó mục tiêu được một số các phần chính độc lập hậu thuẫn cho, và ngay trong bản chất của trường hợp này, người ta không thể chứng minh được là có mối liên quan, liên hệ ấy. Một thí dụ về loại đề tài này là "các lý do để tin vào sự bất tử bất diệt" trong đó mục tiêu có thể được hậu thuẫn bởi khoa học, trực giác, từng trải và Kinh Thánh. Trong phần khai triển chủ đề dưới bốn phần chính ấy, không hề có mối liên quan chủ yếu nào giữa chúng cả, chúng cũng giống như bốn sợi dây riêng biệt mà cách sắp xếp hay thứ tự của chúng trong phần khai triển có thể được quyết định theo tác dụng tâm lý tùy tiện, nhưng chỉ có rất ít hay chẳng có sự nối tiếp luận lý nào cả.

Một bài giảng đặt cơ sở trên sự so sánh tương đồng là một trong những loại bài giảng hay nhất, vì phần này của hình ảnh gợi lên trong tâm trí người nghe các phần khác của nó. Chẳng hạn nếu có người giảng về "Cuộc xét xử Chúa Giê-xu" trong Ma-thi-ơ 27: 11-31, người đó có thể dùng các phần chính để đề cập tù nhân bị cáo, các nguyên cáo, quan tòa và bản án. Chất liệu của mỗi phần chính như thế chẳng những chỉ dễ nhớ, mà một phần này do mối liên hệ

giữa nó với các phần khác, đều rất dễ gợi ý cho người ta về chúng. Hoặc cũng có thể trong các phần lớn có tác dụng chồng chất lên nhau, mỗi phần đều tiếp tục đẩy cho tư tưởng đi trước tiến xa thêm. Như một bài giảng về "Câu hỏi đầu tiên trong Kinh Thánh" có nền tảng là Sáng 3:9 "người ở đâu" có thể có các phần chính là: 1. Câu hỏi này đã được đặt ra cho một người sau khi người ấy phạm tội. 2. Nó được đặt ra cho một người sau khi người ấy phạm tội đã cố tìm cách trốn tránh Đức Chúa Trời. 3 Nó được đặt ra cho một người mà sau khi phạm tội lại cố tìm cách trốn tránh Đức Chúa Trời, nhằm mục đích tự phục hồi mối giao hảo với Ngài.

Có một vấn đề hết sức lý thú ở đây, là chẳng hay người ta phải tập họp các tài liệu của mình trước khi chia các phần chính, hay phải chia các phần chính trước? Trong bài giảng theo đề mục, ta được phép dùng bất cứ cách nào, khi ta quen thuộc với các tài liệu muốn dùng thì có thể ta sẽ chia các phần chính trước khi tập họp được một số nhiều tài liệu. Phương pháp này có thể là rất tốt trong những trường hợp như thế, tuy nó không phù hợp với các nguyên tắc khoa học, vì các dữ kiện phải được thu nhập trước khi cố gắng tổ chức chúng lại, nhưng nếu ta chia các phần chính trước khi tập hợp tài liệu, chúng luôn luôn có tính cách thể nghiệm và phải chịu nhiều sửa đổi như việc phát giác ra những sự kiện bất ngờ khiến cần phải đưa ngay vào cho bài giảng của mình phù hợp với chân lý.

Tuy nhiên, trong một bài giảng giải kinh, nếu không phải là luôn luôn thì hầu như là bao giờ ta cũng cần phải nghiên cứu các tài liệu sắp dùng trước khi chia các phần chính. Đặc tính của một bài giảng giải kinh khiến cho việc làm này trở thành thiết yếu. Các tài liệu bạn có không lệ thuộc trực tiếp vào từng trải của mình, mà tùy thuộc đặc biệt vào đoạn Kinh Thánh mà bạn định sử dụng. Như thế, nó có thể là phần tóm tắt những gì được chứa đựng trong khúc Kinh Thánh, nhưng cũng như với các phần chính của các loại bài giảng khác, phần kỹ xảo có thể được chứng minh trong việc sắp xếp tư tưởng, và theo cách thức mà các tài liệu được sắp xếp và phân định.

Cách chia các phần chính đơn giản nhất cho bài giảng giải kinh là tập hợp lại một số các câu Kinh Thánh liên tiếp nhau để sau đó xếp chung chúng lại dưới cùng một tiêu đề. Thuộc loại này, là cách Tiến sĩ Drummond khảo luận chương 13 của I Cô-rinh-tô trong quyển sách nhỏ của ông có nhan đề: "Điều Quan Trọng Nhất Trong Thế Gian Này." Phần lớn đầu tiên của ông có cơ sở là các câu 1-3, và được gọi là "so sánh tình yêu thương," phần thứ hai có nền tảng là các câu 4-6, và được đặt tên là "phân tích tình yêu thương" phần thứ ba gồm các câu còn lại từ 7-13, và được gọi là "tình yêu thương được biện hộ với tư cách là ân tứ tối cao." Ở đây mỗi phần chính đều được giải thích minh họa và ứng dụng theo đúng thứ tự nó xuất hiện trong chương sách, trong khi cả chương đều được sắp xếp và diễn tả theo một cách thức để sắp xếp số tài liệu đưa vào thật thích hợp và

hữu ích. Rõ ràng là muốn bảo đảm cho cách chia phần này, điều cần thiết là tiến sĩ Drummond đã phải đọc và nghiên cứu thật kỹ các tài liệu.

Một phương pháp khác nữa để lập các bố cục cho các bài giảng giải kinh, là đọc qua Kinh Thánh, và khám phá ra, nếu có thể được, các ý niệm có liên hệ với nhau qua đó để các tài liệu có thể được xếp. Có thể áp dụng phương pháp này khi kế hoạch đã được gợi ý ở phần trên không thể áp dụng được. Để minh họa điều ngụ ý muốn nói ở đây, ta có thể lấy một đề tài như "Việc ăn năn qui đạo của Ly-đi" dùng Công. 16:13-15 làm nền tảng, công trình nghiên cứu này có thể được trình bày dưới ba tiêu đề:

1. Việc Phao-lô làm
2. Việc bà Ly-đi làm
3. Việc Chúa làm

Còn một phương pháp thứ ba nữa là lấy một phần hay một câu Kinh Thánh, rồi đưa ra phần giải nghĩa từng từ ngữ hoặc từng câu riêng biệt. Đây là phương pháp mà chúng ta thường có khuynh hướng nghĩ rằng đó là kế hoạch giải kinh theo nghĩa hẹp. Các phần quan trọng của Kinh Thánh với nhiều từ ngữ tự chúng có ý nghĩa sâu sắc đã được khai triển theo cách đó để làm sáng tỏ ý nghĩa của mối liên hệ của chúng. Trong tác phẩm "Exposition of Holy Scripture" của mình, Maclaren dùng Giăng 3:16 như sau: Ông giảng một bài với nhan đề "Biển Hồ và dòng sông ".Các phần chính của ông là:

1. Biển hồ lớn - Tình yêu thương của Đức Chúa Trời
2. Dòng sông - Ngài phó con Ngài cho
3. Chiếc vò - tất cả những người tin
4. Múc nước - sự sống vĩnh cữu.

Ở đây, bốn ý niệm "Đức Chúa Trời yêu thương nhân loại," hy sinh con Một của Ngài "để tất cả những người tin nhận Con Đức Chúa Trời" "không bị hư vong nhưng được sự sống vĩnh cửu" nếu được thảo luận trước rồi kết chặt lại với nhau bằng một hình ảnh ví sánh sẽ rất có giá trị vì nó giúp chúng ta thấy rõ mối liên hệ mà nếu không có nó, người ta có thể tưởng rằng đó là những ý niệm riêng rẽ, rời rạc.

Như thế, ta sẽ có thể thấy rằng có ba cách chia các phần chính cho những bài giảng giải kinh phù hợp nhất với đặc tính và chiều dài của đoạn Kinh Thánh được sử dụng. Tuy điều này không phải là một qui luật độc đoán hay quá cứng nhắc. Dàn bài thứ nhất dường như phù hợp hơn với mọt số đoạn thuật sự hay những khúc sách như I Cô-rinh-tô13, vì trong đó có phần triển khai hợp lý một chủ đề. Dàn bài thứ hai dễ áp dụng hơn khi không có hình thức tập trung các ý niệm như thế và loại thứ ba có thể dùng tốt nhất cho những bài giảng giải kinh hạn chế trong những phần Kinh Thánh ngắn hơn. Tuy nhiên, tất cả các thí dụ minh họa trên đây đều chứng minh rằng trong những bài giảng giải kinh, Kinh

Thánh phải được nghiên cứu thật kỹ trước khi thực hiện việc của các phần chính.

Khi sắp xếp các phần chính cho một bài giảng giải kinh, ta không cần đưa vào đó một phần thảo luận về tất cả đoạn Kinh Thánh mà đã được chứng minh rồi. Các phần được sử dụng hoàn toàn tùy thuộc vào mục tiêu, và để hoàn thành mục tiêu ấy, chỉ có một số câu là có thể được chọn và đưa vào phần thảo luận. Một thí dụ minh hoạ cho trường hợp này. là một bài giảng về đề tài: "Thế gian đã luôn luôn nói gì về Chúa Giê-xu" đặt cơ sở trên Giăng 7:10-31. Các ý niệm có liên quan với nhau trong bài giảng nầy có thể là: Ngài là một người nhân đức (c.12) - một kẻ lường gạt "không, ông ta chỉ khéo mị dân"(c12) - Con Đức Chúa Trời "Nhiều người ... tin Chúa"(c31). Ở đây, chỉ có mấy câu như trên trong chương sách đã được dùng hay đề cập, mới thích hợp cho việc làm nổi bật mục tiêu, tuy nếu có càng nhiều câu Kinh Thánh được sử dụng thì sẽ càng thích hợp hơn.

Bây giờ, sau khi đã chọn đề tài và đã quyết định các phần chính rồi, điều phải làm tiếp theo là đọc lại phần Kinh Thánh đã được chọn. Công việc này không thể chỉ được làm một lần, nhưng phải thực hiện hằng ngày, hoặc bằng những khoảng cách liên tiếp nhau, sao cho có đủ thì giờ để đồng hóa tư tưởng, vì yếu tố thời gian là cần thiết nhất cho việc giảng dạy đầy năng lực. Có như thế, các tài liệu mới trở thành một phần riêng tư của chính nhà truyền

đạo, của tâm hồn ông ta, và dầu sao thì cũng chỉ có cách làm như thế, thì mới thật sự là truyền giảng.

Sau khi đã đọc đi đọc lại tài liệu nhiều lần ta bắt đầu nối kết và tập hợp các ý niệm của mình lại, để tìm những điều thiết yếu mình muốn nói, và lập bố cục cho tư tưởng của mình. Vậy, các nguyên tắc để hướng dẫn ta vẫn giống nhau cho mọi loại bài giảng.

Chúng phải đơn sơ, so sánh tình yêu thương, phân tích tình yêu thương, và biện hộ cho tình yêu thương. Việc Phao-lô làm, việc bà Ly-đi làm, việc Chúa làm. Các phần này tự nó vốn đơn giản. Tiếp theo đó, chúng phải có tính cách tiệm tiến. Trong một số bài giảng, mặt này sẽ tự nhiên rõ rệt hơn trong một số bài giảng khác. Nếu ta giảng về chủ đề "Tại sao tôi tin Hội Thánh" chẳng hạn, điều hoàn toàn có thể quan niệm được là thứ tự của nhiều luận điểm khác nhau được đem ra thảo luận có thể được thay đổi mà chẳng có ảnh hưởng gì đến diễn tiến luận lý của mục tiêu ngoại trừ việc luận cứ mạnh nhất phải được xếp sau cùng như khi sắp xếp các luận điểm trong một cuộc tranh luận vậy. Mặt khác, trong các bài giảng thuộc loại có nhiều luận điểm chồng chất lên nhau như bài giảng về Sáng thế ký 3:9 đã được đề cập trước đây, phương diện tiệm tiến là rất quan trọng.

Tiếp sau việc chia các phần chính, phải là hoàn thành mục tiêu. Thí dụ như khi nghiên cứu việc ăn năn qui đạo được đề cập ở phần trên về trường hợp của bà Ly-đi, sau khi phần đóng góp của

cả nhà truyền đạo, người ăn năn qui đạo và Chúa đều đã được đưa vào cả rồi thì sẽ chẳng còn gì để nói về vấn đề ăn năn qui đạo nữa. Tuy nhiên, không có phần nào trong các phần kể trên lại có thể bị bỏ ra mà việc chứng minh cho mục tiêu khỏi bị khiếm khuyết không hoàn chỉnh.

Bây giờ, chúng ta hãy áp dụng các nguyên tắc này cho những vấn đề dã được gợi ý trong chương IV, mà các luận đề cho chúng đã được đưa ra trong chương trước.

Thí dụ được đưa ra đầu tiên là từ Giăng 1:16. Có ba ý niệm được trình bày trong câu Kinh Thánh này.

1. Sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế
2. Sự đầy dẫy được chia sẻ cho người tín hữu
3. Mức độ theo đó sự đầy dẫy nầy được chia xẻ cho người tín hữu.

Bố cục này thuộc loại chồng chất lên nhau, hai phần chính thứ hai và thứ ba có chứa đựng những gì đã đi trước chúng để sau đó, mở rộng tư tưởng ấy. Mỗi phần chính trong cả ba phần chính này đều đòi hỏi được giải thích, và tạo ra một phạm vi hết sức rộng rãi để ứng dụng nữa. Vậy, phần chính đầu tiên có thể được triển khai bằng cách đặt câu hỏi: Như được quan niệm ở đây, sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế bao gồm những gì? Tiếp theo là: Sự đầy dẫy được chia sẻ như thế nào? Ba là: "Điều gì xác định mức độ theo đó chúng ta nhận được nó?"

Chính lời đáp cho các câu hỏi này, đặc biệt là cho phần chính thứ nhất được giải thích căn cứ vào văn mạch, sẽ cống hiến đặc tính giải kinh cho bài giảng này. Các phần chính đều đơn giản, theo đúng thứ tự của chúng trong câu Kinh Thánh, chúng đều có tính cách tiệm tiến, mỗi phần đều bao gồm phần đi trước rồi đẩy cho tư tưởng tiến tới, và chúng đều đầy đủ vì bao hàm tất cả ý niệm trong câu Kinh Thánh và nối liền chúng lại với nhau.

Bây giờ chúng ta chuyển sang đề tài thứ hai, vốn có tính chất nghi vấn: "Phải chăng thấy là tin? " ở đây, đề tài trở thành mục tiêu. Về bài giảng này, chúng tôi đề nghị các phần chính sau đây:

1. Người Do Thái yêu cầu Chúa Giê-xu làm một dấu lạ để thỏa mãn các đòi hỏi của đức tin (c.18)
2. Chỉ có các dấu lạ mà thôi, thì không đủ cho đức tin (cc.23 - 25)
3. Các dấu lạ chỉ thật sự có giá trị cho đức tin đối với các môn đệ Chúa mà thôi (c.22).

Ở đây, phần khai triển phải chứng tỏ rằng thấy là tin chỉ đúng trong phạm vi hết sức hạn chế mà thôi. Với tư cách là một sự kiện tâm lý, phạm vi của tin tưởng một phần chính được quyết định bằng thái độ của một cá nhân đối với đối tượng hay chứng cứ hiển nhiên được trình bày. Nói khác đi, thành kiến cho dù là khoa học hay triết học, đều có thể ngăn trở đức tin đến độ một chứng cứ đầy thuyết phục nhất cũng có thể bị chối bỏ. Xin trích

dẫn lời phán của Chúa Giê-xu nhân một cơ hội khác "nếu họ không tin lời Môi-se và các tiên tri, thì dù có người chết sống lại, họ cũng chẳng tin." Theo câu này của Chúa, thì khi đã có một thái độ nào đó của tâm trí (thành kiến, thiên kiến) thì nay đến sự kiện rõ ràng, dễ hiểu nhất, cũng có thể bị chối bỏ.

Các phần chính được dùng trong bố cục này được đặt trên cơ sở là phương pháp liên kết các ý niệm, trước hết là bằng cách tìm đề tài được đưa ra thảo luận - mối liên hệ giữa các dấu lạ với đức tin, và sau đó chọn ra số tài liệu thích hợp đó cho mục tiêu đã chọn. Tính đặc trưng của các phần chính này là lấy ngay các thí dụ minh họa từ trong văn mạch để nói ra những điều có liên hệ với đức tin mà ta không thể nào nói ra. Thí dụ khi nói như thế với một cử tọa là các sinh viên cao đẳng, thì quan điểm của ta không thể tránh khỏi bị họ đáp ứng bằng sự bực bội.

Đề mục tiếp theo được gợi ý là "Chúa Cứu Thế được tôn cao" trên nền tảng Giăng 3: 14-15. Như trong tất cả các trường hợp căn cứ vào cách so sánh những điểm tương đồng, các phần chính của mọt bài giảng căn cứ vào mấy câu này sẽ được quyết định bằng những điểm nổi bật của việc so sánh. Có thể gợi ý các phần chính như sau:

1. Mọi người phạm tội
2. Mọi người đau khổ
3. Mọi người được ban cho sự cứu rỗi.

Ở đây các luận điểm sẽ được giới thiệu căn cứ vào phần thuật sự trong Dân-số-ký, còn phần ứng dụng thì được đưa ra như đã được Giăng đưa ra trong sách Phúc Âm của ông. Nếu ta có đề cập gì đến văn mạch, thì chỉ là để chứng minh rằng lời tiên tri của Chúa Cứu Thế về sự chết Ngài sẽ là điều không tài nào hiểu nổi đối với một người chẳng hiểu nổi những điều thuộc về đất.

Chuyển sang thí dụ kế tiếp, chúng ta có phần thảo luận về vấn đề làm chứng, mà tôi đã đặt cho nhan đề là " Làm chứng cho Chân Lý" Ở đây, mục tiêu có thể là " Chúa Giê-xu làm chưng cho điều gì, và điều đó có đúng có thật không?" Chúng ta được cho hai ý niệm: Ý niệm về chân lý và người làm chứng cho nó:

1. Đâu là các định chuẩn cho một lời chứng đáng tin
2. Lời chứng của Chúa Giê-xu có thỏa mãn được các định chuẩn ấy không?
3. Ngài đã làm chứng cho những sự kiện nào?

Đặc tính giải kinh trong bố cục nầy được thấy rõ trong sự kiện các lời đáp cho các câu hỏi được đặt ra ở 2 và 3 đòi hỏi phải có hậu thuẫn từ phần Kinh Thánh. Và cứ như thế chúng tôi có thể tiếp tục gợi ý về các phần chính cho những luận đề đã được đưa ra khác nữa, nhưng có lẽ các thí dụ minh họa trên nay đã đủ để chứng minh cách áp dụng các nguyên

tắc đã đề ra trong phần trước đây của quyển sách này.

Nếu duyệt xét lại các phần chính này, ta sẽ thấy việc đầu tiên phải làm là đọc qua thật kỹ đoạn Kinh Thánh định dùng làm nền tảng cho bài giảng. Điều tiếp theo là phần nắm vững chiều hướng thảo luận, hay tư tưởng trung tâm của phần thuật sự. Sau khi đã làm như thế rồi, thì cần thiết phải nắm vững phương diện độc đáo của đề tài, điều được cho lý thú, đáng quan tâm chú ý và giúp ích được nhiều nhất cho hội chúng, để sau đó, sẽ xây dựng bài giảng chung quanh luận điểm hay mục tiêu ấy, sử dụng Kinh Thánh để lý giải đời sống, sao cho ngay trong các trang sách của họ, mọi người sẽ thấy chính họ được phản chiếu qua một tấm gương, chẳng những về chính họ là ai, là người như thế nào, mà còn thấy được những gì họ phải trở thành nữa. Kinh Thánh đề cập các thực tại của đời sống và các định luật căn bản của thế giới thuộc linh, và tất cả những con người bình thường trong những giây phút sáng suốt của họ, đều quan tâm đến cả hai điều này. Vì vậy, phần của nhà truyền đạo là phải chứng minh cho cử tọa thấy rằng các vấn đề của linh hồn con người phải có phản ảnh và câu trả lời cho chúng trong lời của Đức Chúa Trời. Mọi công tác truyền giảng thành công, là đưa linh hồn người ta đến chỗ nhận biết Đức Chúa Trời, y như Ngài đã tự mặc khải cho chúng ta. Chính nhờ đó mà "vực gọi vực" mà con người và Đức Chúa Trời gặp gỡ nhau, và sự trống

rỗng trong lòng người ta sẽ được toại nguyện nơi Đấng vốn là "mọi sự trong mọi sự"

Câu Hỏi Chương 6

1. Bạn có xem các phần chính là thiết yếu cho một bài giảng tốt hay không? Nêu lý do hoặc nhiều lý do cho câu trả lời của bạn.

2. Các bài giảng của Chúa Giê-xu có phẩm chất đặc biệt gì khiến chúng dễ nhớ như thế?

3. Điều gì quyết định cho việc bài giảng phải có bao nhiêu phần chính? Có con số tối thiểu hoặc tối đa hay không?

4. Tại sao việc nghiên cứu thấu đáo Kinh Thánh là cần thiết cho việc chia các phần chính cho một bài giảng giải kinh?

5. Theo nhận xét của bạn, việc chia phần chính cho một bài giảng giải kinh có khó bằng chia các phần chính cho một bài giảng theo đề mục hay không? Hãy giải thích phương pháp thực hiện trong mỗi trường hợp.

6. Lập bố cục cho ba bài giảng giải kinh mà các phần chính minh họa cho ba loại bài giảng trong chương này.

7. Bạn có cho rằng đặt các tiêu đề thật nổi bật cho một bài giảng giải kinh là cần thiết như các tiêu đề của một bài giảng theo đề mục không? Hãy thảo luận về điểm này.

Chương 7

PHẦN KHAI TRIỂN

Bất luận một bài giảng nào muốn thành công cũng phải đủ lý thú để khiến người nghe phải quan tâm chú ý. Sự lý thú khiến mọi người phải quan tâm chú ý này có thể được tạo nên và duy trì nhờ nhân cách của diễn giả, văn pháp mà người ấy sử dụng, hay sự tinh tế của năng lực tinh thần của người đó. Nếu phần tài liệu của bài giảng có thể không phải là tất cả những gì khiến cho một bài giảng trở thành lý thú, bắt buộc mọi người phải quan tâm chú ý, thì dù sao nó cũng góp một phần lớn để đạt mục đích ấy. Và cho dù ta có đạt được thành công tuyệt đối hay không khi giảng dạy, thiết tưởng cần phải nói thẳng không chút phân vân rằng phần khai triển thật tốt các bài giảng của mình có thể đem đến thành công lớn nhất cho mỗi người trong công tác đứng trên tòa giảng. Đây không phải là một lời nói quá. Chính cách phán đoán âm thầm, đầy suy tư của tất cả các chuyên viên giảng dạy, và theo điều tác giả sách này được biết, thì không hề có ai nói ngược lại điều đó.

Chúng ta bảo rằng muốn cho một bài giảng đạt được thành công, nó phải lý thú, khiến mọi người phải quan tâm chú ý. Nhưng điều gì khiến

cho bài giảng lý thú, được mọi người quan tâm chú ý liên hệ với phần khai triển? Há không phải là tính cách độc sáng của nó hay sao? Tuy rất có nhiều bài giảng, người ta thường nghe nhà truyền đạo nói nhiều điều mà ông ta đã luôn luôn nói rồi, và nhiều người khác cũng từng nói hàng ngàn lần trước ông ta, và cũng nói theo cùng một cách giống y như thế. Nhưng khi ta nghe một bài giảng, thậm chí phần tư tưởng có thể là rất quen thuộc, nhưng các tài liệu lại được trình bày theo một phương pháp thật mới mẻ và gây kinh ngạc, đến nỗi sau đó ta tự nhủ: "Mình chưa từng nghe có ai giảng như thế trước đây," hoặc: "Tôi chưa hề nghe có ai giải nghĩa khúc sách này như thế bao giờ," thì điều đó chỉ cho ta thấy tính cách độc sáng. Chính phẩm chất này là đặc điểm của nhiều nhà truyền đạo lừng danh. Họ đã biết nói nhiều điều khác hơn mọi người khác.

Khi chúng ta phân tích phẩm chất độc sáng này như nó được tìm thấy trong công tác giảng dạy, chúng ta thấy nó đã được đạt đến theo ba cách, mà nếu biết lợi dụng một hoặc kết hợp cả ba lại đều sẽ khiến cho bất luận một bài giảng nào trở thành độc sáng. Đó là việc nghiên cứu thấu đáo, có tài dùng thí dụ minh họa và ứng dụng thật thích hợp. Quy luật này không hề thay đổi và nó đều nghiệm đúng trong tất cả mọi trường hợp. Bất kỳ một bài giảng nào có được các phẩm chất ấy, thì cho dù chúng có được trình bày thật thông thường, cũng sẽ rất lý thú và được mọi người quan tâm chú ý. Ngược lại bài giảng nào mà thiếu mất những phẩm chất đó thì cho

dù có được một người có khả năng trên mức trung bình giảng, nó cũng nhất thiết không có gì lý thú, chẳng được ai quan tâm chú ý cả. Đây là một trong số những quy luật hiếm hoi có tính cách tuyệt đối trong tuyên đạo pháp, một quy luật mà ta chẳng bao giờ được phép quên, và mỗi nhà truyền đạo đều có thể trông cậy vào trong từng bài giảng.

Vậy, làm thế nào để ứng dụng các phẩm chất thiết yếu này vào phần khai triển của một bài giảng giải kinh? Tôi tin là tôi có thể áp dụng chúng dễ dàng cho các bìa giảng thuộc loại này, hơn bất kỳ loại bài giảng nào khác. Trước hết, các bài giảng giải kinh được và phải nên được nghiên cứu thật cặn kẽ, thấu đáo. Lẽ dĩ nhiên, đây vừa là ưu điểm mà đồng thời cũng là nhược điểm của bài giảng giải kinh. Khi nào không có việc nghiên cứu đích thực mà chỉ là diễn ý phần Kinh Thánh, giải nghĩa những phần không quan trọng hoặc không cần giải nghĩa, dù các vấn đề đó về địa lý, sử ký hay những vấn đề quá xa lạ với những gì mọi người quan tâm chú ý- thì điều không thể tránh được là bài giảng sẽ khô khan, tẻ nhạt và không lý thú.

Thế thì, bước đầu tiên là việc nghiên cứu phải thật thấu đáo. Ở đây, F.B Meyer đưa ra ba gợi ý. Một là ông nhắn nhủ phải tra cứu nguyên văn Hê-bơ-rơ hoặc Hi-lạp, tuy ông thú nhận rằng mình đã bỏ mặc cho kiến thức tiếng Hê-bơ-rơ của mình "bị han rỉ đi rồi." Trong hai ngôn ngữ ấy, thì tiếng Hi-lạp hữu dụng hơn nhiều. Tính cách phong phú của Hi-văn vốn đầy những gợi ý về các sắc thái của ý nghĩa của

từ. Bước tiếp theo được đề cập là việc nghiên cứu phần Kinh Thánh trong bối cảnh của cả sách để tìm ra chủ đích của nó và lãnh hội được tinh thần của nó. Ông nói: "Đọc về Kinh Thánh thôi thì chưa đủ, mà chúng ta phải tự mình đọc chính bộ sách ấy." Rồi để kết hợp hai phần này lại với nhau, ông nói thêm: "Mục tiêu đầu tiên là phải biết thật chính xác phần Kinh Thánh gốc muốn nói gì," mục tiêu kế tiếp là phải đặt nó vào bối cảnh của cả quyển sách. Gợi ý thứ ba là nghiên cứu của các sách chú giải và các bài giảng. Lời khuyên này của một nhà (viết sách) giải kinh rất thành công thật đáng cho chúng ta phải suy xét. Chắc chẳng có ai thắc mắc gì về các phương pháp thứ nhất và thứ hai, chúng đặc biệt có giá trị cho nhà truyền đạo giải kinh, nhưng trong khi nói theo các phương pháp ấy, thì theo sự tin chắc của tôi, nhà truyền đạo sẽ ít quan tâm hơn đến việc thực hiện gợi ý cuối cùng này.

Chúng ta đã nói việc giảng dạy theo phương pháp giải kinh bắt đầu với việc nghiên cứu Kinh Thánh thật thấu đáo. Tuy nhiên, khả năng sử dụng nguyên văn và các thói quen nghiên cứu tốt hơn cần một điều gì hơn thế nữa để khiến cho bài giảng trở thành lý thú, được quan tâm chú ý. Các bài giảng của chúng ta còn phải đụng chạm đến con người phải có tinh thần ưu ái, thiện cảm, và khả năng đưa ra ánh sáng những vấn đề thiết yếu cần phải quan tâm. Nếu không, ta chỉ có thể đưa ra thật đúng các khoảng cách địa dư, các sự kiện hoặc những điều sâu sắc có tính cách triết lý, điều đó giống như

những linh hồn đang muốn biết con đường lên thiên đàng lại chỉ được nghe nói về con đường từ Giê-ru-sa-lem, hoặc chỉ được nghe nói về một bài tập thể dục cho phần tinh thần mà thôi. Bài giảng giải kinh không phải chỉ giải nghĩa Kinh Thánh, mà còn đưa ra một cách ứng dụng nữa. Đây chính là ưu điểm phân biệt của loại bài giảng này: các tài liệu để khai triển đang ở trước mặt chúng ta và thường thường thì sở dĩ đề tài đã được chọn lựa, mà nhất là đề án cũng sẽ được lựa chọn, là vì ta cảm thấy cách ứng dụng số tài liệu sẽ có giá trị cho những người nghe.

Khả năng nhìn thấy các mối liên hệ sinh động giữa các nhu cầu của mọi người với Kinh Thánh sẽ tăng thêm khi nhà truyền đạo biết rõ bản tính con người và việc nhận xét của ông ta cũng gia tăng. Mỗi lần đi thăm viếng tín đồ của mình sẽ giúp ông ta thấy rõ niềm vui và nỗi buồn, niềm hi vọng và nỗi sợ hãi của họ, và sẽ giúp vị mục sư thấy được nhu cầu được sự trợ giúp và ân phúc Đức Chúa Trời của họ. Mọi phản đối từng được đưa ra chống lại việc giảng giải kinh đều sẽ tan biến khi ta có thể biến các bài giảng của mình trở nên sinh động, ứng dụng phần ý nghĩa nội tại của chân lý Đức Chúa Trời vào đời sống của hội chúng của mình. Nhưng yếu tố sinh động này phải hiện diện, bằng không, bất kỳ một bài giảng nào cũng sẽ là một thất bại. Và trong phạm vi có liên hệ với loại bài giảng này, thì việc khiến cho một bài giảng giải kinh trở thành lý thú, được mọi người quan tâm chú ý, cũng chẳng có gì khó hơn bất

cứ một loại bài giảng nào khác. Đúng hơn thì đây là một vấn đề về hiểu biết và phấn đấu để ứng dụng nó cho đúng, cho tốt mà thôi...

Phẩm chất cần thiết thứ ba là thí dụ minh họa. Đây không phải là một bước tách rời khỏi phần nghiên cứu thấu đáo và ứng dụng, nhưng có thể lồng vào bất cứ phần nào trong số đó. Một thí dụ, minh hoạ có thể được lợi dụng để giải thích một luận điểm, hoặc nó cũng có thể được dùng nhằm chủ đích ứng dụng, hoặc có thể bao hàm cả hai. Có một chàng thanh niên nọ đến yêu cầu Chúa Giê-xu: "Thưa thầy, xin bảo anh tôi chia gia tài cho tôi." Chúa đáp: "Phải đề phòng, đừng để lòng tham lôi cuốn. Vì đời sống con người không cốt ở chỗ giàu có dự dật đâu?" Rồi Ngài minh họa cho luận điểm của mình. "Người giàu kia trúng mùa thu hoạch hoa lợi dư dật" Và Ngài tiếp tục kể lại câu chuyện. Sau khi đã chỉ ra chỗ dại dột của người ấy vì tưởng rằng người ta sống cốt chỉ để chiếm hữu nhiều tài vật mà thôi. Ngài ứng dụng chân lý của câu chuyện: "Người nào lo làm giàu dưới trần gian nhưng nghèo nàn trên Nước Trời cũng dại dột như thế." Thế thì, đây là một thí dụ minh họa phục vụ cho cả phần giải nghĩa lẫn ứng dụng.

Cho nên, các nguyên tắc tổng quát áp dụng cho việc khai triển tất cả các bài giảng, cũng được áp dụng cho bài giảng giải kinh, nhưng các nguyên tắc này chắc chắn là không khó áp dụng hơn, và có thể nói là còn dễ áp dụng hơn so với các loại bài giảng khác, và đối với người có tâm trí bén nhạy, nó cho

người ấy một phương hướng rõ ràng trong công việc giúp tiết kiệm được sức lao động cả trong việc tìm kiếm các đề tài lẫn trong việc khai triển chúng. Chẳng có gì để nghi ngờ là mọi người mong muốn nan đề của họ được soi dẫn bởi lời của Đức Chúa Trời hơn là nhờ vào sự khôn ngoan của loài người, bất kể diễn giả có là bậc thiên tài đến đâu đi chăng nữa.

Các bài giảng giải kinh đều lý thú, đáng quan tâm chú ý, miễn là thính giả cảm nhận được nét duyên dáng, quyến rũ của tính cách độc sáng, và việc này cũng có thể thực hiện y như đối với bất cứ các bài giảng nào khác, nghĩa là bằng việc nghiên cứu thật thấu đáo, ứng dụng thật thích hợp và tài chọn thí dụ minh họa.

Bây giờ để thử khai triển các phần lớn đã được đưa ra trong chương trước, có một số khó khăn không tránh né vào đâu được. Như đã được vạch rõ, nhiều yếu tố đã can thiệp vào việc chọn các đề tài và cả phần tài liệu được dùng để triển khai chúng nữa, và những điều này sẽ có khác nhau với từng cá nhân. Cho nên, khi tiến hành giai đoạn nghiên cứu, ta cần phải in trí các khó khăn này. Hầu như ta cũng không thể nào ứng dụng được, nếu không cho thấy cách khai triển các phần lớn căn cứ vào phần Kinh Thánh, và nguyên tắc này cần phải được hiểu ngay để đem ra ứng dụng, khi ấy chủ đích của phần công tác này sẽ được chu toàn.

Khi giảng một bài giảng giải kinh, điều đầu tiên trong phần khai triển là giải nghĩa rồi sau đó là

ứng dụng. Phần ứng dụng sẽ là gì thì tùy thuộc các nhu cầu của hội chúng; nhưng thực hiện nó thế nào lại tùy thuộc diễn giải và văn pháp của người ấy. Diễn giả có thể làm việc ấy bằng phương pháp mô tả, như đó sẽ là cách hay nhất để triển khai phần lớn thứ nhất của bài giảng trong Giăng 3:14-16. Diễn giả có thể làm việc ấy bằng một câu chuyện kể hay một giai thoại, như phương pháp Chúa Giê-xu từng dùng với chàng thanh niên vừa được đề cập trên đây, hoặc ông ta có thể làm việc ấy, bằng một phương pháp ít phổ biến hơn nhưng rất có kết quả và tôi gọi là phương pháp dạy yếu lý. Trong đó phần thảo luận được tiến hành bằng cách đặt nhiều câu hỏi và có lời đáp cho từng câu một. Tuy nhiên, vì điều cần được giải nghĩa là điều quan trọng và đây chính là điểm khiến cho các bài giảng giải kinh khác hẳn tất cả các bài giảng khác, mục đích của phân đoạn tiếp theo đây là vạch rõ làm cho thấy các phần lớn có thể được triển khai từ Kinh Thánh như thế nào.

Trong bài giảng đầu tiên rút ra từ Giăng 1:16 các phần lớn đã được gợi ý là:

1. Sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế.
2. Sự đầy dẫy được chia sẻ cho người tín hữu.
3. Mức độ sự đầy dẫy được chia sẻ.

Chúng tôi đã nói rằng trong bài giảng này, khi phần Kinh Thánh bị giới hạn vào chỉ một câu mà thôi, thì đặc tính giải nghĩa trong phần khai triển sẽ

được vạch rõ bằng cách đặt một loạt câu hỏi chẳng hạn như: Sự đầy dẫy có nghĩa gì? Nó được chia sẻ, ban phát như thế nào? Điều gì quyết định cho mức độ theo đó nó được ban phát? Tuy nhiên, ngay với các ý niệm đã được đưa ra đó, ta có thể thấy thế nào một phần khai triển có thể theo phương cách của bài giảng theo đề mục chớ không phải một bài giảng giải kinh. Nhà truyền đạo giải kinh cần thường xuyên cảnh giác trong vấn đề này, nhất là nếu người đó vốn có thói quen thường xuyên giảng các bài giảng theo đề mục hơn.

Vậy, để trả lời cho câu hỏi đầu tiên, là phần khai triển thật sự cho phần lớn thứ nhất, ta có thể nói theo phương pháp sau đây. Trong chương ấy, trước giả có gợi ý cho thấy đã có gì trong tâm trí ông khi ông viết về sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế? Chúng ta hãy tìm xem. Chúng ta đọc thấy trong câu 3. " Chúa Cứu Thế đã sáng tạo vạn vật, mọi loài trong vũ trụ đều do tay Chúa tạo nên." Trong câu 10 lại vạch rõ "Thế giới do chính Ngài sáng tạo." Trong câu 4 "Chúng tôi đã ngắm nhìn vinh quang rực rỡ của Chúa Cứu Thế" và Ngài vốn "đầy tràn ân phúc và chân lý" Trong đoạn này, còn có nhiều gợi ý nữa, nhưng ít nhất cũng có ba gợi ý nổi bật - quyền năng, ân phúc và chân lý. Giờ đây, sự mở rộng ý nghĩa của các từ ngữ ấy sẽ hợp lại thành phần khai triển của phần lớn thứ nhất. Cần chú ý là phương pháp này là khảo sát xem trong phần khai triển có điều gì có thể được lý giải thật hợp lý phải lẽ, như là tư tưởng đã

có trong tâm trí của trước giả khi ông nói về sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế.

Phần lớn thứ hai bảo rằng các phương diện ấy của sự đầy dẫy của Chúa Cứu Thế đã được chia sẻ, ban phát cho chúng ta, vì "Do ân phúc đầy dẫy của Chúa Cứu Thế, chúng tôi được hưởng hạnh phúc ngày càng dư dật." Chúng ta được hưởng các ân tứ ấy như thế nào? Chúng ta ghi nhận trước hết là "quyền năng." Chúng ta nhận được nó như thế nào? Ngay trong văn mạch, đã không có gì dứt khóat cho thấy tâm trí trước giả đang nghĩ gì, nhưng về sau trong chương 15, ông có nói rõ điều Chúa Giê-xu dạy về việc chuyển giao quyền năng ấy "Ta là cây nho, con là nhánh." Chắc các bạn đã chú ý thấy các nhánh chỉ từng cá nhân các môn đệ Chúa. Vậy quyền năng là điều đang tuôn chảy trong đời sống như chất nhựa thầm lặng, vô hình như dòng nhựa đang luân chuyển trong cây nho. Đây là cơ hội để minh họa phần quyền năng trong đời sống người môn đệ. Một thí dụ rất hay về quyền năng trên các hoàn cảnh của đời sống được Tiến sĩ S. D. Gordon đưa ra trong quyển sách của ông nhan đề "Quiet talks on service." Ông thuật câu chuyện như sau: "Vào một ngày tháng mười đẹp trời, có một người nọ cỡi ngựa đi qua một khu rừng thuộc một tiểu bang chuyên trồng bông vải ở miền Nam Hoa Kỳ. Ông ta vừa đi vừa thưởng thức cảnh quan đẹp đẽ, bỗng ông đến một khoảng đất trống trong rừng, và trong khu đất trống đó có một căn lều cũ kỹ, hầu như đã rách nát, và có một bà cụ người da đen đứng

trước cửa căn lều. Lưng bà cụ còng hẳn xuống. Gần như người bà ta cúi gập lại do nhiều năm làm việc nặng nhọc, gương mặt bà khô cằn với nhiều nếp nhăn thật sâu còn tóc bà đã bạc trắng. Nhưng đôi mắt bà vẫn còn sáng như hai vì sao, nổi bật trên phần nền màu xanh đậm. Ông khách vui vẻ chào bà: "Chào dì, chúc dì một buổi sáng tốt lành. Dì sống ở đây chỉ có một mình thôi sao?" Bà cụ nhìn lên, đôi mắt càng rạng rõ hơn sự phấn khởi trong lòng, rồi bằng một giọng thật trong, thật cao, bà cụ đáp: "Vâng, tôi với Chúa Giê-xu." Câu chuyện minh họa bằng ứng dụng quyền năng của Chúa Cứu Thế vào đời sống mà một người có thể phơi bày.

Phần chính thứ hai là việc chia sẻ, ban phát ân phúc Đức Chúa Trời "Ân phúc" là một phẩm chất đẹp đẽ, đầy cảm hứng (linh cảm) trong đời sống con người, có thể được giải thích và ứng dụng. Do đó mà chúng ta bảo một người là "có phước," "hạnh phúc," hay một người "phúc hậu." Ân phúc của Chúa Cứu Thế đã được chia sẻ, ban phát cho các môn đệ Ngài như thế nào? Phao-lô từng nói với Phi-lê-môn "Cầu xin ân phúc của Chúa Giê-xu đầy tràn tâm linh anh" Nghĩa là nhân cách phúc hậu, tốt đẹp nụ cười quyến rũ của Ngài đã trở thành một phần của đời sống bạn. Bây giờ thì chúng ta trở thành con người lý tưởng của mình, và cuộc đời của chúng ta trong Chúa Cứu Thế đã được Ngài tạo thành chính đời sống của Ngài trong chúng ta, để "Tất cả chúng ta đều mặt trần, phản chiếu vinh quang của Chúa như tấm gương, và được biến hình giống như hình ảnh

vinh quang của Ngài do Chúa Thánh Linh"(II Cổ 3:8). Vậy, ân phúc của Ngài được chia sẻ cho chúng ta bằng cách biến nó thành lý tưởng của chúng ta, và duy trì lý tưởng ấy trước mặt chúng ta.

Tiếp theo là sự chia sẻ chân lý. Chân lý là từ ngữ thường được dùng trong sách Phúc Âm Giăng. "Nếu các con tiếp tục ở trong lời ta, thì các con quả thật là môn đệ ta, các con sẽ biết chân lý và chân lý sẽ giải phóng các con." "Lời Ngài là chân lý." "Con đã ban cho họ Lời của Cha" Vậy nhờ ở trong Lời Đức Chúa Trời, chúng ta biết chân lý. Như thế, chân lý đến qua việc tin nhận Chúa Cứu Thế và sứ điệp của Ngài. Ở đây, phần ứng dụng sẽ tùy từng cá nhân và các nhu cầu của cử tọa hoặc cơ hội, và có thể được mở rộng ra cho đến vô cùng. Nó có thể là chân lý về tôn giáo, hay cụ thể hơn nữa, là về sự cứu rỗi, phục vụ, hoặc bất cứ điều gì phù hợp với chủ đích cận tiếp.

Bây giờ, chúng ta đến phần lớn thứ ba và đặt câu hỏi: Nó được chia sẻ đến mức nào? Chính phần Kinh Thánh không có gì rõ ràng cả. Ở đây dường như phải là phần giải nghĩa về ân phúc chớ không phải là về người đã được hưởng ân phúc, như trường hợp các môn đệ Chúa là một món quà do ân huệ của Đức Chúa Trời, được ban phát cho các môn đệ Ngài để thắng vượt các khó khăn của đời sống. "Ân điển ta đủ cho con người rồi" (theo bản dịch cũ) có lẽ làm sáng tỏ được ý nghĩa của từ ngữ này. Rồi còn "ân điển thêm ân điển" dường như có nghĩa là sau khi phần cung ứng cho ta được tiêu dùng rồi, thì

một phần cung cấp khác lại sẽ được ban cho, và từ một nguồn vô tận, mọi nhu cầu của linh hồn người ta đều được cung ứng. Như thế, chính các nhu cầu của con người điều chỉnh phần tiếp trợ của Đức Chúa Trời.

Văn bản của bài giảng này rất phù hợp với một bài giảng giải kinh, vì nó hàm chứa một bức thông điệp sinh động. Nó có liên hệ với văn mạch đến mức làm sáng tỏ ý nghĩa của văn mạnh, và hầu như có thể ứng dụng vô giới hạn. Những khúc sách như thế là những mỏ vàng đối với nhà giải kinh.

Bây giờ chúng ta chuyển sang bài giảng tiếp theo, vốn có phần nào khác hơn về đặc tính, đề tài không được chỉ một câu duy nhất gợi ý mà do cả phần thuật sự. Bài giảng này giới thiệu vấn đề mối liên hệ giữa các phép lạ với đức tin - một đề mục rất hợp thời và sinh động. Phần lớn thứ nhất là: Người Do Thái yêu cầu một dấu lạ để thỏa mãn các đòi hỏi của đức tin, đặt niềm tin trên Giăng 2:18. Ở đây, thật là dễ ứng dụng tư tưởng của những người có thái độ không chịu chấp nhận thần tánh của Chúa Giê-xu - luận điểm được nêu ra ở đây. Nếu họ không thấy, nghe, hiểu được mọi sự, hoặc có được chứng cứ thuộc một loại nào đó của thế giới vật lý. Chúa Giê-xu đã không đưa ra chứng cứ mà họ muốn lúc ấy, nhưng chỉ cho họ điều vốn là dấu lạ sẽ biện minh cho lời tự xưng là Con Đức Chúa Trời của Ngài một cách độc đáo: "Cứ phá Đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ xây lại" (c.19). Đây là lời chứng của Chúa Giê-xu cho điều Ngài xem là dấu lạ chứng thực thần

tánh Ngài và cũng tương tự như sự kiện dân Do Thái đã không lãnh hội được tất cả những lời truyền dạy của Ngài. Họ đã không hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của Ngài. Sở dĩ họ hiểu lầm vì có thiên kiến tôn giáo. Trong thời hiện đại, sự thiên vị khoa học và triết học nhiều khi cũng xảy ra như thế.

Tại sao Chúa Giê-xu lại không chịu tự bày tỏ mình ra bằng một dấu lạ nào đó? Có một lý do, là những kẻ muốn thấy dấu lạ ấy vốn không có cùng những lý tưởng như Ngài. Nhưng giả sử Ngài cho họ một dấu lạ nào đó, thì sẽ có gì xảy ra.

Chỉ có các dấu lạ mà thôi thì không đủ để người ta có được đức tin, như điều sẽ được khẳng định trong phần lớn thứ hai của bài giảng "Khi Chúa Giê-xu ở Giê-ru-sa-lem dự lễ Vượt Qua, nhiều người tin Chúa vì thấy các phép lạ Ngài làm." Lòng tin hay niềm tin của những người này sở dĩ tồn tại chỉ vì họ thấy các phép lạ của Ngài. Họ là hạng người chỉ tin căn cứ vào một sự kiện hiển nhiên, tin vào điều gì hợp lý. Họ tin là vì họ đã thấy. Nhưng tuy họ tin đấy, lòng tin đó chỉ là một loại đức tin hạn chế; đặc tính của nó khiến "Chúa không tin cậy họ, vì Ngài biết rõ mọi người"(c.24). Nó vẫn chưa mạnh đủ, và lý do duy nhất mà Kinh Thánh đã gợi ý ấy là nó là một tôn giáo căn cứ trên các dấu lạ. Phần ứng dụng và ngụ ý ở đây chẳng cần phải mở rộng gì thêm, khi có quá nhiều người để cho những nhận xét duy vật trở thành nền tảng của đức tin của họ. Điều mà đám quần chúng tưởng là cần thiết vốn chưa đủ. Vậy, ta

có thể đặt câu hỏi, thế thì các dấu lạ có giá trị gì trong tôn giáo?

Các dấu lạ có giá trị thật sự đối với các môn đệ Chúa " Đến khi Chúa chịu chết và sống lại các môn đệ nhớ lại lời ấy nên càng tin Thánh Kinh và lời Chúa dạy" (c.22). Nói khác đi, tự mình các dấu lạ vốn không đủ, nhưng có góp phần giúp cho đức tin khi trong lòng người ta có một thái độ đứng đắn đối với những điều thuộc linh, đối với Đức Chúa Trời. Trẻ con không tin là cha mẹ chúng yêu thương chúng bởi vì họ làm việc này việc kia cho chúng, chăm sóc chúng khi đau yếu hoặc cho chúng đi học; các dấu hiệu ấy không phải là nguồn gốc của đức tin mà chúng đặt nơi cha mẹ nhưng có góp phần giúp vào việc củng cố thêm sự ràng buộc đã có rồi.

Điều cần lưu ý trong bài giảng này là các tư tưởng được đưa ra đã không theo đúng thứ tự như chúng ta được đưa ra trong văn bản. Việc làm này thật ra là vượt trước thứ tự luân lý nhân danh thứ tự tâm lý, điều hoàn toàn có thể được biện minh trong phương thức truyền đạo. Điều quan trọng là phải hoàn tất đề án, và mục tiêu nhằm vào là thực hiện thành công việc ấy, là chứng minh rằng các lập trường đưa ra đều hoặc là đã được vạch rõ, hoặc được hàm ý trong văn bản.

Thiết tưởng một thí dụ minh họa nữa sẽ là đủ để làm sáng tỏ phương châm khai triển một bài giảng kinh giải kinh. Chúng ta lấy đề tài "Làm chứng cho chân lý" được chọn từ Giăng 3:11-34. Phần lớn thứ nhất được gợi ý là: Đâu là các định

chuẩn của một lời chứng đáng tin? Tính cách đáng tin của bất luận một lời chứng nào cũng phải tùy thuộc vào ba điều:

Sự hiểu biết của người chứng về các sự kiện. Rõ ràng là không thể dùng một người để làm chứng, nếu người ấy không thấy biến cố đã xảy ra, hoặc thấy trong những điều kiện vô giá trị cho việc làm chứng hay khiến cho lời chứng không đáng tin cậy.

1. Phẩm cách của người làm chứng. Lời chứng của một người có tiếng là hay thêm thắt hay nói dối sẽ không được đánh giá cao bằng một người thận trọng quan sát cuộc sống một cách khách quan, không thiên vị.

2. Tính cách thủy chung như một của lời chứng đưa ra. Một người có thể làm chứng về một biến cố, và thành thật về một phương diện, nhưng lại thiếu mạch lạc trong lời chứng của mình, thì chứng tỏ là không đáng tin là đã nói lên những sự kiện đúng. Chúa Giê-xu đã đến là để làm chứng.

Ngay bây giờ và tại đây, chúng ta bắt đầu phần lớn thứ hai: Lời chứng của Chúa Giê-xu có thỏa mãn các định chuẩn ấy không?

1. Ngài có biết rõ các sự kiện không? Ngài phán: "Chúng tôi nói điều chúng tôi biết, làm chứng điều chúng tôi thấy" (c.11) Giăng Báp tít nói: " Chúa kể lại những điều Ngài nghe thấy" (c.32).

2. Phẩm cách của Ngài có biện minh được cho giá trị trước mắt của bức thông điệp mà Ngài giảng dạy hay không? Ngay trong phạm vi của chương sách này chúng ta đã có lời chứng của Ni-cô-

đem: "Chúng tôi biết Thầy là Giáo sư Đức Chúa Trời sai xuống, vì nếu Đức Chúa Trời không cộng tác, chẳng ai thực hiện nổi những phép lạ thầy đã làm" (c.2)

3. Tiếp theo, chúng ta xét đến tính cách nhất quán của lời chứng của Ngài. Trong mọi hoàn cảnh phức tạp mà Chúa Giê-xu bị đặt vào, Ngài chẳng hề bị ai bắt được là đã đưa ra một lời chứng mâu thuẫn nào. Lẽ dĩ nhiên chứng cứ cho điều này là bản tính của trường hợp lấy ra từ công tác của cả cuộc đời Ngài. Các quan chức giỏi bới lông tìm vết nhất đều không đưa được ra ánh sáng bất cứ một nhầm lẫn nào của Chúa Giê-xu. Họ có thể chất vấn Ngài: "Nộp thuế cho Hoàng đế La mã thì có hợp pháp không? " hoặc: "Nếu một phụ nữ lấy cả bảy anh em làm chồng, thì bà ta sẽ làm vợ ai khi được sống lại?" Hoặc là: "Trong luật pháp, điều răn nào là lớn nhất?" Tất cả những câu hỏi đó đều đã được trả lời thật đầy đủ, thỏa đáng, khiến những kẻ đặt câu hỏi phải kinh ngạc, bàng hoàng.

Bây giờ, sau khi đã quyết định về tính đáng tin của lời chứng của Chúa Giê-xu rồi, chúng ta có thể hỏi: Ngài đã làm chứng về những sự kiện gì? Điều này mở ra một phạm vi thật rộng rãi để trình bày trước mặt mọi người những điều tối hậu về cuộc đời. Trong văn bản chúng ta có tình trạng tội lỗi và hư vọng của con người (c.14), tình yêu thương của Đức Chúa Trời (c.16); kế hoạch của Đức Chúa Trời để cứu rỗi loài người (c.15,16,17).

Những điều này có giá trị tối quan trọng trong lãnh vực tôn giáo. Một số người có thể nói là những ý niệm đã lỗi thời về đức tin, nhưng chúng ta vẫn còn có thể lưu ý mọi người về sự kiện Chúa Giê-xu vốn có uy quyền hơn bất cứ một giáo sư nào, hoặc thậm chí là cả một tập thể các giáo sư nào. Dầu sao, ta có thể qui trách nhiệm cho đám cử tọa trong vấn đề tin hay không tin; Ngài đã trình bày điều Kinh Thánh phải truyền dạy, và có thể bỏ mặc phần quyết định cho những người nghe mình. Dù một người có đứng trên bình diện hay nền tảng nào để phán xét vấn đề, Chúa Giê-xu vẫn là một thẩm quyền nổi bật, và sở dĩ Ngài biết là vì Ngài đã nghe.

Trong phần thảo luận về bố cục của bài giảng sau cùng này, ta có thể nhận thấy dễ dàng rằng, trong một thời đại mà dường như những điều căn bản của đức tin đều bị xem là lỗi thời, ta có thể khiến cho các ý niệm của mình dễ được tôn trọng hơn khi nhắc lại lời lẽ của Chúa Cứu Thế hoặc của các trước giả Kinh Thánh. Cả đến một người thủ cựu nhất cũng phải chú ý để tôn trọng một bức thông điệp phản ảnh đúng nhân cách của Chúa và những người cộng tác của Ngài.

Để tóm tắt, điều đánh dấu chỗ khác nhau giữa phần khai triển bài giảng giải kinh với bất kỳ một loại bài giảng nào khác, là ở điểm này bài giảng giải được tạo thành từ các tài liệu có sẵn trong Kinh Thánh, trong khi thông thường thì không có việc ấy trong các bài giảng thuộc các loại khác. Các ưu điểm của kế hoạch giải kinh là: nó tiết kiệm thì giờ, và

năng lực cho nhà truyền đạo, làm phát triển tâm hồn ông ta giữ cho tư tưởng ông ta bám sát tư tưởng của Chúa Cứu Thế và các sứ đồ, và tạo uy quyền lớn hơn cho các bài giảng ông.

Bất cứ nhà truyền đạo nào chịu thử thách thật sự kế hoạch của mình đều sẽ nhận thấy rằng việc soạn các bài giảng là một công tác cứ ngày càng lý thú hơn, việc học hỏi nghiên cứu lời Chúa của mình sẽ ngày càng có ý nghĩa, có chủ đích hơn, và hội chúng của mình sẽ "tăng trưởng trong ân phúc và sự thống biết Chúa và Cứu Chúa chúng ta, là Chúa Cứu Thế Giê-xu." Tôi xin nhắc lại, là mọi người rất quan tâm đến Kinh Thánh và việc giải kinh và một trong số các hiện tượng tôn giáo đáng chú ý nhất trong thời gian gần đây, là việc một số đông người thuộc mọi giai cấp đã đến nhóm lại trong các buổi thờ phượng để nghe giải nghĩa Kinh Thánh.

Một nhà phê bình có tài và có óc biện biệt nơi đây đã tuyên bố rằng Tiến sĩ Campbell Morgan là "nhà truyền đạo nổi tiếng nhất trong thế giới nói tiếng Anh" và gợi ý về hai lý do chủ yếu của sự thành công của ông:

1. Uy quyền truyền mệnh lệnh xuất phát từ một đức tin vững vàng, cương quyết và không chịu thỏa hiệp

2. Kiến thức có một không hai của ông về Kinh Thánh, cùng với thiên tài giải nghĩa, giải thích bộ sách ấy của ông, và ứng dụng những lời truyền dạy đó vào các vấn đề của sinh hoạt ngày nay của chúng ta.

Câu Hỏi Chương 7

1. Trong phần khai triển các phần lớn, những nguyên tắc nào là cần thiết để bài giảng trở thành lý thú, đáng quan tâm chú ý?

2. Theo nhận xét của bạn, một bài giảng giải kinh có nhất thiết phải kém lý thú hơn một bài giảng thuộc loại nào khác không?

3. Giải thích việc nghiên cứu cặn thấu đáo trong một bài giảng giải kinh thường thuộc một phạm vi khác hẳn một bài giảng theo đề mục như thế nào.

4. Bạn đề nghị thế nào, để một nhà truyền đạo sẽ thành công hơn trong phần ứng dụng các bài giảng giải kinh?

5. Về các phương diện tâm lý và tôn giáo, loại người nào có thể soạn bài giảng giải kinh thỏa đáng nhất?

6. Công tác giảng dạy giải kinh dường như có tác dụng gì trên công tác giảng dạy nói chung?

7. Thế hệ của chúng ta với các tiêu chuẩn về giáo dục của nó, có thuận lợi cho công tác giảng dạy giải kinh không?

Chương 8

PHẦN KẾT LUẬN

Chủ đích của phần kết luận là ứng dụng đề án. Sự suy nghĩ dành cho phần này của bài giảng chẳng bao giờ là quá nhiều cả. Nếu bị thất bại ở đây, tác dụng của bài giảng sẽ bị giảm đi rất nhiều. Nếu ta thành công thì một bài giảng bình thường sẽ trở nên hiệu quả. Nhiều khi một bài giảng thật hay lại thất bại chỉ vì nó kéo dài hơn thì giờ để kết thúc bình thường đến năm phút và điều rất quan trọng đối với một nhà truyền đạo, là nhờ nhìn vào gương mặt của Hội chúng để biết khi nào thì họ đã mệt mỏi, suy kiệt lắm rồi. "Tới một khoảnh khắc tâm lý nào đó một số người hay đa số người trong đám cử tọa sẽ cảm thấy là đã vừa đủ cho họ rồi. Họ vẫn chưa bắt đầu mỏi mệt, nhưng sẽ mệt mỏi chỉ trong vài phút nữa thôi. Hãy kết thúc thật nhanh chóng trong phạm vi bạn có thể làm được".

Phần kết luận cũng có thể bị vô hiệu hóa vì quá đột ngột, và trong trường hợp này, thì có sự thất bại là không có việc chứng minh thật rõ ràng cho đề án, hoặc chưa đặt được cao điểm tình cảm.

Tất cả các sự kiện trên chứng minh cho sự cần thiết phải thận trong khi soạn phần kết luận. Ta phải

biết thật chính xác mục tiêu mà mình nhằm vào, biết rõ các bước ra mình trông mong sẽ có thể hoàn thành mục đích, và ngay sau khi đã đến được mục tiêu rồi, thì phải dừng lại. Nguy cơ của một phần kết luận không được soạn sẵn hoặc soạn một cách cẩu thả là ta sẽ có thể cứ loanh quanh lẫn quẫn, và thường thường là sẽ phải chịu đầu hàng sau khi đã gây chán nản mệt mỏi cho đám cử tọa của mình, cho nên phải qui hàng trước khi rơi vào tình trạng ấy thì tốt hơn nhiều.

Có nhiều phương pháp khác nhau có thể lợi dụng để khiến cho phần kết luận ố hay đôi khi là lời kêu gọi - được thành công. Trước hết, có kế hoạch ôn duyệt, tóm tắt trong đó ta nhắc lại các tiêu đề chính để các luận cứ của mình được vững chắc thêm, hoặc làm sáng tỏ việc chứng minh cho đề án. Nếu ta đã có những phần lớn tốt cho bài giảng của mình rồi, thì một tác dụng thích thú sẽ có sẵn trong đám cử tọa khi ta nhắc lại chúng ở đoạn sắp kết thúc của bài giảng. Về điểm này, Phelps nói: "những phần lớn rõ ràng, thâm sâu, mạnh mẽ sẽ dẫn đến một tóm tắt đẹp đẽ cho phần thảo luận. Có một trong nhiều qui luật có giá trị nhất cho việc xây dựng phần kết luận, là phải thu xếp thế nào để đến cuối cùng, ta có thể tóm tắt chúng thật dễ dàng để gây chú ý đối với thành phần trí thức hội chúng và tạo được ảnh hưởng trên tất cả hội chúng để họ thấy rằng bạn đã soạn bài giảng một cách kỹ lưỡng. Vạ nếu luận điểm đã được trình bày thật đúng, thật hay sẽ khiến cho ảnh hưởng của tòa giảng cứ tuần tự gia

tăng. Tuy nhiên, thiết tưởng cũng cần có một lời cảnh cáo. Nếu bài giảng có đặc tính tình cảm cao độ, sự thay đổi từ tuyệt đỉnh của cảm xúc, xuống vùng đồng bằng của lý luận có thể sẽ không giúp ích được cho hiệu năng của bài giảng, và rõ ràng là bị đặt sai chỗ.

Phần lớn các bài giảng, khi đến đoạn kết, đều đạt đến mức độ cảm thức nào đó. Điều này dễ dàng khiến mọi người chuyển sang việc quyết định, và tất cả các bài giảng đều được, hoặc phải được giảng "nhằm mục đích thuyết phục." Do đó mà phần kết luận thường sẽ được thảo hoạch nhằm duy trì hoặc phát triển thêm đặc tính tình cảm này. Cách duy trì và nâng cao cảm xúc hữu hiệu nhất là dùng các thí dụ minh họa hay những câu trích dẫn.

Một thí dụ minh họa tốt bao giờ cũng lý thú, khiến mọi người chú ý. Nó khiến người giảng dễ dàng rời khỏi đặc tính hình thức gò bó trong phần khai triển để được hoàn toàn tự do nhìn thẳng vào các tín đồ của mình, để họ nhìn thấy người giảng đã tin tưởng sâu sắc vào những gì mình vừa nói như thế nào. Nó cũng kích thích sự quan tâm ngay tại điểm mà bài giảng trở thành quan trọng nhất để ta chú ý đến cử tọa mà không còn nghĩ tới một điều gì khác nữa. Nếu ta đưa ra một lời kêu gọi, nó sẽ khiến cho lời kêu gọi trở nên dễ nói, vì ta đã biết chính xác tâm trạng của chính mình và của cử tọa sẽ như thế nào khi chấm dứt phần minh họa của mình. Nó cũng giúp cho ta biết chắc chắn rằng bài giảng của

mình sẽ được chấm dứt với sự thích thú của mọi người.

Tuy nhiên, cũng có một số bài giảng, thường là bài giảng bồi linh, có thể được kết thúc thật mạnh bạo nhờ một phần trích dẫn khéo chọn lựa. Nó có thể rút ra từ Kinh Thánh, từ một nhà thơ, hoặc vài dòng của một bài thánh ca. Các bài thánh ca là nơi trải lòng của các cảm xúc tôn giáo và vì vậy bất cứ chủ đề bồi linh nào cũng đều có thể thích hợp cho phần kết luận này.

Căn cứ vào một cuộc thảo luận về các nguyên tắc tổng quát cho một phần kết luận thích hợp này, ta sẽ thấy nó vốn giống nhau cho một bài giảng giải kinh và các loại bài giảng khác. Đặc tính của phần kết luận không do loại bài giảng quyết định, không do đó là một bài giảng giải kinh, theo đề mục, theo văn bản Kinh Thánh hay hay suy diễn, mà đúng hơn là được quyết định bằng các yếu tố dạy dỗ hay khuyên răn để kết thúc. Chủ đích của tất cả các bài giảng đều giống nhau nghĩa là để thuyết phục, để đem đến niềm tin quyết, để hướng dẫn hành động.

Do đó, nhằm gợi ý về các phần kết luận của các luận đề đã được giới thiệu, rõ ràng là có điểm khó khăn này: trạng thái tình cảm mà một nhà truyền đạo này đạt tới có thể ở một mức độ cao hơn một nhà truyền đạo có tính khí khác rất nhiều. Chính vì lý do ấy, mà hầu như không thể nào cố gắng để bàn đến phần này của bố cục. Con người và hoàn cảnh sẽ quyết định điều đó, và chừng đó, mọi người sẽ sử dụng phương pháp nào thích hợp nhất

với ý kiến riêng của mình về những gì là phù hợp nhất.

Câu Hỏi Chương 8

1. Các phần kết luận có quan trọng ngang nhau cho tất cả các loại bài giảng không?

2. Loại bài giảng nào có thể được kết thúc thành công nhất bằng phương pháp ôn duyệt, tóm tắt?

3. Loại kết luận nào phù hợp nhất cho một bài giảng có đặc tính khuyên răn?

4. Bạn có đề nghị nên viết ra mấy câu cuối cùng của một phần kết luận hay không?

5. Về phía nhà truyền đạo đức tính nào là cần thiết nhất để có thể nhận ra khi nào thì một hội chúng đã bắt đầu mệt mỏi?

6. Hãy giải thích việc định đoạt một phương pháp cụ thể nào cho một bài giảng giải kinh khó khăn như thế nào do bởi sự ảnh hưởng mạnh mẽ của các nguyên tắc chủ đạo trong phần kết luận.

Chương 9

CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH CÔNG

Muốn trở thành một nhà truyền đạo giải kinh giỏi thì trước hết, một người phải có được một nền giáo dục tổng quát tốt. Một người có tâm trí không được đào tạo huấn luyện có thể đọc một bài diễn thuyết để răn đời thật hay, nhưng trong thực tế, sẽ không tài nào giảng nổi những bài giảng giải kinh. Một người được giáo dục tổng quát tốt sẽ lợi dụng được phần rèn luyện về văn học của mình, giúp người ấy đánh giá được đâu là những tư tưởng cao đẹp nhất để nghiên cứu luận lý học, sẽ giúp người ấy cân nhắc và trình bày tư tưởng của mình một cách có thứ tự. Người đó sẽ được giúp đỡ nhờ đã học các ngôn ngữ, nhất là tiếng Hi-lạp, sẽ cho người ấy thấy nhiều sắc thái của ý nghĩa các từ ngữ mà Chúa Cứu Thế và các sứ đồ từng sử dụng. Kiến thức về sử học của người ấy giúp người ấy thông hiểu Tân ước trong bối cảnh của các biến cố trong thế gian. Tâm lý học và triết học sẽ chỉ cho người ấy thấy nhân loại đã cố gắng giải quyết các vấn đề tối hậu của đời sống và đều bị thất bại như thế nào.

Không có loại bài giảng nào lại tạo được một phạm vi kỳ diệu cho mọi sáng kiến giáo dục bằng

phương pháp giải kinh. Trong công tác nghiên cứu thấu đáo và sâu rộng với đặc tính của phân tích lẫn tổng hợp của nó đây là phương pháp lý tưởng cho một người có học vấn.

Phẩm chất quan trọng thứ hai, là phần đào tạo huấn luyện về Kinh Thánh. Nói đào tạo huấn luyện về Kinh Thánh là tôi ngụ ý nói về sự thấu triệt rộng rãi các quyển sách trong Kinh Thánh sẽ giúp người ấy kết hợp các giai đoạn khác nhau của lịch sử mặc khải để "ngay thẳng công bố chân lý." Tôi không tin có người nào có thể trở thành một nhà giải kinh vĩ đại mà không hiểu ý nghĩa gắn liền với Tân ước và khiến nó khác hẳn với Cựu Ước. Một người càng được rèn luyện thấu đáo về kinh điển sẽ càng lãnh hội được rõ ràng hơn sự mặc khải của Đức Chúa Trời trong đó, sẽ càng sẵn sàng hơn để ứng dụng chân lý của Đức Chúa Trời trong công tác giải kinh. Và dầu sao, thì đó há không phải là chức năng của một nhà truyền đạo hay sao? Há không phải chủ đích của người ấy là muốn soi sáng cho mọi người về những nguyên lý căn bản liên hệ đến đạo giáo hay sao? Và nếu người ấy không sử dụng Kinh Thánh làm nguồn mạch cho kiến thức của mình, thì người ấy sẽ xoay sở thế nào, trông cậy vào đâu?

Cho dù chúng ta có thể dành uy quyền gì cho Kinh Thánh, có một điều đã được tất cả mọi người thừa nhận và đó là tất cả các vị mục sư phải hiểu và thấu triệt những gì kinh điển truyền dạy. Hiểu biết, quán triệt và giải thích Kinh điển trên tòa giảng là công tác quan trọng hàng đầu của nhà truyền đạo,

mà làm như thế thì mới hoàn tất được cứu cánh của công tác truyền giảng giải kinh.

Một đặc tính quan trong thứ ba nữa là nghiên cứu hay tập được các thói quen chuyên cần học hỏi. Người muốn giải kinh mà không chịu dấn thân đầy đủ để chịu khó và tập trung học hỏi nghiên cứu thì hầu như đã chắc chắn là đang lao đầu vào thất bại. Các bài giảng giải kinh có kết quả không phải chỉ được soạn vào ngày thứ bảy cho toà giảng ngày Chúa Nhật, trừ ra khi các tài liệu đã được tổ chức và nghiền ngẫm cả tuần rồi. Bất cứ nổ lực nào nhằm khiến cho các bài giảng xoay quanh vài ghi chú vắn tắt đều có thể nhận được các kết quả là cứ nhắc đi nhắc lại những điều trên chín tầng mây và chung chung tổng quát những ý niệm nông cạn trên bề mặt mà mọi người đều đã biết cả rồi. Bài giảng do đó không khêu gợi được sự quan tâm chú ý từ phía cử tọa cũng như sự phấn khởi hăng sau từ chính tâm hồn nhà truyền đạo. Ta phải suy gẫm về luận đề để khai triển nó, nghiên cứu mối liên hệ tư tưởng giữa văn mạch cận tiếp hoặc xa xôi của nó, và hóa thân để "nhập" vào tinh thần của trước giả, cố gắng sống bằng chính tâm hồn của trước giả trong phạm vi mình có thể làm được để khiến cho các lý tưởng nảy sinh và diễn tiến.

Khi được cơ hội đi đến một nước ngoài nào, nhất là các nền văn minh cổ xưa hơn bên Âu Châu, ta phải tìm hiểu tinh thần của dân chúng, bầu không khí của môi trường chung quanh phải có điều mà người ta vẫn gọi là cái nhìn xuyên suốt lịch sử, và

muốn hưởng thụ, tán thưởng và diễn tả tinh thần của kinh điển, ta phải vượt hẳn người du khách đi vào Kinh Thánh. Thái độ này không phải chi thuần túy là một điều kiện trí thức, cũng không thể được xem chỉ như một sự cần thiết của hoàn cảnh, nhưng đó là một từng trải đầy phấn khởi cho lãnh vực thuộc linh, một từng trải tạo niềm vui và một điều thích thú thuộc loại nâng cao tinh thần nhiều nhất. Nó vừa là một cơ hội tốt vừa là một thú vui. "Tuyệt đỉnh của một bài giảng là khi nhà truyền đạo nói như xuất thần" và chắc chắn là theo tác giả sách này - sự xuất thần ấy đến thường nhất và dễ dàng nhất với một người đã từng sống, ngủ, bước đi và ăn trong mối giao hảo với khúc Kinh Thánh trong những phần (thời gian) tốt nhất của tuần lễ" ố Meyer đã nói như vậy.

Điều cuối cùng cần đề cập đặc biệt như một đức tính cần thiết cho công tác giải kinh là tài hùng biện. Đức tính này là khả năng biết lấy một ý niệm nằm trong một khúc kinh điển rồi diễn tả ý nghĩa và ứng dụng nó thật lý thú và đầy phấn khởi để đánh thức người nghe, cho họ có một đáp ứng tương tự.

Tuy nhiên, nếu ta chỉ nói như đang mô tả một điều gì đó mà mình chẳng quan tâm chi thì bài giảng của mình sẽ yếu ớt và chẳng gây được ấn tượng gì sâu đậm trên người nghe. Tại sao có người đã bảo rằng trên sân khấu rạp hát những điều hư cấu đã được trình bày như thể chúng là sự thật, còn trong nhà thờ thì chân lý lại được trình bày như là những gì do người ta tưởng tượng ra? Lý do duy nhất, ấy là

vì người diễn viên biết cố gắng sống vai tuồng của mình, đi vào tinh thần của nhân vật mà mình thủ vai, còn nhà truyền đạo thì thường sẵn sàng giảng bài giảng của mình giống như nó là một cái gì hoàn toàn tách rời với chính mình. Lời khẩn khoản này được đưa ra và khẳng định là ta cần phải đặt tâm hồn mình vào trong công tác giải kinh. Điều mà tác giả quyển sách này mạnh dạn công bố, ấy là công tác ấy chẳng những là một đặc ân lớn nhất, mà còn là một trong những từng trải đầy phấn khởi hơn hết đã được dành cho số phận của nhà truyền đạo trong lãnh vực của tâm linh cũng là một phương pháp không bao giờ thất bại trong việc gây hứng thú và giúp ích cho hội chúng.

Câu Hỏi Chương 9

1. Tại sao tất cả các nhà truyền đạo có học thức đều phải lợi dụng phương pháp giải kinh trong bài giảng của mình?

2. Ngành đào tạo huấn luyện nào về Kinh Thánh được bạn xem là hữu ích nhất, liên quan đến công tác truyền giảng giải kinh?

3. Một người có đức tin không vững mạnh lắm về các giáo lý thiết yếu của Cơ-đốc-giáo, có thể là một nhà truyền đạo giải kinh giỏi không? Hãy nêu các lý do cho các câu trả lời của bạn.

4. Việc nghiên cứu Kinh Thánh thật sâu rộng, thấu đáo, hấp dẫn loại nhà truyền đạo nào nhiều nhất?

5. Một nhà truyền đạo có đức tin không vững vàng, có được lợi ích nhờ các bài giảng giải kinh không? Nếu bạn cho là có, hãy giải thích tạo sao lại như thế .

6. Ban có đồng ý với đoạn trích dẫn cho rằng con người học thức cần được kết hợp với con người nhiệt thành khi truyền giảng hay không?

7. Theo ý bạn, việc kết hợp tính cách rõ ràng trong công tác giải kinh với cảm thức mãnh liệt có thường được thực hiện trong cùng một cá nhân hay không? Có thể nào đạt được nhờ học tập, rèn luyện hay không?

Chương 10

ẢNH HƯỞNG CỦA PHƯƠNG PHÁP GIẢI KINH TRÊN GIỌNG NÓI

Một bài giảng thông thường có thể được giảng phần lớn bằng cùng một giọng nói, hoặc cao hoặc thấp, trừ ra khi các từng trải cá nhân có liên quan với việc ngắt giọng, hay các thí dụ minh họa được dùng khiến ta phải thay đổi giọng nói thông thường. "Người cứ đều đều hăng hái, đều đều ôn tồn, đều đều nhấn mạnh; người cố nói lên một điều gì đó để kêu gọi và hữu ích chỉ bằng làn hơi thông thường của mình - sẽ gây buồn chán, mỏi mệt." Có một trong những phẩm chất tạo thích thú khiến mọi người phải quan tâm chú ý, là biết thay đổi giọng nói.

Phương pháp giải kinh đem phẩm chất biết thay đổi giọng nói này đến cho người truyền giảng, khi chuyển sang phần minh họa và ứng dụng, đòi hỏi phải thay đổi giọng nói. Giảng giải kinh tạo nhiều cơ hội lớn cho cách nói chuyện thông thường, nên nhanh chóng trở thành phương pháp của các nhà truyền đạo và hùng biện lừng danh. Khoa trưởng Brown nói: "Giọng đàm thoại trang trọng cung cấp phương pháp, mấu chốt cho cách giảng có

hiệu quả." Nó tỏ ra tốt hơn bất cứ cách nào khác. Đây là phương pháp được biết đã được sử dụng bởi các diễn gải lừng danh tại quốc hội Anh quốc thế hệ hiện nay như Herbert, H. Asquith, J. Balfour và Lloyd George. Điều này không có nghĩa là bởi vì giọng nói là giọng đàm thoại thì lời giảng sẽ thiếu sinh động hay không có "thần," mà đúng hơn, thì đó là nghệ thuật cao nhất đã được thực hiện bằng các phương tiện hết sức đơn giản và tự nhiên. Tiến sĩ Curr nói: "Tài hùng biện là mở rộng cách đàm thoại".

Khi giảng cho các sinh viên của mình về điểm này, giáo sư Smyth nói: "phải có một điều gì để nói." Phải chắc chắn về điều đó trước đã. Rồi hãy nói ra. Đừng "giảng" hay mài giũa trau chuốt nó. Chỉ nói thật đơn sơ và tự nhiên như các bạn nói khi trò chuyện với nhau vậy.

Azora Davis cũng diễn tả cùng một tình cảm tương tự, Ông nói: "Có lẽ chúng ta có thể được giúp ích nhiều nhất nếu chúng ta nhấn mạnh trên ý niệm rằng giảng dạy là một cuộc đàm thoại trang trọng và chân thành về chủ đề tôn giáo. Nhà truyền đạo giỏi nhất thật ra là người nói chuyện hay nhất"

Bài giảng giải kinh giúp ta trở thành tự nhiên nhất trên tòa giảng. Nó làm phát triển sự thoải mái, tự do, và một khi đã nắm vững được các nguyên tắc đứng đắn để nói trước công chúng, thì nó phải dẫn đến nét duyên dáng trong điệu bộ. Và sử dụng phương pháp này, ta dễ áp dụng lối trò chuyện thông thường nhất, vì nó vốn lý thú nhất, hữu hiệu

nhất, và là cách nói chẳng bao giờ khiến cho người nghe chán nản mệt mỏi.

Tuy nhiên, có lẽ còn có một lý do sâu xa hơn để giải thích tại sao phương pháp giải kinh lại hỗ trợ cho việc giảng dạy. Điều này đã được cấp lướt qua trong một chương trước đây rồi. Tài hùng biện đích thực bắt đầu với con người; đó là cách diễn tả điều đang ở trong tâm hồn mình. Nếu nó không phải là giả tạo, thì việc phát ngôn mạnh mẽ, hùng hồn trước công chúng chỉ có thể có được khi bản thân người nói đã được giục giã sâu xa. Mỗi người trong chúng ta đều thích nghe người có tài ăn nói vừa phải, hoàn toàn thành thật, hơn là một người có nhiều tài năng thiên bẩm (gift: ân tứ) nhưng có nhiều điều đáng nghi ngờ về niềm tin của ông đối với bài giảng. Có lẽ ngày nay sở dĩ tòa giảng bị thiếu nhà truyền đạo vĩ đại bởi vì nó thiếu những con người có niềm tin vĩ đại. Tuy nhiên, quả thật nổi bật của thời đại chúng ta cũng như của mọi thời đại, đều là những người không hề có mối nghi ngờ nào về sự linh cảm của Kinh Thánh, thần tánh của Chúa và về thực tại của một đời sống tương lai.

Bây giờ, phần thảo luận này có liên hệ gì đến phương pháp truyền giảng giải kinh? Nó có nghĩa là thế này: Ấy là quyền năng lớn nhất của một người tại tòa giảng sẽ tỷ lệ thuận với phạm vi theo đó bài giảng của người ấy đã trở thành một phần của bản thân người ấy. Vậy thì, bài giảng giải kinh giúp ích được đến mức độ nào trong chiều hướng này? Có nên nhắc lại câu định nghĩa của tiến sĩ F.B Meyer

hay không? Một bài giảng giải kinh là một bài giảng "mở rộng một phần Kinh Thánh trong đó nhà truyền đạo đã tập trung đầu óc và tấm lòng, tri thức, và sức lực của mình, trên đó ông ta đã suy nghĩ, khóc lóc và cầu nguyện, cho đến khi nó chịu tiết lộ điều bí mật sâu kín của nó, và tinh thần của nó đã chuyển thành tinh thần của ông ta." Chẳng hề có loại bài giảng nào khác lại đòi hỏi điều ấy. Chúng ta có thể chăm chú vào các đề tài của mình, chúng ta có thể tự đọc thật đầy đủ, và suy gẫm trên số tài liệu đã sưu tập được, nhưng trong bài giảng giải kinh, tư tưởng của chúng ta được đồng hóa với các lý tưởng và các tiêu chuẩn thuộc linh của các trước giả đã được linh cảm. Chính điều đó mới làm phát triển được niềm tin, lòng hăng say nhiệt thành và giúp ta nói ra một cách có uy quyền về những điều thâm sâu của đời sống.

Nói cho cụ thể hơn về phương pháp nhờ đó mà truyền đạo có thể bị thu hút vào đề tài của mình, chúng tôi xin giới thiệu phương pháp đã được F.B.Meyer sử dụng ở phần thảo luận trong quyển "The Expositor at work" của ông. Ông bảo rằng "có thể là vào tối Chúa Nhật, sau khi mọi người trong gia đình ai đã về phòng nấy, ông ta sẽ cầm lấy quyển Kinh Thánh và lật sang phân đoạn tiếp theo phân đoạn ông ta vừa giảng trong ngày. Các cảm xúc đã tác động trên tâm hồn ông ta vẫn chưa tắt." Ông ta làm việc đó trong khi vẫn còn cảm thấy rung động về bài giảng của mình, và đọc qua "phân đoạn tiếp theo đó đúng thứ tự, cho đến khi những nét đặc

trưng rõ rệt, bài học của nó hay các mệnh đề xoay quanh nó, bám chặt lấy ông ta." Sau đó, ông viết vội vài ghi chú sơ sài. Lúc ấy, ông ta chẳng cố gắng gì thêm nữa, nhưng trong lãnh vực của tiềm thức, có một điều gì đó đã khởi động. Rồi trong những ngày sau đó, ông ta ghi thêm giấy đã có những ghi chú sơ sài kia "các ý tưởng mờ nhạt với bước chân nhẹ nhàng như một bà tiên sẽ có thể lướt êm qua tâm hồn ông." Tiếp theo, ông ta tra cứu phần Kinh Thánh gốc rồi đặt nó vào bối cảnh của cả sách. Rồi ông quay sang các sách chú giải, sách in các bài giảng; "Chúng bắt ta phải suy nghĩ."Tuy nhiên, phần chính trong việc soạn bài giảng là phải đọc và đọc đi đọc lại phần Kinh Thánh. Ông giới thiệu phương pháp của một nhà giải kinh vĩ đại khác, người đã cho chúng ta biết rằng "Ông ta sẽ đọc một sách nào đó mà chính ông ta sắp giải thích, đọc từ đầu chí cuối khoảng mười đến hai mươi lần, để có thể "nắm bắt" được tinh thần của trước giả để được dầm thấm trong động cơ thúc đẩy và chủ đích đang dẫn đạo ông ta.

Như thế chính đó là phương pháp soạn bài giảng khiến cho người soạn bài giảng trở nên một với bài giảng của mình, sao cho khi ông ta giảng ra, thì văn nói của ông ta thật tự nhiên, lời lẽ của ông ta là thần linh và sự sống, và những gì từ môi miệng ông ta nói ra đều xuất phát từ chính tâm hồn mình. Như thế, tâm hồn và lời nói kết hợp lại với nhau, cho nên kết quả chắc chắn là sẽ có một bài giảng có hiệu quả.

Câu Hỏi Chương 10

1. Theo ý bạn thì đâu là nguyên nhân chính của giọng truyền giảng đều đều đơn điệu?

2. Giải thích bài giảng giải kinh đòi hỏi giọng nói phải có nhiều thay đổi như thế nào, do đặc tính của phần khai triển?

3. Phương pháp giải kinh đưa nhà truyền đạo đến gần hơn với việc tự hòa nhập vào các tài liệu của mình như thế nào?

4. Nhà truyền đạo giải kinh có thể sử dụng phương pháp giả giọng nói hay không, và nếu có, thì bạn có thể "định vị trí"cho nguyên nhân của việc làm ấy không?

Chương 11

CÁC BÀI GIẢNG MINH HỌA CÁCH SỬ DỤNG KINH THÁNH KHÁC NHAU

Ba bài giảng sau đây nhằm mục đích minh họa đầy đủ hơn nhiều phương pháp khác nhau theo đó Kinh Thánh có thể được dùng cho các bài giảng giải kinh. Mấy bài giảng này, và cả những bài giảng trong chương tiếp sau đây nữa, đều không được viết với phần mở rộng thật đầy đủ, nhưng tôi mong rằng chúng sẽ vừa đủ để làm sáng tỏ luận điểm đang được khảo xét mà thôi.

Bài đầu tiên trong số đó nhằm vạch rõ cách thức có thể xây dựng một bài giảng từ cả một sách, bài thứ hai vạch rõ kế hoạch xây dựng một bài giảng từ một thành phần của một sách; và bài thứ ba, bằng việc chỉ dùng một câu Kinh Thánh mà thôi.

LUÔN LUÔN VUI MỪNG (Phi-lip 4:4)

Nhập đề: Cuộc đời của sứ đồ Phao-lô luôn luôn phản ánh sự vui mừng, hi vọng, hạnh phúc. Thơ gởi cho người Phi-líp là nơi điều này có thể được nhìn thấy rõ nhất. Trong bức thư này, Ông đã nhiều lần đề cập

sự vui mừng của mình và các nguyên nhân làm phát sinh sự vui mừng ấy. Như chúng ta nghe ông nói: "Mỗi lần cầu nguyện cho anh em, lòng tôi tràn ngập vui mừng" (1:4). "Dù giả bộ hay chân thành, Phúc Âm của Chúa Cứu Thế vẫn được truyền bá, chính sự thật đó làm cho tôi vui mừng sung sướng" (1:18). "Xin anh em đồng tâm nhất trí, yêu thương nhau cách chân thành, hợp tác chặt chẽ với nhau, cùng nhắm vào một mục đích chung để làm cho tôi hoàn toàn vui thỏa"(2:2). Âm hiệu vui mừng này đạt tuyệt đỉnh của nó trong lời khuyên những người đọc thư ông ở 4;4, khi ông viết: "Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn, tôi xin nhắc lại hãy vui mừng."

Lắm lúc vui mừng chẳng có gì là khó khăn cả, nhưng lời khuyên này có ý nghĩa đặc biệt nơi chữ "luôn luôn" và do ông dự đoán có một số người tưởng rằng ông không hàm ý muốn nói điều mà tất cả những gì từ ngữ ấy muốn nói lên, cho nên ông phải nhắc lại: "Tôi xin nhắc lại: Hãy vui mừng!" Ông chỉ khuyên các Cơ-đốc nhân tại Phi-líp hãy làm điều ông vẫn luôn luôn làm mà thôi. Tuy nhiên vui mừng luôn luôn không phải là một tâm trạng hay thái độ tự nhiên. Khi nghiên cứu kỹ bức thư này, chúng ta sẽ thấy được nguồn cội và đặc tính của phẩm chất lúc nào cũng có này trong đời sống các Cơ-đốc-nhân.

Bây giờ, tôi xin chứng minh sự kiện ấy bằng cách vạch rõ văn mạch của phần Kinh Thánh và mối liên hệ của nó với cả sách.

1. Trước hết, xin chúng ta xét đến Hội thánh tại Phi-lip, mà Phao-lô gởi bức thư này. Nó vốn được Phao-lô thành lập trong lần đi truyền giáo thứ hai của ông, được ký thuật trong Công vụ 16ỳ. Nó bắt nguồn từ những hoàn cảnh có thể nói là đầy kịch tính. Một trong những người ăn năn qui đạo đầu tiên là một giám ngục người La mã, tin nhận Chúa Cứu Thế sau một trận động đất. Tất cả những gì chúng ta biết được về nhân sự của Hội chúng này, ấy là có một phụ nữ tên Ly-đi là thương gia, và gia đình viên giám ngục đều là thành viên.

Rõ ràng đây không phải là một Hội chúng giàu có như chúng ta được biết căn cứ vào II Cô-rinh-tô 8:1-3 vì Phao-lô đã đề cập "sự nghèo khổ cùng cực" của họ. Tuy nhiên, họ vốn hào hiệp, vui vẻ cứu trợ "dự phần giúp đỡ các tín hữu"

2. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên là chín năm sau khi Hội thánh được thành lập, khi họ nghe Phao-lô đang bị tù, họ đã tìm cách bắt liên lạc để cùng chia sẻ vui buồn với ông và gởi cho ông một tặng phẩm.

Chúng ta có thể tưởng tượng là sau khi buổi nhóm lại hằng tuần của họ để bẻ bánh vừa kết thúc, thì có thể rằng viên giám ngục đã ngỏ lời với số người đáng nhóm lại, đại khái như sau: "Chúng tôi vừa được tin rằng anh Phao-lô của chúng ta đang bị tù tại Rô-ma. Tôi từng làm giám ngục nhiều năm, nên biết rất rõ tình hình của anh như thế nào cũng điều kiện sống trong ngục như thế nào. Chắc tất cả các bạn đều biết rõ những gì anh từng làm tại đây.

Nếu đã không có sự hi sinh của anh, chắc hôm nay chẳng có ai trong chúng ta là Cơ-đốc nhân cả. Tôi tự hỏi chẳng hay chúng ta có thể làm một việc gì đó cho anh để chứng tỏ chúng ta bao giờ cũng nhớ đến anh, và những gì anh dã làm cho chúng ta. Chúng ta có thể giúp đỡ anh, và điều đó sẽ khiến anh vui mừng khi biết rằng Hội thánh tại Phi-lip này đã không quên anh" Rồi tôi cũng có thể tưởng tượng rằng bà Ly-đi sẽ đứng lên và nói: "Thật là một ý kiến hay. Tôi rất vui lòng đóng góp phần của mình." Và nghe mấy lời ấy, thì cả Hội thánh đều đồng loạt nhất trí.

Nhưng thời bấy giờ không hề có việc chuyển bưu phẩm và cũng không thể gởi tiền qua bưu điện cho nên câu hỏi được đặt ra là: Thế thì chúng ta sẽ gởi tặng phẩm đi bằng cách nào? Đến đây, tôi lại có thể tưởng tượng là có một thanh niên thành viên của Hội chúng đứng lên và nói: "Vâng, nếu không có cách nào khác, thì tôi xin lãnh nhiệm vụ đem tặng phẩm này đến tận tay ông Phao-lô." Thế là Hội thánh chuẩn bị quà tặng, và Ê-pháp-ra lên đường.

Ê-pháp-ra đã đến nơi an toàn, hoàn thành nhiệm vụ, và ở lại Rô-ma ít lâu. Tại đó, chàng ta lâm bệnh. Khi Hội thánh tại Phi-líp hay tin ấy, họ rất lo lắng cho chàng. Được biết mối bận tâm ấy Phao-lô đã thúc giục Ê-pháp-ra hãy quay về để cất đi nỗi lo của họ. Mối giao hảo giữa mọi người trong Hội thánh đẹp đẽ biết bao, Phao-lô cũng như Ê-pháp-ra đều tỏ ra biết lo nghĩ đến nhau. Cho nên Phao-lô mới viết: "Tôi thấy cần cho Ê-pháp-ra về ngay với

anh em. Được anh em cử đến giúp tôi, Ê-pháp-ra nay đã thân thiết như người ruột thịt, cũng hoạt động và chiến đấu với tôi. Anh ấy tưởng mong gặp mặt anh em. Anh ấy lo ngại vì anh em nghe tin anh đau yếu".

3. Lúc Ê-pháp-ra sắp quay về Phi-líp, Phao-lô đã làm đúng điều mà chắc chúng ta đều trông mong ông làm: Ông giao cho chàng thanh niên ấy một bức thư ông gởi cho Hội Thánh để tỏ lòng rất hoan nghênh món quà họ đã gởi tặng ông. Bức thư ấy chính là thư Phi-líp của chúng ta. Trong thư, ông viết: "Tôi rất vui mừng trong Chúa vì đã lâu lắm mà anh em vẫn còn nghĩ đến tôi. Anh em đã làm phải khi cùng chia sẻ hoạn nạn với tôi. Không phải tôi mong được nhận quà tặng; nhưng tôi mong anh em cứ kết quả càng hơn" Và giờ đây, Ê-pháp-ra đem bức thư ấy về cho hội thánh trao nó cho vị trưởng lão chủ tọa - có lẽ chính là viên giám ngụỳc cũng nên.

Và giờ đây, nhân một ngày Chúa Nhật khác, bức thư của Phao-lô được đọc cho Hội chúng cùng nghe. Tôi có thể tưởng tượng viên giám mục đã bảo rằng ông có nhận được một bức thư của Phao-lô cảm ơn họ về tặng phẩm của họ. Ông đọc cho họ nghe, và trong đó có câu: "Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn; tôi xin nhắc lại: Hãy vui mừng!" Rồi tôi nghe ông ta nói: "Phải chăng đó chính là anh Phao-lô" Chúng ta tưởng mình có thể giúp cho anh vui hơn trong hoàn cảnh bất hạnh vì chúng ta vẫn nhớ đến anh, nhưng anh viết, "tôi đã học biết cách sống thỏa lòng trong mọi cảnh ngộ." Bây giờ anh lại quay trở

lại bảo chúng ta là hãy vui mừng. Tôi nhớ lại cái đêm anh ấy bị nhốt tại nhà tù trong thành phố Phi-lip này, nhớ lại lúc đôi chân anh bị cùm chặt, nhưng đến nửa đêm, anh đã ca ngợi Chúa và các tù nhân đều lắng nghe" Dường như chẳng có gì đe dọa nổi anh và khiến anh mất tinh thần. Khi bạn bè anh đều bỏ đi và anh chỉ còn lại một mình trong ngục với số tuổi đã cao, thế nhưng anh vẫn giữ được tinh thần và do chính từng trải riêng của mình, anh đã bảo chúng ta: "Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn" và anh có thể viết thêm là "cũng y như chính tôi đang làm như thế vậy."

Kết luận: Trong Cơ-đốc giáo, có một điều gì đó giúp chúng ta vượt lên trên hoàn cảnh đổi thay của cuộc đời, và dù thành công hay thất bại, sống dư dật hay nghèo thiếu, dù con trẻ hay đã già, ta vẫn có thể nói: "Tôi hoàn toàn hài lòng" và "tôi rất hạnh phúc." Nguyện mọi người chúng ta đều từng trải được phần quyền năng ấy để sẽ "vui mừng luôn luôn."

LỜI KÊU GỌI NGỢI KHEN (Thi Thiên 65: 11)

Nhập đề. Hai thi thiên 65 và 66 là hai bài thơ ca ngợi tán tụng Đức Chúa Trời. Dường như chúng đã được sáng tác vào cùng một thời gian, dẫu sao, chúng đều diễn tả cùng một tinh thần thờ phượng. Theo phần Kinh Thánh trong 65:11 dường như câu này được sáng tác vào cuối năm, hoặc ít nhất cũng là vào sau mùa gặt trong năm.

Tác giả Thi thiên nói: "Chúa lấy sự nhân từ mình đội cho năm làm mão triều thiên." Có lẽ phần đông chúng ta chẳng gặp khó khăn gì khi muốn kể ra những điều tốt lành mà Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta, nhưng chủ đích của tôi là muốn vạch rõ điều mà chính tác giả Thi Thiên này đang nghĩ đến khi ông nói về sự nhân từ của Đức Chúa Trời. Muốn khám phá ra điều này, xin chúng ta xem xét hai Thi Thiên này, thử xem chúng ta có thể phát hiện ra những câu hay những gợi ý nào cho thấy đặc tính của sự nhân từ thiện hảo ấy hay không.

1. Sự Thịnh Vượng Vật Chất:

Chúa thăm viếng đất và tưới ướt nó.

Làm cho nó giàu có nhiều;

Suối Đức Chúa Trời đầy nước.

Khi Chúa chuẩn bị đất, thì sắm sửa ngũ cốc làm cho loài người.

Chúa tưới các đường cày nó, làm cục đất nó ra bằng.

Lấy mưa tắm nó cho mềm, và ban phước cho huê lợi của nóà

Đồng cỏ đều đầy bầy chiên, các trũng được bao phủ bằng ngũ cốc:

Khắp nơi đều reo mừng và hát xướng" (Thi 65: 9, 10, 13).

Trong trích đoạn này tác giả nhận thấy sự nhân từ (goodness: tốt lành thiện hảo) của Đức Chúa Trời nơi "ngũ cốc" và "bầy chiên." Các đồi núi và thung lũng đều "đầy" và " được bao phủ," đến nỗi mọi người đều "reo mừng" và "hát xướng."

Nước Mỹ đang trải qua một giai đoạn cực thịnh. Chúng ta đã có những mùa gặt bội thu; chúng ta đều có mô tô, máy thu thanh, và có rất ít hoặc không có người thật sự nghèo đối như điều đang có tại Âu châu và nhiều nơi khác trên thế giới. Lợi tức quốc gia, theo nhận xét của Ủy ban điều tra của Tổng thống, đã lên đến 66.000.000.000 Mỹ kim năm 1919. Nó tụt xuống điểm thấp nhất là 63.000.000.000 Mỹ kim năm 1921. Từ đó trở về sau, nó đã tăng lên và năm 1928, nó là 89.000.000.000 Mỹ kim. Mọi biểu đồ chỉ sự hưng thịnh mà chúng ta được biết đến tiến lên thật vững chắc. Chỉ số giá trị xuất cảng của Bộ dự trữ đã tiến từ 87 năm 1921 lên 108 năm 1928 và của các đợt đặt hàng gởi đến bằng đường bưu điện đã tăng từ 67 lên 137. Năm 1919, chúng ta chỉ có hai ngàn tủ lạnh, nhưng đến 1928 chúng ta đã có gần một triệu hai trăm năm mươi ngàn máy. Cũng trong thời gian ấy, máy giặt từ con số dưới một triệu một năm, đã lên đến trên dưới sáu triệu. Cả tủ lạnh lẫn máy giặt đều không thể được xem là những chuẩn điểm để chỉ sự giàu có. Tất cả mọi người đều quen thuộc với sự gia tăng phi thường của ô tô, các rạp chiếu bóng, và về các tiện nghi sinh hoạt cũng như về các thú vui của đời sống nói chung.

Các phước hạnh vật chất đó có ý nghĩa gì? Tác giảÔ Thi Thiên thấy trong tất cả những thịnh vượng vật chất ấy một lời kêu gọi hãy ca ngợi tán tụng Đức Chúa Trời. Chúng ta có đủ cảm thức tôn giáo khiến cho sự thịnh vượng của chúng ta đưa

mình đến chỗ ca ngợi tán tụng Đức Chúa Trời về lòng nhân từ thiện hảo của Ngài không?

2. Rồi một lần nữa, chúng ta lại tìm thấy trong Kinh Thánh một nguyên nhân khác nữa để ca ngợi, tán tụng Đức Chúa Trời về quyền năng thần hựu của Ngài trong lịch sử.

Hãy đến xem các việc của Đức Chúa Trời:

Công việc Ngài làm cho con cái loài người thật đáng sợ.

Ngài đổi biển ra đất khô;

Người ta đi bộ ngang qua sông:

Tại nơi ấy, chúng tôi vui mừng trong Ngài (66: 5, 6).

Đa vít đã thấy quyền năng thần hựu của Đức Chúa Trời ngay từ lúc bắt đầu lịch sử dân Y-sơ-ra-ên. Đâu là các công việc đáng sợ Ngài đã làm cho con cái loài người (theo bản anh văn)? Há không phải là lúc Pha-ra-ôn cứng lòng muốn chống lại Ngài? Đã có các tai vạ là máu, ếch nhái, ruồi muỗi, dịch lệ, ghẻ chốc, mưa đá, cào cào, bóng tối và việc tiêu diệt các con đầu lòng. Rồi Đức Chúa Trời cũng rất đáng sợ: "Ngài đổi biển ra đất khô"ạ và "người ta đi bộ ngang qua sông" tiếp sau các vạ. Đó là những việc đã xảy ra lúc bắt đầu lịch sử của họ, vì chúng ta đọc thấy liên hệ với vấn đề này: "Tháng này định làm tháng đầu cho các ngươi, tức là tháng giêng trong quanh năm" (Xuất 12:2). Trải qua mọi năm từ khi lịch sử bắt đầu, Đa vít đều có thể thấy các phước hạnh của quyền năng thần hựu của Đức Chúa Trời.

Điều này đã xảy ra thật gần gũi biết bao với lịch sử của đất nước chúng ta. Chắc chắn là đã không hề có dân tộc nào trên hành tinh này lại đi vào giai đoạn này của lòng nhân từ thiện hảo của Đức Chúa Trời như nhân dân Hoa-kỳ. Những người hành hương đã can đảm đương đầu với những nguy hiểm của vực sâu bão tố trên những chiếc thuyền mong manh, đặt lòng trông cậy vào những bờ biển chẳng mấy hiếu khách của một duyên hải trống trơn mà họ chưa hề biết tới, đã trực diện với dịch bệnh và nạn đói chỉ vì họ tin rằng Đức Chúa Trời đang lãnh đạo mình. Có lẽ chúng ta sẽ là một dân tộc tri ân Đức Chúa Trời nhiều hơn nữa, nếu chúng ta phải chia sẻ những thiếu thốn đó một thời gian, nhưng nếu những thành viên trong nhóm người ít ỏi đó có thể cùng chia sẻ hoàn cảnh của chúng ta một thời gian ngắn, chắc họ sẽ buột miệng hát lên những bài ca ngợi tán tụng, xuất phát từ những tấm lòng tri ân của mình.

Chúng ta có đủ óc tưởng tượng để ôn lại các điều kiện trong đó dân tộc ta đã vươn lên để tán thưởng quyền năng thần hựu của Đức Chúa Trời trong lịch sử của mình chăng? Thế thì: "Khá cất tiếng reo mừng Đức Chúa Trời," "hãy hát lên sự vinh hiển của danh Ngài, hãy ngợi khen và tôn vinh Ngài".

Nhưng ngay tại đây, vài người trong thời gian gần đây có thể vẫn chưa được hưởng các lợi ích vật chất có lẽ vẫn còn gặp nhiều nghịch cảnh về tài chính hoặc có lẽ đang cảm thấy mình bất năng bất

lực, sẽ nói: "Vâng với một số đông người thì có thể mọi việc đều tốt đẹp cả, nhưng điều đó không nghiệm đúng cho bản thân tôi. Tôi đang gặp khó khăn đây." Tác giả Thi Thiên đã dự đoán được lời phản đối ấy, vì ông bao gồm luôn cả điều này vào sự nhân từ thiện hảo của Đức Chúa Trời nữa.

3. Những Cơn Thử Thách Để Rèn Luyện Chúng Ta.

"Vì Đức Chúa Trời ơi, Chúa đã thử thách chúng tôi,

Rèn luyện chúng tôi y như luyện bạc.
Chúa đã đem chúng tôi vào lưới,
Chất gánh nặng quá trên lưng chúng tôi.
Chúa khiến người ta cỡi trên đầu chúng tôi;
Chúng tôi đi qua lửa qua nước;
Nhưng Chúa đem chúng tôi ra nơi giàu có"(Thi 66: 10-12).

Thử thách tốt hay xấu là do cách chúng ta tiếp nhận chúng. Nhiều câu Kinh Thánh đề cập việc Đức Chúa Trời chỉ đạo sự thử thách con người. "Ngài đã thử nghiệm chúng tôi." "Ngài đã thử thách chúng tôi." Kinh Thánh đầy dẫy những câu thừa nhận việc Đức Chúa Trời cho phép thử thách người thuộc về Ngài. Chẳng có gì để nghi ngờ, là Đức Chúa Trời đã bị chê trách nhiều hơn là những gì Ngài trực tiếp có trách nhiệm ở đây. Các hậu quả của việc cố ý vi phạm các định luật thiên nhiên vốn khó có thể qui trách nhiệm để tố cáo Đức Chúa Trời như việc thiên hạ vẫn thường làm, nhưng điều đó vẫn còn là một

vấn đề bỏ ngỏ, ấy là Đức Chúa Trời có góp phần gì hay không vào những nỗi bất hạnh của chúng ta.

Tuy nhiên, nghịch cảnh thường chứng tỏ là hữu ích cho đời sống thuộc linh. "Trước khi chưa bị hoạn nạn, thì tôi lầm lạc, nhưng bây giờ tôi gìn giữ lời Chúa" (Thi 119:67). Điều này đã được nhắc đi nhắc lại trong đời sống nhiều người ở thời đại hiện nay. Chẳng gì nguy hiểm cho đời sống thuộc linh hơn là sự thịnh vượng giàu có, cả về phương diện quốc gia dân tộc lẫn cá nhân.

Phao-lô đã phát biểu một câu thật hay về thái độ của Cơ-đốc nhân khi ông viết "Chúng ta biết mọi việc đều hợp lại làm ích cho người yêu mến Chúa." Cho dù có việc gì xảy ra đi chăng nữa, nếu đã nhằm mục đích làm ích thì đều có thể bao gồm vào trong sự nhân từ thiện hảo của Đức Chúa Trời, chớ tại sao lại ngăn trở chúng ta ca ngợi tán tụng Ngài? Đề cao những trường hợp như thế, há chẳng phải là việc nên làm hơn hay sao? Phải chăng đó đúng là trường hợp của tác giả Thi Thiên ở đây?

4. Nhưng cách diễn tả sự nhân từ thiện hảo của Đức Chúa Trời phong phú, là trong điều có thể gọi là Sự Mãn Nguyện Thuộc Linh:

"Sự vi phạm chúng tôi, Chúa sẽ tha thứ cho.

Phước thay cho người mà Chúa đã chọn và khiến đến gần,

Đặng ở nơi hành lang Chúa;

Chúng tôi sẽ được no nê việc tốt lành của nhà Chúa,

Là đền thánh của Ngài" Thi 65:3, 4

"Hỡi hết thảy những người kính sợ Đức Chúa Trời hãy đến nghe

Thì tôi sẽ thuật đều Ngài đã làm cho linh hồn tôi đây (Thi 66:16).

Ở đây, Đa-vít ghi nhận sự mãn nguyện nảy sinh từ việc chúng ta được Đức Chúa Trời tha tội cho với nhiều lòng tri ân. Ông chẳng chút nghi ngờ về thực tại của tội lỗi và niềm vui về việc được tha tội. Ông tự biết mình là một tội nhân, và biết rằng Đức Chúa Trời có thể và sẵn sàng tha tội cho nên ông ta ca ngợi tán tụng Ngài do điều ông ý thức được về tình trạng phước hạnh ấy. Ông cũng nhận thức được sự thỏa lòng đến từ việc được giao hảo với Đức Chúa Trời "Được no nê vật tốt lành của nhà Chúa." Ông vốn biết niềm vui của việc ca ngợi tán tụng, của sự giao hảo thầm lặng với Đấng vô hạn trong "đền thánh" Ngài. Chỉ có người nào biết tán thưởng hoạt động cao siêu đó của linh hồn người ta, mới có thể biết được nhờ cách nào mình được toại nguyện với sự tốt lành của nhà Chúa. "Hỡi hết thảy những người kính sợ Đức Chúa Trời, hãy đến nghe, thì tôi sẽ thuật đều Ngài đã làm cho linh hồn tôi".

Kết luận: Chắc chắn là Đức Chúa Trời đã lấy sự nhân từ thiện hảo của Ngài để đội cho chúng ta làm mão triều thiên, thế thì:

Hỡi cả trái đất
Khá cất tiếng reo mừng Đức Chúa trời
Hãy hát ra sự vinh hiển của danh Ngài
Hãy ngợi khen và tôn vinh Ngài - Thi 66:1, 2.

LỜI MÔ TẢ TRƯỚC VỀ CHÚA CỨU THẾ (Ê-sai 53: 3)

Nhập đề: Chúng ta hãy để cho tâm trí mình thấm nhuần phần nội dung của chương sách này, rồi đọc những gì các sách Phúc Âm đã viết về Chúa Giê-xu. Hãy nhìn Ngài đang đứng dưới bóng của thập tự giá, để xem có còn gì " ăn khớp " với nhau trọn vẹn hơn giữa hai phần Kinh Thánh này không. Xuyên suốt lịch sử, lời tiên tri này chỉ ứng nghiệm và ứng nghiệm thật trọn vẹn vào một mình Chúa Giê-xu người Na-xa-rét mà thôi..... chớ chẳng phù hợp với bất kỳ một ai khác.

Tôi muốn vạch rõ thế nào lời tiên tri đã được viết từ nhiều trăm năm trước khi Chúa Cứu Thế giáng lâm này đã ứng nghiệm vào cuộc đời của Chúa Giê-xu.

1. **Ngài Đã Bị Khinh Dể Và Chán Bỏ: Có nhiều lý do khiến thiên hạ có thái độ này đối với Đấng Mê-si-a.**

Có các hoàn cảnh trong đó Ngài đã ra đời. Ngài không được sanh ra trong một gia đình thế gia vọng tộc. Thiên hạ bảo nhau: Ông ta há không phải là con trai Giô-sép sao? Ngài ra đời trong một thành phố chẳng có gì quan trọng. Họ cũng thắc mắc: Há có vật gì tốt ra từ Na xa rét được sao? Cứ theo định chuẩn của thế gian mà xét thì tất cả những gì liên quan đến việc Ngài ra đời đều chẳng có chi hấp dẫn cả. Ngài chỉ như "một rễ ra từ đất khô."

Rồi tới phong cách sống của Ngài. Ngài không mặc áo dài của hàng giáo phẩm. Đi đến đâu cũng chẳng có tiếng kèn thông báo. Ngài chỉ dùng thứ ngôn ngữ đơn sơ và nói về những đều đơn sơ, như hoa, chim, hột giống, thức ăn, lưới cá; và càng tệ hơn nữa, là ngài thích hòa mình vào đám bình dân. Đối với giai cấp quí tộc lạnh lùng, kiểu cách có thế lực trong dân chúng vào thời của Ngài thái độ ấy khiến Ngài bị chê trách thậm tệ.

Rồi còn hơn thế nữa, sứ điệp của Ngài không mang tính chất phổ biến. Nhiều người "đạo đức" trong thời của Ngài cho rằng những lời Ngài nói khác xa vời các định chuẩn và lý tưởng của thời ấy, khiến họ chẳng thấy được sứ điệp của Ngài có chỗ nào có thể đúng cả. Một số ít người thì tin, nhưng lại sợ bị "cô lập," là điều chắc chắn sẽ xảy ra nếu mình công khai xưng nhận niềm tin đó, vì "có nhiều quan chức tin Ngài, nhưng sợ phái Biệt lập nên không dám thú nhận việc ấy, e bị trục xuất khỏi hội trường." Nhưng đám bình dân thì vui vẻ nghe Ngài.

Khi một chân lý xung khắc với các định chuẩn đã được mọi người thừa nhận, thì rất khó có người chịu tin nhận. Thật là khó yêu cầu thiên hạ hãy công khai xưng nhận Chúa Cứu Thế, khi điều đó có nghĩa là tự cắt đứt mối quan hệ với bạn bè vốn là những người dửng dưng hay chống lại Cơ-đốc giáo. Nó cần phải có sự can đảm mà rất nhiều người vốn không có.

"Hiện nay, Chúa chúng ta vẫn bị thế gian chối bỏ, khước từ"ợ.

Bởi những người vẫn thờ ơ chểnh mãng, và chỉ được một số ít đề cao mà thôi

2. Thống khổ nhân

Các lý tưởng của Chúa Giê-xu và việc được chúng ra áp dụng đã dẫn đến kết quả này.

Ngài vốn có lòng ưu ái đối với người đang đau khổ. Chúng ta cảm thấy đau lòng khi những người thân yêu của chúng ta phải chịu đau khổ. Tình yêu thương của Chúa Cứu Thế có tính cách phổ quát, và tình yêu thương biến sự buồn khổ của người khác thành của riêng mình. "Họ đem đến cho Ngài nhiều người đau yếu bệnh tật, và Ngài động lòng thương xót ho".. Ngài đã sống một cuộc đời dường như trong một bệnh viện rộng lớn vậy, thế nhưng đó là cách sống mà chúng ta rất thích suy nghĩ về Chúa Giê-xu. Đấng vốn biết rõ đau khổ là gì, và biết chăm sóc cho những kẻ đau khổ.

Ngài cũng là một thống khổ nhân vì tiếp xúc với tội lỗi. Người có năng khiếu về âm nhạc, rất khó chịu khi phải nghe những âm thanh chối tai. Hình phạt tệ hại nhất dành cho một con người thánh thiện đạo đức là bắt buộc người ấy phải sống giữa sự gian ác. Ngay đến Lót, tuy vốn tội lỗi, nhưng khi đến sinh sống tại Sô đôm, đã rất "bất mãn với lối chuyện trò tục tĩu của kẻ ác." Việc Chúa Giê-xu đã phải sống trong bầu không khí của xứ Palestine vào thời của Ngài, đã có ý nghĩa gì đối với Ngài?

Rồi còn có việc thất vọng của Chúa Giê-xu nơi dân chúng. Ngay trong thành phố quê hương mình,

đám quần chúng đã toan ném Ngài từ một ghềnh đá cao xuống vực sâu. Về thành phố Giê ru sa lem. Ngài nói: "Hỡi Giê ru sa lem, Giê ru sa lem ... đã bao lần ta muốn tập hợp các con như gà mẹ túc con về ấp ủ dưới cánh, nhưng chẳng ai nghe." Rồi Ngài bị một kẻ tự xưng là môn đệ và là người cộng tác thân cận, phản nộp. Tuy nhiên, tất cả những nỗi đau buồn đó đều bị che mờ bởi nỗi đau buồn là cuối cùng, dân Do Thái đã chối bỏ Ngài và Ngài phải chịu những nổi thống khổ của thập tự giá.

Danh chi danh là "thống khổ nhân"
Danh con Đức Chúa Trời xưa lâm trần!
Thay tâm ô tội, rửa rác bẩn
Lạ thay Cứu Chúa, Ha lê lu gia!

3. Từng Trải Sự Buồn Bực

Ngài rất cô đơn thậm chí các môn đệ cũng không thể hiểu Ngài. San sẻ cho họ về ý nghĩa sâu nhiệm của đời sống Ngài, là cả một cuộc chiến đấu thường xuyên.

Tuy nhiên, sở dĩ Ngài gánh nhận tất cả những điều đó là để được hợp nhất với chúng ta. Sẽ chẳng có một vườn Ghết-sê-ma-nê nào để chúng ta được kêu gọi phải trải qua những giờ phút đen tối hơn là vườn Ghết-sê-ma-nê trong đó con Đức Chúa Trời đã phải thốt lên: "Linh hồn ta buồn rầu tột độ" Sẽ chẳng có thập tự giá nào mà chúng ta được kêu gọi phải vác đi mà nặng nề hơn thập tự giá mà Chúa và là Thầy đã phải vác đến Gô-gô-tha. Chính vì thế mà

Ngài là người bạn đồng hành của chúng ta trong mọi nỗi đau buồn khổ nạn của mình.

Ngài hợp nhất với chúng ta cũng có nghĩa là chúng ta có thể được hợp nhất với Ngài. "Ngoài Chúa Giê-xu, không ai có quyền cứu rỗi loài người, vì dưới bầu trời này, chúng ta không thể kêu cầu danh nào khác để được cứu rỗi".

"Tôi phải về nhà bằng con đường thập tự giá.

Ngoài con đường này ra, chẳng còn con đường nào khác;

Tôi sẽ chẳng bao giờ nhìn thấy các khung cửa của ánh sáng

Nếu bị lạc mất con đường thập tự giá"

Kết luận: Trong bức tranh "Chúa Giê-xu là ánh sáng của thế gian" của Holman Hunt Chúa Giê-xu được hình dung là đang gõ vào cánh cửa bị đóng lại đối với Ngài. Ngài đang tìm lối vào. Đó là một bức tranh về việc Ngài đang đến gần với đời sống chúng ta. Bạn và tôi đang ở phía sau cánh cửa ấy, và then cài cửa cũng ở phía trong. Chúa Giê-xu đang phán: "Nầy, ta đứng ngoài cửa mà gõ, nếu ai nghe tiếng Ta mà mở cửa cho, ta sẽ vào ăn bữa tối với người, và người với ta."

Chương 12

CÁC BÀI GIẢNG MINH HỌA PHƯƠNG PHÁP KHAI TRIỂN KHÁC NHAU

Trong những bài giảng được nêu ra dưới đây, đã có một cố gắng nhằm vạch rõ thế nào các tài liệu của một phần Kinh Thánh có thể được dùng để triển khai một bài giảng.

Phương pháp đầu tiên đã được chúng ta gọi là phương pháp tóm tắt, khi nhiều câu Kinh Thánh liên tiếp nhau được thảo luận, và được nhập chung lại với nhau dưới một tiêu đề thích hợp. Phương pháp thứ hai minh họa kế hoạch để khai triển một đề tài từ một phần Kinh Thánh bằng cách chỉ dùng những khúc sách thích hợp để bày tỏ cho mục tiêu mà thôi, trong khi phương pháp thứ ba minh họa cho phần khai triển khi nó bị giới hạn vào chỉ một câu, hoặc một phần nhỏ trong Kinh Thánh.

GIẢI NGHĨA THI THIÊN THỨ 19

Nhập đề: *Thi thiên này là một nhập đề huy hoàng cho việc nghiên cứu các nguồn gốc chính của tôn giáo - Là cõi*

thiên nhiên, Kinh Thánh và bản ngã con người. Đây là một trong những Thi thiên nổi tiếng nhất, vì trong đó chúng ta tìm thấy một âm hiệu đáp ứng từ đời sống của tất cả những ai ý thức về một Đấng đang hiện diện đang quấy rầy họ "bằng niềm vui có được những tư tưởng thanh cao"

1. Phần thứ nhất của Thi thiên này là một bài ca tán tụng vũ trụ vật chất, hoặc cũng có thể nhấn mạnh là vấn đề Đức Chúa Trời tự mặc khải trong vũ trụ.

"Các từng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời." Ở đây dường như Đa vít đang nghĩ về các tầng trời như những nhà truyền đạo, đang truyền giảng quyền năng và vinh quang của Đức Chúa Trời.

"Ngày này giảng cho ngày kia." Đối với ông, các ngày luân phiên nhau để truyền giảng liên tục - Ngày này cho ngày kia. Đây không phải là một bài giảng chỉ dài hai mươi phút hoặc nữa giờ, rồi ngưng, nhưng là hằng ngày, hằng giờ, chẳng hề có những khoảng trống nào cả.

"Đêm này tỏ sự tri thức cho đêm nọ." Không phải chỉ có chiều dài thời gian mà chúng truyền giảng là có ý nghĩa mà thôi, nhưng chúng còn truyền giảng một điều gì đó - chúng chia sẻ kiến thức.

"Chẳng có tiếng, chẳng có lời nói." Chúng không nói bằng một ngôn ngữ mà người nghe hiểu được bị các ranh giới địa dư hạn chế - đó không phải

là tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Đức - và cũng không ai nghe tiếng của chúng nó.

"Dây chúng nó bủa khắp trái đất." Chẳng có cách gì để đo được ảnh hưởng của chúng, và lời giảng của chúng "truyền đến cực địa." Một người có thể trực tiếp giảng cho một cử tọa đông đảo hàng vạn người, và cả đến đài phát thanh vẫn không thể so được với các thiên thể trong phạm vi liên quan đến tầm ảnh hưởng.

"Nơi chúng, Ngài đã đóng trại cho mặt trời." Mặt trời trong bối cảnh là các từng trời, giống như chú rể bên Đông Phương. Chàng rể như một dũng sĩ thi tài trong một cuộc chạy đua. Và thật là một cuộc đua phi thường, khi chàng ta chạy như bay với tốc độ 4.407 dặm một giờ, chiếu tỏa ra trên đường đi của mình một thứ ánh sáng với tốc độ 186.427 dặm một giây. Đường đua của chàng là "từ phương trời nầy... đến phương trời kia" và "chẳng chi tránh khỏi hơi nóng mặt trời được"

Đến cuối câu 6 thì tư tưởng thay đổi, và tâm trí tác giả nghĩ đến một bài ca ngợi luật pháp của Đức Chúa Trời, hay

2. Đức Chúa Trời Tự Mặc Khải Trong Kinh Thánh (C.7-11)

"Luật pháp của Đức Giê-hô-va là trọn vẹn" Lẽ dĩ nhiên là câu này ám chỉ một phần Kinh Thánh, ít hơn bộ Kinh Thánh chúng ta có ngày nay, có thể là chẳng nhiều hơn luật pháp của Môi se bao nhiêu. Thế nhưng, điều đề cập ở đây cũng được nghiệm

đúng cho toàn bộ các văn phẩm mà chúng ta gọi là Kinh Thánh. Bộ sách ấy là "trọn vẹn" Chúng ta có nhận thấy điều gì có thể thêm vào đó nữa, để chúng ta được thêm ánh sáng trên con đường đạt đến mối giao hảo thiết thân hơn với Đức Chúa Trời, hay để chỉ cho chúng ta biết mình phải sống như thế nào, hay không?

"Bổ linh hồn lại." Cõi thiên nhiên vốn là điều kỳ diệu bày tỏ Đức Chúa Trời ra cho chúng ta, nhưng có ai từng nghe bảo rằng linh hồn người ta được bồi bổ là nhờ chiêm ngưỡng cây cối núi đồi, hay các thác nước hay không? Khi chúng ta cần sự chỉ dẫn rõ ràng dứt khóat về các vấn đề thực tế của đời sống, thì chúng ta phải quay sang với ý chí đã được mặc khải của Đức Chúa Trời. Điều giúp cho chúng ta phải có tính cách cá nhân.

"Các chứng cớ Đức Giê-hô-va là chắc chắn." Chúng ta có thể tin cậy vào đó. Một trong những nhà giáo dục hàng đầu của chúng ta từng tuyên bố: "Chân lý lý thuyết rất bấp bênh. Điều vốn là chân lý hôm qua, thì hôm nay là sai lầm. Điều là chân lý hôm nay sẽ là sai lầm của ngày mai." Chúng ta đều biết nhận định trên đây được nghiệm đúng như thế nào trong cái thế giới biến chuyển hết sức nhanh chóng của chúng ta ngày nay. Có rất ít những đại học đường nào sử dụng các sách giáo khoa về bất kỳ một chủ đề nào đã được xuất bản từ hơn mười năm trước. Thật là phấn khởi, mát lòng biết bao khi được đọc một bộ sách "chắc chắn" "vĩnh viễn" Lời Chúa tồn tại muôn đời.

"Làm cho kẻ ngu dại trở nên khôn ngoan." Sự kính sợ Đức Giê-hô-va là khởi đầu sự tri thức. Nó hướng dẫn đời sống - hướng dẫn số phận người ta. Chính vì thế mà nó là sự khôn ngoan tối thượng.

"Các giềng mối của Đức Giê-hô-va là ngay thẳng." Luật pháp của loài người chỉ cao ngang tầm với tinh thần đạo đức của nhóm người làm ra chúng. Chúng chẳng bao giờ đại diện cho các lý tưởng của những nhân vật thánh thiện nhất, ngoại trừ khi được chính họ chỉ dẫn, dạy bảo cho. Các giềng mối (statutes: điều lệ, qui định) của Đức Chúa Trời phản chiếu cá tính Ngài, và vì Ngài vốn là thánh, cho nên kết quả là chúng phải ngay thẳng (right: đúng thật), ban đêm cũng như ban ngày.

"Làm cho lòng vui mừng." Nhiều người đã rất vui mừng khi luật Cấm Nấu và Bán Rượu được ban hành tại Hoa Kỳ. Sỡ dĩ họ vui mừng vì tin rằng nó là đúng. Tuy nhiên, cái cảm thức đã có đó chỉ minh họa rất khiếm khuyết nỗi vui mừng của người công chính cảm thấy đối với luật pháp của Đức Chúa Trời.

"Các mạng lịnh của Đức Giê-hô-va là chân thật, thảy đều công bình cả" và "Ai gìn giữ lấy được phân thưởng lớn thay".

"Trong dòng đời băng hoại này.

Công lý có thể làm ngơ trước bàn tay tội ác được mạ vàng".

Nhưng tất cả những điều đó sẽ thay đổi, vì không hề có những ký thuật hay sự tráo trở pháp lý nào của công lý lại có thể giúp con người trốn tránh

để khỏi phải đối đầu với các hậu quả của đời sống mình. Ai tuân thủ luật pháp của Đức Chúa Trời, thì "được phần thưởng lớn," bất chấp chúng ta có nghĩ đến điều ấy hay không theo phương diện cả trong hiện tại lẫn trong tương lai của nó.

Một sự thay đổi hoàn toàn về tư tưởng cũng xảy ra trong bài thi thiên này sau câu 11, và chúng ta được hướng dẫn để không nhìn trong sách nữa, mà nhìn thẳng vào bản thân, hoặc để thấy.

3. Sự Mặc Khải Của Đức Chúa Trời Trong Đời Sống Con Người (Cc 12-14)

Một số các nhân vật vĩ đại nhất đã thừa nhận lương tâm là điểm tiếp xúc trực tiếp nhất giữa con người với Đấng Tạo Hóa. Chính tại đây, người ta biết được là mình có sống hòa hợp, đồng điệu với Đấng Vô hạn hay không, hoặc ý chỉ Đức Chúa Trời như đã được mặc khải trong Kinh Thánh có được ứng nghiệm trong đời sống mình hay không. Dù sao thì đâu là giá trị của tiếng nói của thiên nhiên và của việc Đức Chúa Trời tự mặc khải chính Ngài trong Kinh Thánh, nếu chúng không khiến được cho con người ta tự nhìn vào bên trong chính mình để lập một bảng kiểm kê các tiêu chuẩn luân lý đạo đức của mình.

Và bản tính luân lý đạo đức của con người, đã có ba loại nhược điểm. "Các lỗi tôi không biết" hay "Các tội kín giấu." Chắc mấy chữ này ám chỉ những điều nhỏ nhặt làm suy giảm giá trị của đời sống chúng ta. Nhưng điều mà thế gian khoạng được và

chỉ có riêng chúng ta biết mà thôi. Như loài kiến trắng được tìm thấy tại một vài nơi trên thế giới, tuy chúng không tạo ra những thay đổi nhìn thấy được ở mặt ngoài, nhưng có thể đục khoét cuộc đời để hủy hoại năng lực và ảnh hưởng của nó.

"Cố ý phạm tội." Chữ được dịch là " cố ý" ám chỉ một cái gì sôi nổi, sục sôi. Điều Đa vít nghi trong tâm trí dường như là việc kìm chế những thôi thúc mãnh liệt. Trong phần Kinh Thánh có hàm ý gợi lòng trắc ẩn (pathos) trong mấy chữ " kẻ tôi tớ Chúa." Tác giả này, vốn ý thức được nhược điểm của mình trong trường hợp cá biệt này. Cũng như Phi-e-rơ, do kinh nghiệm bản thân, đã viết trong thư tín mang tên ông: "Anh em thân yêu, đã biết những điều đó, anh em hãy đề cao cảnh giác, để khỏi bị những lý thuyết sai lầm của bọn xảo trá ấy quyến rũ mà vấp ngã." Lửa là một tên đầy tớ tốt, nhưng là một ông chủ xấu, như phần đông chúng ta đều biết.

"Tội trọng." Không phải chỉ có tội khiến cho ý chí bị suy yếu đi và thiêu đốt những đam mê, mà còn có tội khác nữa là vứt bỏ mọi sự tùng phục đối với Đức Chúa Trời. Cho nên ngay đến một vị sứ đồ cũng từng viết rằng: "Tôi đối xử nghiêm khắc với bản thân, bắt nó phải khuất phục, nếu không, sau khi huấn luyện nhiều người chính tôi sẽ bị loại bỏ."

Kết luận: Tác giả thi thiên dã đưa ra lời kết luận hết sức phù hợp khi bảo rằng.

"Hỡi Đức Giê-hô-va là hòn đá tôi, và là Đấng cứu chuộc tôi,

Nguyện lời nói của miệng tôi,
Suy suy gẫm của lòng tôi được đẹp ý Ngài".

CÁC QUAN ĐIỂM CŨ TRONG SINH HOẠT HIỆN ĐẠI (Giăng 7: 10-31)

Nhập đề: Lắm khi chúng ta cũng phải quan tâm đến thái độ hoài nghi của nhiều người liên quan đến những lời tự xưng của Chúa Cứu Thế. Chúng ta có thể e sợ những niềm tin mà mình vẫn xem là thiêng liêng qua nhiều năm sẽ bị lung lay chăng. Tuy nhiên, chúng ta có thể hài lòng và tin tưởng vào chiến thắng khải hoàn tối hậu của Cơ đốc giáo hơn thế vẫn thắng hơn và đức tin vẫn tồn tại bất chấp những hoài nghi ấy. Ý kiến đầu tiên được diễn tả trong phần thuật sự được chọn để chúng ta nghiên cứu cho rằng Ngài là "một người nhân đức" (c.12). Tự nó, lời phê phán này đã là một lời khen ngợi quan trọng chống lại những kẻ chê bai chỉ trích vào thời của Chúa Giê-xu.

Thiên hạ nhìn vào Chúa Giê-xu và thấy Ngài có vẻ là một người nhân đức chúng ta không còn có bức ảnh hay bức tranh nào khác của Chúa Cứu Thế. Tất cả các tác phẩm nghệ thuật của quá khứ đều tiêu biểu lý tưởng của họa sĩ nhưng ý kiến được mọi người nhất trí về nhân cách của Ngài không bị ai phản đối cả, là mọi người đều hình dung một cá tính vô cùng cao thượng trên gương mặt của Chúa Giê-xu. Chắc Ngài phải có dáng vẻ của một người nhân

đức. Gương mặt là một dấu chỉ về tâm hồn; nó là cuốn sổ ghi chép các tư tưởng. Kết quả là những người từng được nhìn thấy Chúa Giê-xu chắc phải tự nhiên xem Ngài là một người nhân đức.

Ngài truyền dạy như một người nhân đức. Chỉ cần một bài giảng đã đủ thuyết phục các quan chức rằng "Chưa hề có ai nói như người này." Phần tình cảm đối với Bài giảng Trên núi dẫn đến lời ca tụng này vẫn được tái lập một lần Ngài mở miệng dạy dỗ. Cho nên nếu họ đặt câu hỏi: "Cùng một suối nước, há có thể đồng thời lưu xuất cả nước ngọt lẫn nước đắng hay sao?" Thì chỉ là điều tự nhiên thôi.

Ngài hành động như một người nhân đức. Ngài "đi đây đi đó làm việc thiện." Ngài dành cả đời mình để sống chung với người nghèo, còn họ thì vui vẻ lắng nghe Ngài. Những người cùng định nhận thấy Ngài là một bạn thân của họ và họ rất yêu mến Ngài. Ngài là lương y cho người đau yếu bệnh tật, là người giúp đỡ kẻ cô đơn không ai nâng đỡ.

Nhưng tại sao chúng ta lại không thể ngưng tại đây để nói ngắn gọn rằng Ngài quả thật là một người nhân đức? Làm như thế sẽ là một kết quả bất nhất, kỳ lạ. Ngài vẫn luôn luôn khẳng định rằng Ngài là con Đức Chúa Trời, mà nếu không quả đúng như thế, thì có thể nào Ngài là một người nhân đức được chăng? Cho nên chúng ta cũng dễ dàng nhận thấy cái hữu lý (logic) của luận cứ do một nhóm người khác đưa ra.

Họ bảo rằng Ngài chỉ là một kẻ giỏi mị dân "Người khác bảo: Không, ông ấy chỉ khéo mị dân

(c.12). Họ cho rằng Ngài chỉ là một kẻ mạo xưng. "Chúa đáp: Tôi không đặt ra những lời này. Đó là lời Đức Chúa Trời, Đấng sai ta xuống trần gian" (c.16). Ngài vẫn khẳng định trước sau như một rằng Ngài có một mối liên hệ có một không hai với Đức Chúa Cha; Ngài kêu gọi mọi người hãy theo Ngài với tư cách là Đấng Mê-si-a. Nếu Ngài không quả đúng với những gì Ngài đã tự xưng, tức là Ngài đã lừa gạt những ai tin Ngài vậy thì khi có người bảo rằng uy quyền của Ngài chỉ một mình Đức Chúa Trời mới có được, thì Ngài đồng ý với họ. Khi Phi-e-rơ nói: "Thầy là Chúa Cứu Thế, Con Đức Chúa Trời hằng sống" Thì Ngài khen: "Si-môn, con Giô-na, Đức Chúa Trời ban phúc cho con, vì chính Cha ta trên trời đã tiết lộ cho con biết sự thật đó, chớ không phải loài người".

Theo con mắt của những người ấy, thì Chúa Giê-xu đã lừa gạt những ai tin vào những lời tự xưng của Ngài. Lường gạt thiên hạ để lấy tiền, đã là xấu xa quá rồi, nhưng đám người Do Thái này sẽ bị mất sạch khi họ từ bỏ những lời an ủi của tôn giáo của họ. Họ không thể nào cho rằng một kẻ dám đưa những đám quần chúng đông đảo chối bỏ đạo giáo của tổ tiên họ, mà lại là một người nhân đức. Số người này rất có lý. Nếu Chúa Giê-xu không phải là Con Đức Chúa Trời, thì Ngài đã mị dân, đã lừa dối thiên hạ, đã dẫn những kẻ theo mình đi lầm đường, và Ngài không phải là một người nhân đức.

Điều này dẫn đến một quan điểm thứ ba là Ngài vốn là Con Đức Chúa Trời. "Nhiều người trong

đoàn dân tin nhận Chúa" (c.31). Có người quả quyết: Đây chính là Chúa Cứu Thế (c.41). Những người đạt đến cách kết luận này cũng có những lý do hết sức vững chắc.

Trước hết, vì Ngài đã từng chứng minh về quyền năng Ngài. Chúa Cứu Thế chúng ta đang mong đợi có thể làm nhiều phép lạ hơn Ngài không? Một trong nhiều đặc điểm mà chúng ta thường liên hệ, đó là quyền phép "Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên trời đất?" Thật khó cho những ai từng chứng kiến các phép lạ Chúa Giê-xu làm, mà lại nghĩ gì khác hơn là Ngài vốn là Con Đức Chúa Trời. Lời truyền dạy và sự vô tội của Ngài về mặt lý thuyết đều có thể có được và cuộc đời chỉ có thể được lý giải trên cơ sở hoàn toàn của loài người mà thôi. Một khi yếu tố phép lạ bị loại khỏi cuộc đời Chúa Giê-xu, thì chẳng còn gì là khó khăn để mọi người cho rằng Ngài cũng chỉ là một người thường như tất cả mọi người khác. Tuy có được sự phát triển cao hơn về phương diện tâm linh, nhưng chừng nào yếu tố phép lạ còn được chấp nhận, chúng ta bị bắt buộc phải đồng thanh với viên đại đội trưởng từng theo dõi Ngài lúc chịu chết tại thập tự giá và nói rằng: "Quả thật người này là con Đức Chúa Trời."

Rồi còn có lời tự xưng Ngài dành cho sứ điệp của mình. "Ta không đặt ra những lời này. Đó là lời Đức Chúa Trời Đấng sai ta xuống trần gian" (c.16) Làm những phép lạ không thể căn cứ vào cơ sở nào của loài người để giải nghĩa được, rồi lại tuyên bố rằng quyền phép ấy vốn từ Đức Chúa Trời đến, đã

đặt Chúa Giê-xu vào vị trí chắc chắn phải được dành cho một danh vị hết sức cao trọng. Lời tự xưng đó của Ngài lại càng hữu lý hơn nữa khi chúng ta duyệt xét lại cá tính của Ngài và chú ý đến sự phù hợp trọn vẹn giữa việc Ngài vốn là người thế nào, với những lời Ngài tự xưng.

Kết luận: Nhưng tại sao lại có nhiều cách lý giải khác nhau như thế, trong khi các sự kiện đều giống nhau cho tất cả mọi người? Chúng ta cần nhớ lại một biến cố đã xảy ra trong đời sống Chúa Giê-xu, khi có người nói: " Đó là tiếng sấm; còn nhiều người khác thì nói: Một thiên sứ đã nói với Ngài." Cùng một hiện tượng xảy ra, đối với một số người, chỉ là điều tự nhiên; nhưng với một số người khác, đó là có tính cách siêu nhiên. Phải chăng đó chỉ là cách kết luận của con người, chớ không phải là đặc điểm của hiện tượng? Đó chỉ là vấn đề của thái độ chớ không phải là của chính sự kiện ấy? Trong văn mạch, còn có gì khác nữa để gợi ý về một định chuẩn hầu xác định đâạu là sự thật hay không?

Ít nhất cũng có một gợi ý mà Chúa Giê-xu đã đưa ra khi Ngài phán: "Người nào sẵn lòng làm theo ý muốn Đức Chúa Trời hẳn biết lời ta dạy là của Đức Chúa Trời hay của ta" (c.17). Đây là bí quyết để hiểu được bản tính của Chúa Giê-xu, nguyện chúng ta biết sử dụng nó.

ĐỒNG HÓA, ĐỔI MỚI, TÌM BIẾT (La Mã 12:2)

Nhập đề: Chúa Giê-xu cầu nguyện xin cho các môn đệ Ngài khỏi bị cất khỏi thế gian, nhưng cứ ở trong thế gian và được thánh hóa. Quả thật là các môn đệ Chúa vẫn còn ở trong thế gian này, nhưng tiến trình thánh hóa từ thời Chúa Giê-xu đã thay đổi rất nhiều. Ngồi trên thuyền, và chiếc thuyền nổi trên mặt nước thì thật an toàn chừng nào nước cứ ở ngoài thuyền. Tuy nhiên, lằn ranh phân biệt giữa Hội thánh và thế gian cứ liên tục bị xóa mờ, cho đến khi thật là khó nói được điều gì đang phân biệt một người tự xưng là Cơ-đốc nhân với người không phải là Cơ-đốc nhân. Với một thời đại như thế, thì lời khuyên của Phao-lô dành cho hội thánh tại Rô ma rất có thể đem ra áp dụng.

1. **Đừng Đồng Hóa Với Người Đời - từ ngữ "đồng hóa" ở đây chỉ sự giống nhau ngoại tại.** Chúng ta được cho biết Chúa Giê-xu đã "xuất hiện như một người" Sự đồng hóa mặt ngoài của một Cơ-đốc nhân với người thế gian là một dấu hiệu cho thấy người ấy cũng chia sẻ các lý tưởng của người thế gian, và Phao lô ra lịnh đừng làm điều này để chứng tỏ có thể không tham dự vào điều kia.

"Thế gian" của họ vốn rất giống với thế gian của chúng ta. Đó là một thế gian được chiếu sáng. Đó là một thế gian trong đó thiên hạ chú trọng nhất là vào những điều vật chất. Nó là thế gian ngoại đạo. Nó chẳng có bao nhiêu ý nghĩa về thế giới bên kia. Có rất nhiều thế lực đang vận hành trong đó để

khiến mọi người phải đồng hóa với môi trường đang vây quanh họ. Đạo giáo đã không còn "nắm chặt" được thiên hạ như trước nữa. Do đó, những người đã tin nhận Phúc Âm rất khó sống trong cái môi trường vây quanh đó mà vẫn duy trì được đặc tính Cơ-đốc nhân cho nên Phao-lô phải khẳng định rằng đó là việc có thể làm được và ông viết: "Đừng đồng hóa với người đời".

Thế giới của chúng ta không giống với thế giới của họ. Họ không được cơ hội để thử nghiệm các giá trị của một đời sống đặt nền trên những điều chỉ thuộc về vật chất như chúng ta. Chúng ta từng thấy sự suy bại của nước Hi lạp với nền văn hóa hết sức tiến bộ của họ, sự sụp đổ của đế quốc La mã với toàn thể thế lực của họ. Thời đại nhạc Jazz, của chúng ta đã bị thử thách. Nó đang thất bại và lẽ dĩ nhiên, là cũng đã bị thất bại. Chúng chẳng đem đến được cho người ta chút giá trị vĩnh cữu nào, vì chúng chỉ đưa ra một nếp sống cường điệu phiến diện. Cũng như Ép-ra-im đời xưa, nó như một ổ bánh "nửa sống nửa chín" một bên thì bị cháy khét, còn bên kia thì hãy còn là bột sống. Điều tối cần cho thế giới hiện đại của chúng ta là chuyển nửa phần năng lực, vì sức nóng là năng lượng, sang cho mặt kia của đời sống.

Chúng ta đã chứng kiến sự thất bại của các tiêu chuẩn sống theo duy vật và theo ngoại đạo, cho nên lời khuyên "đừng đồng hóa với người đời "phải là tiếng gọi mạnh mẽ đối với chúng ta, hơn là đối với các Cơ-đốc nhân người Rô ma.

2. "Hãy Đổi Mới." Như từ ngữ "đồng hóa" ám chỉ việc thay đổi hình thức bề ngoài như thế nào, thì bây giờ, từ ngữ "đổi mới" cũng có nghĩa là thay đổi hình thức bên trong của đời sống y như thế, Trong nguyên văn đây cũng chính là chữ đã được dịch ra là "hóa hình" trong Mã 17:2 và Mác 9:2. Ở đó, từ ngữ này chỉ việc Chúa Giê-xu hóa hình hay biến hình và nếu từ ngữ ở đây không được dùng theo đúng nghĩa về đặc tính của sự biến đổi, thì ít nhất nó cũng minh họa thật đẹp đẽ cách thức để các lý tưởng của chúng ta phải hướng tới. Phao-lô không muốn chúng ta sống rập mẫu, rập khuôn với thời đại hiện tại, mà phải sống rập khuôn, rập mẫu với lý tưởng thuộc linh được tìm thấy trong Chúa Cứu Thế.

Ông gợi ý về phương pháp nhờ đó sự đổi mới có thể được thực hiện. Đó là "đổi mới tâm trí mình." Tâm trí là khởi điểm của sự thay đổi, biến hóa." Người nghĩ gì trong lòng, là người sống y như thế ".Tâm trí được đổi mới khi những ước vọng và động lực thúc đẩy mới thay thế cho các ước vọng và động lực thúc đẩy cũ, sao cho "ai ở trong Chúa Cứu Thế là con người mới, cuộc đời cũ đã qua, nhường chỗ cho đời sống hoàn toàn đổi mới".

Nhưng sự đổi mới đời sống, do hậu quả của việc đặt ra những lý tưởng mới, là một tiến trình tiệm tiến. Cho nên tâm trí phải được đổi mới liên tục thì những nguồn tiếp liệu tươi mới của ân phúc Đức Chúa Trời sẽ được cung cấp để đáp ứng nhu cầu hằng ngày của Cơ-đốc-nhân. Điều này xảy ra như thế nào? Ta phải thừa nhận vị trí, vai trò của mình

trong thân thể Chúa Cứu Thế, như trước giả đề cập trong hai câu 4 và câu 5 sử dụng các ân tứ Đức Chúa Trời đã ban cho mình như trước được minh họa ở mấy câu 6-8. Thiết tưởng cũng cần nhấn mạnh rằng việc đổi mới tâm trí, và kết quả của sự đổi mới được thực hiện là nhờ chúng ta cộng tác với các tín hữu khác trong Chúa Cứu Thế, và nhờ chúng ta bằng lòng dâng những gì tốt nhất của mình để phục vụ Chúa.

3. "Nhờ Đó ... Tìm Biết." Điều đầu tiên phải tìm biết là "điều gì tốt đẹp." Nhiều khi người sống theo nếp sống ngoại đạo cũng tỏ ra thích thú, vui vẻ, ăn nhậu, hoàn thành các cam kết xã hội, nhiều khi được lý giải là những điều tốt lành mà đời sống cung phụng cho chúng ta. Nhưng Nước Trời thì khác hẳn: "Điều thiết yếu trong nước của Đức Chúa Trời không phải là ăn uống, nhưng là sống công chính, bình an và vui vẻ trong Thánh Linh".

Điều tiếp theo cần phải tìm biết là những gì, " hài lòng Ngài." Sự hài lòng nhờ tìm biết được điều tốt lành không phải chỉ là việc cá nhân ấy lấy làm thích thú về điều đó, nhưng là điều đó cũng làm hài lòng Đức Chúa Trời nữa. Đây là sự hài hòa trọn vẹn nhất giữa con người và Đức Chúa Trời, hiện tại và tương lai, có thể đem thế quân bình đến cho đời sống mà không hề có một định chuẩn nào khác có thể làm được.

Rồi chúng ta phải tìm biết "ý muốn.... trọn vẹn của Đức Chúa Trời" nữa. Đức Chúa Trời vốn trọn vẹn. Ngài vốn toàn tri. Vì ngài vốn trọn vẹn,

toàn tri, cho nên ý muốn Ngài cũng là tốt lành. Sống hài hòa với ý chí Đức Chúa Trời là phát giác được điều tốt nhất của đời sống. Đó không phải là mơ mộng, đó là những gì lịch sử còn ghi lại, là lời chứng cho từng trải, và nó có thể được tìm biết, được chứng nghiệm.

Kết luận: Rốt cuộc, lời khuyên giục theo ba phương diện của văn bản này đều họp lại để trở thành một lời khuyên mà thôi. Cách thẩm định phổ quát của những người đã đáp lại lời khuyên ấy là điều gì tốt lành. Sở dĩ Phao-lô biết rõ như thế, vì chính ông đã thử nghiệm. Tất cả những ai nghiêm chỉnh nghe ông, cũng đều nhất trí với ông. Các mục tiêu khác với đời sống đều đưa người ta đến thất bại. Nguyện chúng ta dám thử nghiệm điều này để có thể khám phá ra các giá trị phong phú gắn liền với đức tin đặt nơi Chúa Cứu Thế.